

KHÁI - HƯNG

Tự - Lực Văn - Đoàn

CÁI VE

TÁI BẢN LẦN ĐẦU

sau thời chiến tranh



ĐỜI - NAY

CÁI VẼ

Khái Hưng



ĐỜI NAY

xuất bản 1944

cái Ve

khái hưng

Bìa: NXB Đời Nay

Trình bày: Muôn Phương

Nguồn: Internet

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

cái Ve

KHÁI HƯNG

Tự Lực Văn Đoàn

MỤC LỤC

1. Cái Ve	9
2. Một nhà hiền triết	69
3. Bắt trộm	83
4. Hai con mắt	99
5. Tế thành hoàng	115
6. Sanh cà bung	131
7. Người vợ mù	155
8. Sư Tuệ	167
9. Lòng tốt	187
10. Linh hồn	203

11. Trăng thu	225
12. Biển	249
13. Sự bí mật của anh Chế	271

1. CÁI VẼ

I.

Bọn họ bốn người ngồi đợi bạn đi làm về để ăn cơm sáng. Có lẽ họ cùng đói cả, vì đều yên lặng, đều uể oải chẳng ai chuyện trò với ai. Một người lầu nhàu nói một mình:

– Làm gì mà giờ chưa về?

Rồi quay sang hỏi người bên cạnh đương nằm khểnh, vắt chân chữ ngũ,

chăm chú dùng móng ngón tay trở và ngón tay cái làm nhíp nhổ râu.

– Trường, thằng Việt nó có dặn mày nó không ăn cơm nhà không?

Trường nhăn mặt xuýt xoa, vì đã lơ đãng bấm phải da cằm. Người hỏi thấy vậy nhún vai ngồi im. Một lát, chàng lại cần nhần nói một mình:

– Lại lão giáo nữa!

Một hồi chuông giòn giã. Một người thở hổn hển dắt xe đạp đi vào, rồi vừa nhắc xe đặt lên cái giá gỗ, vừa cười nói:

– Xin lỗi các anh. Tôi về hơi muộn vì gặp thằng cha khó chịu quá, nó cứ vật nài đặt xong cho nó cái hòm «ắc qui» để nó đi Đồ Sơn nghỉ mát ngay trưa hôm nay.

– Hừ! ắc qui với chẳng ắc qui! Mười hai rưỡi rồi còn gì? Người ta làm lụng đầu tắt mặt tối, tháng tháng kiếm được mười mười hai đồng bạc. Đã thế, đến bữa cơm còn chưa được ăn!

– Việt đấy chứ moa thì hết giờ rồi moa cóc lắp nữa, phỏng đã làm gì moa tốt! Tội gì lại chịu đói cào ruột ra để lắp hòm điện cho nó đi nghỉ mát, đi nghỉ mát với gái.

Việt cười xòa:

– Thôi «bạc đồng» cả các anh!... Thì đã giao hẹn cứ đợi đến đúng mười hai giờ là cùng kia mà, sao các anh còn...

Trường ngắt lời Việt, cất tiếng gọi:

– Ve! Có cho người ta ăn không?

– Xong rồi đây!

Một người con gái bưng mâm cơm ra, đặt lên phản. Nàng y phục nửa thôn quê, nửa thành thị: cái quần vải thâm, cái áo dài vải đồng lấm cái kín tà, để chừa lại khuy cổ và khuy vai, cái khăn nhung vấn lẫn vành, mái tóc rẽ hơi lệch như muốn theo kiểu mới, nhưng còn nhút nhát, rụt rè, chưa dám quả quyết.

Nhắm đếm trong mâm có năm cái bát và năm đôi đũa. San, người thợ nguội ở một xưởng chữa ô tô, hất hàm hỏi:

– Thế nào, Ve, ông giáo bữa sáng nay lại không cùng ăn?

– Mời các bác xơi cơm thôi, hôm nay để ông ấy đi ăn cơm khách, vì mãi giờ vẫn chưa thấy về. Với lại ông ấy đã dặn hễ đến bữa mà ông ấy chưa về thì đừng đợi cơm, đừng để phần để phỉe gì hết.

Không nghĩ ngợi, không do dự, năm người ngồi xuống ăn liền. Họ vẫn chẳng ưa gì ông giáo Thanh mà họ cho là không vào cảnh lao động với họ: một người kiêu ngạo, ít nói, vui buồn không để lộ ra ngoài mặt, một người đã nhiều phen phê bình lời bông đùa, cợt nhả của họ bằng sự yên lặng trang nghiêm. Có lần câu tiết, bọn họ đã bảo bác Cả, mẹ Ve, dọn riêng ra cho ông ta ăn một mình. Nhưng bác Cả vẫn cố tìm lời khôn khéo nói với họ để tránh sự tổn phí thêm mâm thêm bát.

Bọn họ đã theo nghề mà phân biệt giai cấp, nhưng nếu họ biết rõ tình cảnh của Thanh thì họ sẽ thấy cũng chẳng hơn gì tình cảnh họ: dăm bộ bàn ghế nát, một cái bâng đen trong gian nhà lá trống trải, đó là khí cụ để xoay kế sinh nhai. Còn khách hàng: vài ba chục cậu trò nhỏ

từ sáu đến mười hai tuổi từ lớp đồng ấu đến lớp sơ đẳng và toàn là con các nhà bình dân buôn bán ở ngoại ô, nghĩa là không sẵn tiền và nhiều khi túng bấn nữa. Vì thế học phí chẳng lấy gì được trả sòng phẳng luôn luôn, và món tiền thầy giáo kiếm được hàng tháng chẳng mấy khi quá số mười lăm đồng. Trừ tiền thuê lớp học và các khoản chi phí khác, khéo lắm còn hơn chục bạc để ăn tiêu.

– Ve!

– Cái gì nữa thế?

– Lấy thêm cơm, mau!

Trên mâm, đĩa đậu phụ om tương, đĩa rau muống sào tóp mỡ đĩa đu đủ xanh om mắm tôm, đã sạch sẽ như lau. Ai nấy ăn ngốn ngấu, vội vàng, không trò chuyện, không ngừng gắp, không ngừng

nhai. Người ta chỉ nghe thấy tiếng hai hàm răng chạm nhau côm cốp, tiếng thìa đưa đụng mâm lách cách và tiếng húp canh súp soap.

Ăn no, ai nấy trở nên vui vẻ, và những câu chuyện khôi hài nghịch ngợm, những câu pha trò thô tục, nhặt nhèo kế tiếp nhau, chen đua nhau không ngớt, dù Ve có đứng gần đấy cũng mặc. Họ đã quen coi Ve là một người để sai khiến, một người nấu cơm cho họ ăn, thế thôi. Còn cái tuổi mười tám của Ve, họ không hề nghĩ đến bao giờ. Thấy Ve bỏ chạy, họ cho là một sự rất thường hoặc để xuống bếp làm lụng, hoặc để đi mua thức gì cần dùng, chứ không một lần nào họ tưởng rằng những lời lỗ măng, những câu bần thiêu của họ đã làm Ve bẽn lễn xấu hổ và đã đuổi Ve đi.

Là vì Ve xấu số, chẳng có nhan sắc như nhiều cô gái khác, hơn nữa, chẳng có một chút duyên lộ duyên thâm của một cô con gái đến thì. Sự trang sức của Ve, – vì Ve mới bắt đầu chăm chỉ trang sức – càng phô rõ những điểm xấu của Ve ra. Cái mặt kỳ cọ bóng loáng, hai hàm răng xĩa thuốc đen láy, chỉ làm cho cặp môi thêm thâm, thêm cong. Đôi lông mày nhỏ tả hình bán nguyệt càng thanh bao nhiêu thì hai con mắt lồi càng thô bấy nhiêu, hai con mắt đục và ướt như lúc nào cũng ám khói bếp. Một cái sẹo trắng nằm dài ở mi bên phải khiến thoát nhìn Ve là người ta để ý đến mắt Ve ngay. Có lẽ Ve cũng biết thế, nên vẫn hết sức chữa cho cái sẹo mờ đi: trước Ve đã bôi nghệ, nhưng thấy màu nghệ vàng khè không giống màu da, nàng lại thôi. Mãi sau nàng mới nghĩ ra được cách dùng màu chì nhạt. Từ đấy trong túi áo lót

mình của Ve bao giờ cũng có mẫu bút chì và cái gương tròn nhỏ.

Chính cái sẹo ấy đã đặt tên cho Ve. Thực ra Ve không có tên riêng. Khi Ve ra đời, mẹ Ve chỉ gọi Ve là cái Riêm con, và cái Riêm, chị Ve, đã nghiễm nhiên thành cái Riêm nhớn.

Năm bảy tuổi, Ve đau mắt nặng. Khỏi bệnh, còn lại cái sẹo ở mi bên phải. Từ đó, mẹ nàng khi mắng nàng thường chỉ kêu nàng là cái Ve, rồi chẳng bao lâu ai ai cũng theo thế mà gọi nàng.

– Ve!

– Các bác bảo gì?

Ve đã nhanh nhẹn ở trong nhà chạy ra. Khoát trở mâm:

– Bưng đi, Ve!

Rồi trong khi người con gái thu dọn các đĩa bát rếch, chàng cười bảo Trường:

– Mày ạ, ban nãy tao ở nhà máy về gặp con bé chỉ độ mười bảy tuổi đầu thôi. Kháu quá, mà tình quá! Tao nháy nó, nó tùm tùm.

–Ồ thú nhỉ!

San cười phì cả ngụm nước vừa uống:

– Mày tin gì nó! Nó làm như nó đẹp giai lắm, các cô con gái Hà Nội ai cũng phải lòng nó.

– Mày thì đẹp! Hôm nọ ghẹo con hàng chuối nó mắng vào mặt cho, còn không biết thân!

Ve bưng mâm bát, đĩa xuống nhà, trong lòng buồn rầu man mác. Năm nay

nàng đã mười tám tuổi rồi, mà chưa một lần nào được ai nháy hay bị ai chòng ghẹo. Nàng không hiểu sao người ta lại nháy nhau, lại chòng ghẹo nhau được và làm như thế có ích gì. Nàng chỉ biết khi một người đàn ông, như ông giáo Thanh chẳng hạn, nói với nàng những câu dịu dàng, đứng đắn, khác với những lời cục cằn của mấy bác thợ ăn cơm trọ nhà nàng thì nàng thấy tim nàng đập mạnh và nàng cảm động quá, chỉ muốn ứa nước mắt. Nhưng nàng cũng mới gặp có một ông giáo Thanh đối đãi với nàng như thế. Giá ông ấy có nháy nàng hay chòng ghẹo nàng, thì nàng xin thề với nàng rằng nàng chẳng dám tùm tùm mà cũng chẳng dám mắng vào mặt ông ấy.

– Ve, mày không đi rửa bát, còn ngồi thừ ra đấy mà nghĩ ngợi gì thế?

Nghe tiếng mẹ cự, Ve thở dài đứng dậy cắp rổ bát đĩa thông thả ra ao.

Mặt trời giữa trưa xiên thẳng ánh sáng xuống làn nước màu xanh vàng. Ve trùm vạt áo sau lên đầu để che mắt cho khỏi nắng và đỡ chói, ngồi cầu ao lấy búi rơm thông thả cọ từng cái bát, cái đĩa. Đàn cá nhỏ xúm xít bơi lại gần đớp những hạt cơm rơi, mặt nước lấm tấm, lấp lánh trông như có những hạt mưa đương dồn dập đổ xuống. Ve lấy tay khỏa mạnh, tức thì bóng nàng tan ra với đàn cá nhép tản mát lan đi. Nàng lò mò cúi xuống nhìn: mặt nước dần dần lắng lại, bóng cái sẹo ở mi mắt lơ mờ thành hình. Ve rửa tay thực kỹ, kéo vạt áo lau cho khô, rồi móc túi lấy ra cái gương con và mẩu bút chì để tô.

Giữa lúc ấy có tiếng gọi:

– Ve! Mày chết gí ở ngoài ấy à?

Ve bỏ vôi gương và bút chì vào túi, cặp rổ bát đĩa đứng dậy, trong lòng cảm tức nghĩ thầm: «Người nào cũng vậy, động nói với mình là rửa mắng! Khó chịu quá!»

Nàng cau có hỏi mẹ:

– Cái gì mà bu làm âm lên thế?

– Con giờ đi đánh, mày có sắp sửa đi chợ không, còn dềnh dàng mãi.

– Thì cũng phải rửa xong bát đĩa đã chứ!

– Câm ngay, con dĩ dại! Đây này, cầm hào bạc ra chợ mua cho tao năm bìa đậu với lại hai xu cải, một trình hành hoa. Bữa sáng còn rau muống, còn cá kho đấy, chiều dọn ra, như thế là tươm rồi.

– Có mua thêm thịt kho cho ông giáo ăn không?

Bác Cả nguýt dài, mắng con:

– Rõ khéo lời thôi, tao bảo mua thức gì thì cứ mua thức ấy có được không?

Ve bữu môi đáp lại:

– Thì người ta giả hơn tiền, cũng phải cho người ta ăn thơm tất hơn một tí chứ.

Bác Cả gí ngón tay vào trán con, hai hàm răng rít lại, thì thầm:

– Thối cơm trọ như mày thì có khi phải bán nhà mà bù. Sáu đồng bạc một tháng, mày tưởng to lắm đấy à?

– Chẳng to lắm thì cũng to hơn phần mọi người khác, họ chỉ giả bu có bốn đồng thôi.

– Nhưng đằng này người ta vừa ăn vừa trọ. Thôi, mày im ngay, đừng làm tao lộn tiết lên nữa, mà tao phang cái chày này vào mặt bây giờ.

Bác Cả đứng im vài giây rồi cười chua chát, nói tiếp:

– Dễ thường con bé này nó phải lòng nhà thầy giáo chắc! Chả thế mà hôm nào nó cũng sẵn sóc riêng đến bữa cơm của thầy ta.

Ve vùng vằng bỏ ra đi.

II

VE đương ngồi ở bếp thái hành để muối dưa, bỗng nghe tiếng guốc lộp cộp sau lưng: nàng biết rằng đó

là ông giáo Thanh, vì chỉ có mình nàng với ông giáo ở nhà. Mẹ nàng ra chợ, còn năm người ăn cơm trọ, xong bữa sáng, đã kéo nhau đi cả.

Ve cố thân nhiên chăm chỉ làm việc, như không để ý đến mọi sự xảy ra chung quanh mình.

– Cô Ve!

Không lần nào nghe hai tiếng “cô Ve” mà cô gái xấu xí không nóng bừng mặt. Cách xưng hô ấy, Ve cho chỉ để tặng riêng những người lịch sự, xinh đẹp trong các gia đình cao sang hay giàu có. Còn đối với nàng, đó chỉ có thể là một sự mỉa mai cay độc. Vì thế, buổi đầu Thanh gọi nàng là cô, nàng cảm tức tưởng như bị chế nhạo. Nhưng lâu dần nàng cũng quen tai, tuy vẫn còn hơi bẽn lễn một chút, bẽn lễn sung sướng.

– Cô Ve!

– Dạ.

Ve từ từ đứng dậy, dáng điệu giữ gìn khoan thai, yếu điệu, nhất là cố ý nhìn thẳng để Thanh chỉ trông thấy một nửa mặt không có cái sẹo dài ở mí mắt.

– Cô Ve làm ơn đun hộ tôi ấm nước sôi nhé?

– Thưa ông, vâng.

– Đây, ấm đây, cô Ve.

Ve đỡ lấy cái ấm đồng ở tay Thanh, ra vại múc nước, bắc lên bếp kiềng nhóm lửa. Rồi nàng lại ra ngồi thái hành, lòng băng khuâng cảm động: “Người ta có học hành chữ nghĩa vẫn hơn. Ăn nói ôn tồn quá. Chả bù với năm bác kia nhất là bác Trường, với bác San, động nói là gắt,

bảo làm việc gì thì như sai đây tớ vậy. Rõ nhắng quá! Ai là đây tớ họ mới được chứ?”

Một lát sau, Ve xách ấm nước lên nhà, nói se sẽ:

– Thưa ông, nước sôi được rồi đây ạ.

Thanh đương mãi chấm bài học trò ở cái hòm lớn đặt trên giường và dùng làm bàn. Ve phải nhắc một lần nữa, chàng mới nghe thấy và quay lại tươi cười nói:

– Cám ơn cô nhé. Cô để đây cho tôi.

Ve cúi đầu, thỏ thẻ:

Thưa thầy, thầy pha nước hay để làm gì?

– Tôi pha nước đây, cô ạ.

– Thế con đi súc ấm nhé?

– Được, cô để mặc tôi.

Nhưng Ve đã nhanh nhẹn ra bàn nước mở cái giỏ làm bằng tre ghép, màu sơn quang dầu đã mờ sạm và trên đây nắp vải nâu cũ, rách, để lòi cả bông nhồi ra. Nàng kéo lên một cái ấm Thanh Trì vôi thiếc cáu đầy cặn chè nụ, và mở vung ghé mắt nhòm, lăm bằm:

– Gớm! Tệ quá! Uống cạn chẳng để phần người ta lấy một giọt.

Tiếng “người ta” dùng để chỉ ông giáo Thanh mà Ve buột miệng thốt ra, nàng nghe như có chiều thân mật quá. Vì thế nàng đưa mắt liếc trộm xem Thanh có nghe rõ không. Thấy Thanh vẫn cặm cùi chấm bài, nàng mới yên tâm.

– Thưa thầy, con súc ấm tra chè mới nhé?

Thanh vẫn không ngừng lên, đáp:

– Cám ơn cô, thế thì còn nói gì nữa. Nhưng hình như chè hầy còn tốt đấy mà, bỏ sợ phí, cô Ve ạ.

Ve bóp mấy hạt chè bã:

– Thưa thầy, còn tốt đâu! Bã nát nhẽo ra rồi!

Ve dềnh dàng để được ở gần Thanh lâu thêm một lát nữa. Trong lúc nhà vắng đứng nói chuyện với Thanh, nàng coi như một việc thăm kín, vụng trộm, một việc có lỗi. ý nghĩ ấy làm Ve sung sướng, chân tay luống cuống. Nàng tra chè mới rồi rót nước vào ấm.

– Thưa thầy, con để đây, thầy chờ một lát cho ngấm đã rồi hầy uống.

– Được, cám ơn cô, cô cứ để đấy cho

tôi. Nhưng này cô Ve, sao cô cứ xưng con với tôi thế? Tôi chỉ hơn cô độ hai, ba tuổi là cùng, cô xưng con với tôi như thế e không tiện.

Ve yên lặng đứng ngây người nhìn Thanh, và ngẫm nghĩ: “Thế nghĩa là gì? Đó là câu đùa bốn trêu ghẹo, hay là lời đúng đắn tự nhiên?”. Nhưng thấy Thanh vẫn cúi đầu chữa bài học trò, Ve liền rón rén lảng xuống bếp. Một lát sau, nàng lại lên nhà, rót chén nước chè nụ đầy bụng đến để bên cạnh ông giáo và lễ phép nói:

– Thưa thầy, nước chè ngấm, vừa uống rồi đấy ạ

Thanh ngừng đầu lên tươi cười đáp.

– Cám ơn cô nhé.

Ve giật mình vì vô tình nàng đã xây về phía Thanh nửa mặt có cái sọ ở mí

mắt. Nàng cúi vội đầu xuống rồi ngoảnh trông nghiêng.

– Ve!

Ve chạy biến vào trong bếp. Tiếng bác Cả réo từ ngoài đường réo vào:

– Ve! Con chết đâm ra đây tao bảo.

Ve sợ hãi bước lại gần, hỏi:

– Cái gì thế, bu?

– Cái gì à? Lại còn cái gì à, con quạ mỗ?

Ve ngượng quá, đưa mắt nhìn Thanh, và thầm mong rằng Thanh mãi chắm bài, không nghe thấy lời rửa mắng của mẹ.

– Thì tao hãy hỏi mày: mày mua na để làm gì, hử? Tiền đâu mà mua na, hử con ranh kia? Mày ăn bớt tiền chợ để ăn

quà, phải không con đi?

Trong khi người mẹ nói một thôi một hồi, Ve chỉ đứng lặng, mặt tái đi nhìn quanh mình như để tìm cầu cứu. Bác Cả thét càng to:

– Con nỡm! Sao tao hỏi, mà y cứ đứng ý thần xác ra như con cầm thế kia?

Ve cúi tiết trả lời buông sông:

– Làm gì có tiền mà mua? Ai mua? Rõ bu chỉ lôi thôi.

Bác Cả đặt phịch cái rổ thức ăn xuống đất, ngón tay trở xía xói vào mặt con:

– À, lại còn gái đi già mồm à? Tao đi qua hàng chị Thên, chị ấy bảo mà y mua bốn xu hai quả na, rồi gửi chị ấy, chị ấy nhờ tao mang về cho mà y đây này, còn cái nữa thôi, con chết tiết, con chết bằm?

Ve cuống quít cãi liều:

– Ô hay, bu mới hay nhỉ! Có để cho ông giáo ông ấy chấm bài không?

Nghe nói đến mình, Thanh ngừng đầu nhìn: Chàng đã mục kích nhiều lần cái cảnh náo nhiệt giữa hai mẹ con bác Cả, nên những tiếng chửi rửa nhiect móc tục tằn, chàng coi thường rồi, không lấy làm chướng tai, như buổi mới đến ở trọ nữa.

– Hay sao, mà bảo tao hay sao, con kia? Tao hãy hỏi mà: tiền đâu mà mua na?

Thấy Thanh nhìn mình, Ve vớ ngay lấy chàng như người sắp chết đuối với lấy mảnh ván trôi.

– Ông giáo đấy chứ...

– Ông giáo sao?

– Mua cho ông giáo đấy chứ!

Thanh thoáng hiểu tình cảnh một cô gái đi chợ ăn quà vụng mẹ. Chàng liền nghĩ cách cứu vớt:

– À, cô Ve, tôi nhờ cô mua na cho tôi, cô đã mua chưa?

Ve toan nói: “Đấy bu coi”, nhưng nàng cảm động quá, chỉ ứa nước mắt, nghẹn ngào đứng im. Nàng không hiểu sao ông lại bênh vực nàng như thế, và bênh vực nàng như thế, ông ta có định ý gì không. Xưa nay có ai thêm thương hại nàng bao giờ đâu. Nàng ra chợ mất cắp, người ta cười chế nhạo nàng. Nàng bị mẹ mắng chửi, đánh đập, mấy người ăn cơm trọ khúc khích cười lấy làm thích chí như ngồi coi hát chèo. Thậm chí có khi nàng

ngã sâu sứt cả chân tay, mà những người qua đường cũng vỗ tay reo cười được. Không bao giờ, thực không bao giờ nàng được nếm chút tình trắc ẩn nó an ủi, vỗ về, xoa dịu lòng con người trong những giờ đau đớn.

Ve lại thuộc hạng người nhiều tình cảm. Thực là một tấm lòng yếu đuối, một tâm hồn ủy mị, chứa trong một hình thể cục mịch, một cốt cách thô sơ. Vì thế, Ve càng nhận thấy rõ rệt và cảm thấy thấm thía những sự đối đãi tai ngược và bất công của người đời. Nàng không sao thân mật được, như mẹ nàng, với cái hoàn cảnh nàng đương sống và đã sống gần hai chục năm nay, và có lẽ nàng còn sống mãi mãi cho đến khi già, khi chết.

– Thế nào, na của tôi đâu, cô Ve?

Sợ mẹ trông thấy sự cảm động của

mình biểu lộ ra bằng hai dòng nước mắt, nàng bỏ chạy xuống bếp. Thanh mỉm cười thầm, cho là nàng ngượng với mình, vì có cái nét thứ tư của “cô con gái bảy nghề”. Còn bác Cả thì vẫn chưa hết thét, tuy bác đã biết con bác không có tội.

– Ve! Con bé thế này thì thật. Sao ông giáo hỏi lại bỏ chạy, hử, con dĩ? Đấy, thầy tính nó hư đủ nét như thế, thì tôi không gào không thét làm sao được cơ chứ. Mua có hai quả na cho thầy cũng còn bỏ quên được mới nghe.

Vừa nói, bác Cả vừa cầm hai quả na còn cả lá, gượng nhẹ đặt vào khay nước.

– Thầy xơi ngay được đấy. Na đầu mùa chín tới ngon lắm.

– Cám ơn bà, bà cứ để đấy cho tôi.

– Thôi thầy ở nhà nhé. Tôi lại phải ra

chợ. Đã mua bán xong đâu. Tôi chủ định về cho con bé một trận.

Dứt lời bác Cả vừa cười, vừa cấp rổ đứng dậy. Thanh tưởng nên hỏi một câu cho có chuyện, nhân tiện để làm thân với bà chủ nhà:

– À, bác đã được tin bác giai bao giờ về chưa?

– Về gì đây! Có về thì cũng gần Tết. Nghe đâu nhà tôi nó đã lấy vợ lẽ ở mỏ rồi thì phải.

Nói câu ấy, bác Cả không có giọng ghen tuông tức tối, như nói đến một việc thường xảy ra, và xảy ra một cách rất tự nhiên. Thanh toan hỏi một câu nữa, thì bác Cả đã ra khỏi cửa rồi. Chàng lại cúi xuống chấm bài.

Bỗng nghe lách cách động chén,

chàng quay ra nhìn thấy Ve, liền mỉm cười nói:

– Na của cô đấy, mời cô cứ tự do xơi đi, bà Cả ra chợ rồi, cô không còn sợ hãi gì nữa.

– Không... tôi... mua...

Ve muốn nói: «Tôi mua biếu thầy», nhưng hổ thẹn, ngập ngừng, không dám nói dứt câu. Thanh tưởng nàng xấu hổ định chữa thẹn mà không tìm được câu ổn thỏa. Chàng đỡ lời:

– Cái đó là sự thường. Ai chả có lúc ăn quà? Vả lại ăn hoa quả tốt lắm, tôi nói ăn hoa quả chín, vì ăn hoa quả xanh rất độc rất dễ sinh bệnh, cô chớ có ăn hoa quả xanh vào.

Ve uất ức về nỗi oan của mình, mà không thể bạch được.

Ban nầy, ra chợ, thấy có mớ na đầu mùa vừa chín tới, nàng nghĩ thầm: «Ông giáo Thanh rất thích na, ta mua cho ông hai quả». Nàng vẫn có cái vốn riêng hơn hai đồng bạc, góp nhặt lâu ngày bằng tiền mừng tuổi Tết, và các khoản ăn bớt tiền chợ cùng là tiền thưởng, tiền thuê vật vãnh. Nàng bỏ ra bốn xu chọn mua hai quả na to nhất mẹt. Nhưng vừa trả tiền xong thì nàng nhận ngay ra điều này: «Làm thế nào đưa na cho thầy giáo được? Chẳng nhẽ mình biếu thầy ấy! Hay nói mua hộ thầy ấy? Nhưng thầy ấy có nhờ mình mua đâu? Mà nhớ gặp lúc thầy ấy túng quá không có bốn xu giả lại (trả lại) mình thì thầy ấy ngượng chết.»

Đương phân vân nghĩ ngợi thì thoáng thấy bóng mẹ ở đằng xa, nàng vội gửi tạm nhà hàng hai quả na, hẹn chốc nữa ra lấy.

Về nhà làm lụng và trong khi ngồi chờ ấm nước sôi, nàng chợt tìm ra được một cách rất tự nhiên, rất giản dị, là nói với ông giáo Thanh rằng có người gửi biếu. Ông ấy có hỏi ai biếu thì mình nói không biết, thế là xong.

Nàng mừng thầm, thấp thỏm đợi mẹ về chợ để ra lấy na. Chẳng ngờ đã xảy ra lỗi thôi.

– Kìa cô xơi na đi chú, chẳng ruồi nó bầu, nó đẻ trứng vào thì rồi nó sẽ nở ở trong ruột ấy.

– Gớm! Thầy chỉ...

Thanh mỉm cười:

– Hay cô muốn biếu ân nhân một nửa đấy?

Ve sung sướng choáng váng cả người, nói rất mau:

– Vâng mời thầy xơi, na ngon lắm, mời thầy xơi.

Ve bưng khay na đặt bên cạnh Thanh, nhắc lại một lần nữa:

– Mời thầy xơi.

– Ai lại thế! Cô ăn đi.

– Không, con cốt mua mời thầy xơi.

Thanh cho đó là một câu nói khéo, hoặc một câu nói để che đậy cái nét xấu hay ăn quà vặt.

– Vâng thì ăn. Nhưng hết bao nhiêu tiền rồi tôi giả cô đấy.

Và chàng nghĩ thầm: «Thế nào cô ả cũng ăn lãi được một, hai xu.» Nhưng Ve

chạy vụt xuống bếp, nói giọng nũng nịu:

– Không, con chả dám lấy tiền của thầy đâu.

III

Sáng hôm ấy, trước giờ đi dạy học, Thanh nhân nhó bưng bát cháo nóng lên gần miệng húp một thìa rồi lại đặt bát xuống thở dài và rên se se. Bác Cả cắp rổ ra chợ đứng lại hỏi thăm một câu lấy lệ:

– Thế nào ông giáo, hôm nay ông đỡ sốt rồi chứ?

– Cám ơn bà, tôi đã khá.

Thanh trả lời thế cho xong chuyện, vì biết bác Cả cũng chẳng lưu tâm cũng chẳng săn sóc gì đến mình. Thực ra, bệnh sốt của chàng từ chiều hôm trước đã tăng quá mau.

Chàng bỗng bỏ dở bát cháo, đứng dậy lấy mũ trắng đội. Nhưng đầu gối run lấy bầy chỉ chực khụy.

Chàng tức tối vút mũ xuống giường, ngồi suy nghĩ, và rút chiếc đồng hồ vò sắt ở túi áo ra xem giờ. Rồi lắc đầu phàn nàn:

– Giời ơi! Khổ thân tôi chưa!

Giữa lúc ấy, Ve xách ấm nước chèo nộ từ dưới bếp đi lên để bỏ vào giỏ. Lần đầu tiên, nàng nghe thấy ông giáo kêu khổ, người mà nàng tưởng không phút nào không vui vẻ, sung sướng, lúc làm việc

cũng như lúc nhàn rồi, vì nàng thường liếc mắt ngắm trộm ông giáo và thấy nụ cười luôn luôn nở trên cặp môi tươi, dù khi ông ta cắm cúi ngồi chấm bài học trò, hay gặp ngày nghỉ, ông ta chấp hai tay sau lưng, lững thững đi bách bộ bên rặng ổi bờ ao.

Thương hại, nàng hỏi:

– Thưa, ông mệt lắm?

Thanh quay lại ngơ ngác nhìn. Vẻ thoáng trông thấy đôi mắt đỏ ngầu, và bộ mặt xanh tái.

– Giời ơi! Thầy sao thế kia?

– Không, tôi có sao đâu.

Thanh với mũ, cặp cặp, cố gượng đi. Nhưng, lần được đến cửa, chàng thấy chóng mặt, phải vội vúi lấy cánh cửa

để khỏi ngã. Ve kinh hãi chạy lại. Nàng không dám đỡ, chỉ áy náy đứng nhìn.

– Thưa ông, để ông không đi dạy học được... Phải nghỉ...

– Không sao...

Thanh lại cố gượng đi. Nhưng lần này chàng ngã khụy xuống ngưỡng cửa. Không kịp suy nghĩ, giữ gìn, Ve đưa tay ra nâng Thanh đứng dậy, rồi thông thả dắt chàng lại giường.

– Đấy, thầy coi, thầy... không đi được.

Nghe lời nói cảm động và hơi thở mau, Thanh ngược mắt nhìn, mỉm cười cảm ơn.

– Cô cũng ốm đấy à?

– Thưa thầy... không.

Ve bẽn lễn cúi đầu. Nàng xấu hổ. Thực ra nàng cũng nhận thấy mặt tai và chân tay nàng nóng rục lên. Lần đầu nàng được nâng đỡ một người đàn ông trẻ tuổi, và người đàn ông ấy lại là ông giáo Thanh, người mà nàng vẫn kính trọng, mến yêu thâm kín. Nàng sung sướng để thân thể Thanh uể oải đè nặng lên cánh tay nàng, và hơi thở hỗn hển của Thanh nàng tưởng như lướt qua gáy và ngực nàng. Tim nàng hồi hộp đập mạnh, miệng, lưỡi nàng khô rát và tiếng nàng run run;

– Ông... ngồi xuống... Con đi... rót nước... ông xơi nhé?

Nàng bung lại đưa cho Thanh một chén nước trà khói ngát bốc lên. Thanh mỉm cười:

– Cám ơn cô... Không bao giờ tôi sốt nặng như lần này.

– Có lẽ ông bị cảm thử... Hôm qua nóng bức quá... Ông nghỉ thôi.

Thanh nằm vật ra giường vừa thở vừa đáp:

– Không... thế được, cô ạ... Máy chục học trò... đương đợi.

Suy nghĩ một lát, Thanh lại nói:

– Giá anh Nghĩa anh ấy dạy hộ một buổi...

– Anh Nghĩa nào thế, thầy?... Cô phải anh Nghĩa con ông lang Đạo không?

– Phải đấy.

– Thế thì được rồi, thầy để con đến bảo anh ấy dạy giúp thầy.

Ve toan chạy đi ngay. Thanh gọi giật lại, nói để đợi viết thư đã. Rồi vừa viết chàng vừa nói:

– Cô Ve này, tôi đã bảo cô đừng xưng con với tôi, sao cô không nghe.

Ve đứng im lặng đưa tay lên kéo mái tóc: mấy hôm trước, khăn sổ, nàng soi gương vấn lại. Ngẫu nhiên nàng ngắm thấy mái tóc xõa gần mắt không những làm cho khuôn mặt nàng bớt rộng mà lại loáng thoáng che được cả cái sẹo ở mi bên phải. Từ đó nàng vẫn có ý kéo thấp mái tóc xuống.

– Nếu cô còn xưng con với tôi, thì... từ rầy tôi không dám nhờ cô một việc gì nữa.

Bắt đầu ngay lúc ấy, bệnh Thanh tăng gấp. Rồi trong luôn ba hôm, chàng sốt

mê man, chẳng biết gì.

Hôm nay, chàng như thức một giấc ngủ liên miên đầy chiêm bao, đầy mộng mị. Chàng đưa tay lên trán gạt mồ hôi, nghĩ thầm: “Giời ơi! Mình ngủ say quá? Nhớ mới buổi sáng viết thư cho anh Nghĩa dạy học giúp. Thế là mất hai buổi rồi. Chẳng biết học trò có kêu ca gì không?”

Cái buồng hẹp và tối như làm cho Thanh bứt rứt khó thở. Chàng toan đứng dậy chống cánh phen cửa sổ trông ra ao cho sáng, và thoáng hơn một chút. Nhưng vừa sẽ trở mình, chàng thấy gân cốt đau đớn, và đầu nặng như gắn chặt xuống gối. Chàng cố sức ngồi dậy mà không sao nhúc nhích được chân tay: “Chết chữa! bệnh mình nặng đến thế kia à?”

Chàng định thần nhìn kỹ cái hòm ở

chân giường, và bát thuốc cạn đặt trên mặt hòm. Thốt nhiên một giấc mộng dần dần nổi tiếp hiện ra trong trí nhớ:

“Chàng ốm li bì, nằm thêm thiếp, chập chờn nửa tỉnh nửa mê. Trong buồng, mọi vật lơ mờ, và dưới sức nặng buổi trưa, không khí nóng như than hồng bên lò sưởi

“Bỗng một cơn gió mát thổi qua. Hương thơm ngào ngạt đầy phòng. Rồi một nàng tiên yếu điệu, nhẹ nhàng bước vào, một nàng tiên với bộ y phục trắng và trong.

“Thanh mỉm cười nghĩ thầm: “Ta chiêm bao rồi. Chứ thời nay làm gì còn tiên”. Nhưng kinh dị xiết bao! Nàng tiên đặt tay mát rượi lên trán chàng. Cái cảm giác mát ấy nhắc chàng biết rằng chàng thức. Chàng sợ hãi, kêu ú ớ rồi ngất đi.

“Lúc tỉnh dậy, chàng vẫn thấy nàng tiên đứng bên giường. Nàng thì thầm nói với chàng những lời dịu dàng êm ái rồi đỡ đầu chàng, đưa bát thuốc đến tận miệng cho chàng uống. Từ lúc đó, luôn luôn nàng tiên hiện đến thăm chàng. Có khi nửa đêm nàng cũng đến đưa tay xoa trán chàng, lắng tai nghe ngóng vài phút, rồi khi thấy chàng ngủ yên lại biến đi ngay... Kỳ thực, Thanh vẫn thức, nhưng chàng vờ lim dim cặp mắt làm như ngủ say để được ngắm nghía nàng tiên trong khi nàng bất ý...»

Ôn lại giấc chiêm bao, Thanh tưởng như nằm chiêm bao một lần nữa và muốn liên miên kéo dài mãi những cảm giác êm đềm trong giấc mộng đẹp. Một tiếng động khẽ ở cửa buồng. Có ai rón rén bước lại gần giường. Chàng nằm im chờ đợi. Một bàn tay mát đặt lên trán

chàng. Chàng tưởng nghĩ thấy hương thơm và se sẽ như nói mê: «Nàng tiên đã đến.» Chàng sung sướng ngược mắt nhìn lên, và chỉ thấy Ve đầu tóc rối bù, quần áo lệch thếch. Chàng thở dài, thất vọng, chán nản.

Ve vui mừng hỏi:

– Thưa ông đã tỉnh?

Thanh cúi kính nghĩ thầm; “Ngủ dậy thì tất là phải tỉnh, rõ hỏi lẫn thần!?” Nhưng Ve nói tiếp:

– Mấy hôm nay, ông sốt nặng quá, nói mê sảng luôn mồm.

– Mấy hôm nay?

– Vâng, ba hôm nay.

Thanh lo lắng tự nhủ “Ba hôm! Thế mà mình tưởng một nửa buổi”. Vơ vẩn

chàng nghĩ đến truyện thần tiên: “Mình mộng gặp tiên có khác vì ở tiên giới có lẽ một ngày dài gấp ba ở nhân gian”.

Thầy Thanh nằm im, Ve đã bỏ xuống bếp. Một lát nàng bưng bát thuốc đến bên Thanh.

– Thưa ông, thuốc tôi hãm vừa uống, xin mời ông xơi ngay chẳng nguội.

Thanh mỉm cười mỗi mệc và thì thào câu cảm ơn. Rồi chàng cố ngồi dậy, nhưng không sao cử động được chân tay. Ve phải cúi nâng đầu chàng lên chàng mới uống được thuốc. Trong lúc sốt sắng trông nom người ốm, Ve chẳng kịp nghĩ đến giữ gìn và hổ thẹn.

Đầu Thanh nóng bừng đặt vào trong cánh tay và cái ngực béo mát của Ve. Cảm giác êm đềm ấy làm cho trí Thanh liên

miên nhớ tới giấc mộng ôn lại dở chừng. Và Thanh mơ màng tưởng tượng ra một cách rõ rệt, với những màu, những nét tươi sáng dịu dàng, cái dung nhan kiều diễm, cái dáng điệu tiên nga của người đương âu yếm nâng niu chàng. Mắt chàng như được trông thấy hai bàn tay trắng nõn, mềm mại, nhẹ nhàng đỡ hai bên tay chàng để đặt đầu chàng xuống gối.

– Ve!

Lần thứ hai giấc mộng đứt. Ve lắm lắm:

– Làm gì mà gọi ầm lên thế không biết?

– Ve! Con chết tiệt, mày có đi dọn cơm không? Gần tối rồi, còn gì.

Ve thì thầm bảo Thanh:

– Ông nằm nghỉ. Lát nữa tôi bưng cháo vào ông xơi nhé.

Rồi Ve tắt cả chạy ra ngoài. Tiếng bác Cả lọt vào tai Thanh:

– Con bé thế thì thôi. Rúc cổ xó nào hết ngày hết buổi.

Tiếng Ve đáp khẽ, Thanh không nghe rõ, nhưng bác Cả vẫn oang oang:

– Rồi hỏi thầy ta xem quê quán thầy ta ở đâu, hay thầy ta có bà con nào ở Hà Nội không để nhắn đến mà đưa thầy ta về. Nhớ thầy ta chết ra đấy, thì sao?

– Ô hay! Bu nói khẽ chứ!

* * *

Đêm khuya, Thanh thét lên một tiếng trong giấc chiêm bao dữ dội. Chàng vừa mơ thấy chàng chết. Họ hàng thân thích không ai. Bên giường, nàng tiên đứng khóc, nước mắt rỏ lên mặt chàng. Bỗng bác Cả hung tợn bước vào lớn tiếng thét:

– Khiêng vút xác thầy ta ra đường kia.

Thanh sợ hãi nín lấy vạt áo nàng tiên và tỉnh dậy.

Bên ngoài, mưa gió, sấm chớp. Trong buồng ai vừa thoáng hiện ra lại vụt biến đi.

Và Thanh sung sướng tưởng tới nàng tiên xinh đẹp.

IV

Trong nhà ai nấy ngủ yên. Một mình Thanh vẫn còn trần trọc trên giường.

Mỗi lần chàng trở mình, cái dất nửa lại kêu rảng rặc giữa khoảng tĩnh mịch đêm trường.

Tiếng muỗi bay ngoài màn, tiếng dế rúc quanh hiên càng làm cho chàng cảm thấy rõ rệt tinh thần tỉnh táo của một người khó ngủ. Chàng lẩm bẩm: “Thôi, phải rồi, vì ban nãy ta uống một cốc chè tàu pha đường!”

Ý nghĩ ấy khiến Thanh mơ màng như trông thấy Ve hiện ra, hai tay bưng cốc nước tỏa khói thơm.

Cảm động hãy còn man mác trong lòng chàng. Chàng sẽ cảm động hơn nữa nếu chàng biết vì cốc nước chè tàu ấy mà Ve đã bị mẹ cướp bươu đầu. Buổi chiều ăn cơm xong, chàng ngồi vợ vẫn nói một mình: “Ước gì được một chén chè tàu đường mà uống, thì sung sướng quá!” chẳng ngờ câu ấy đã lọt tai Ve. Nàng cho rằng người mới ốm dậy, ăn uống được những thứ mình thèm thì chóng lại sức lắm. Túc khắc, chẳng cần suy nghĩ, nàng chạy ngay ra hiệu tạp hóa mua hai xu trà liên tâm và một xu đường phèn, rồi về cắm cũi đến nỗi quên cả rửa bát, và vì thế đã bị đòn.

Từ cốc nước trà, Thanh liên miên

ngẫm tới những sự chú ý săn sóc của Ve trong hơn tuần lễ chàng đau yếu. Mấy hôm đầu, chàng sốt nặng nên mê man chẳng biết gì, và vẫn tưởng mộng thấy có người con gái ngày đêm chăm nom thuốc thang cho mình.

Thanh càng yên trí rằng đó là một giấc mơ, khi qua mấy ngày mê sảng, chàng tỉnh táo nhận xét được mọi việc xảy ra quanh mình: mộng tàn, và người con gái xinh đẹp kia cũng biến mất.

Chàng có biết đâu rằng từ hôm thấy bệnh chàng đã bớt và chàng đã ngồi dậy được, Ve tị hiềm không dám bạ lúc nào cũng bước chân tới buồng chàng nữa, trừ ra ngày dăm, sáu lần bưng cơm, cháo, thuốc và nước vào. Những lúc ấy, Ve sẽ đặt khay cơm hay chén nước xuống mặt hòm dùng làm bàn, yên lặng đứng

ngắm qua Thanh vài giây, rồi lại rón rén đi ra liền. Họa hoằn lắm nàng mới dám hỏi thăm một câu:

– Thưa ông hôm nay ông đã đỡ nhiều chưa?

Một hôm, Thanh bảo Ve:

– Cô làm ơn hỏi ông lang hộ tôi xem hết bao nhiêu tiền tất cả để tôi giả, rồi thôi cô đừng lấy thuốc cho tôi nữa.

Ve búi ngủi nhìn Thanh:

– Ông còn yếu lắm nên uống thêm vài chén nữa cho khỏe.

– Tôi chỉ còn hơi mệt thôi, nghỉ vài hôm nữa sẽ khỏi hẳn. Với lại tốn lắm. Tiền đâu!... Để tôi uống đến bốn, năm chén rồi đấy nhỉ?

– Vâng, năm chén.

– Đấy, cô coi, năm chén, ít ra cũng hết đồng rưỡi.

Ve cố giữ một tiếng thở dài, lặng lẽ bước ra ngoài, và buồn rầu nghĩ thầm: “Ta có hơn hai đồng bạc, giá làm thế nào giả được tiền thuốc cho thầy ấy!” Chẳng tìm được cách ổn thỏa, Ve đành đem tiền Thanh giao cho sang trả ông lang Đạo. Và nàng ngao ngán tiếc những ngày ba buổi được bưng thuốc vào buồng.

Về phần Thanh, chàng cũng cảm thấy tro trọi hơn trước.

Chàng là người từ thuở bé không từng được gần tình âu yếm và hưởng những sự vui thú của tuổi trẻ thơ. Chàng ra đời được một năm thì mẹ chết, cha chàng vào Nam kiếm ăn, nhờ người em gái ở một tỉnh nhỏ nuôi nấng con họ. Người cô nhiều con, cố nhiên chẳng sẵn

sóc yêu thương đến cháu.

Chín mười năm sau kiếm được một cái vốn dăm trăm cha chàng lại quay ra Bắc làm ăn, và đưa theo ra một người vợ “Sài Gòn”, người mẹ kế của Thanh mà Thanh không sao yêu được dù chàng sợ hãi cha đến đâu mặc lòng.

Hồi đó, Thanh đương học lớp nhì. Hai năm sau, chàng đậu bằng tiểu học. Muốn tránh xa người mẹ kế ác nghiệt, Thanh xin ra Hà Nội kiếm việc làm và nhân tiện học thêm. Bắt đầu từ tuổi mười bốn, Thanh đã theo đủ các nghề, nghề chạy giấy, bán hàng, phát vé xe ô tô cho tới ngày nay đạt được cái hy vọng to tát nhất trong đời: mở một trường học nhỏ ở vùng ngoại ô Hà Nội.

Đằng đẳng hai mươi năm trời, không một lúc nào chàng được ai yêu mến,

thương xót. Chàng ao ước rằng bọn học trò nhỏ sẽ coi chàng như một người anh cả. Nhưng sự chăm chỉ nghiêm ngặt của ông thầy trong giờ học đã cắt đứt tình yêu mến của lũ trẻ thơ.

Lần đầu, Thanh nhớ lại rõ ràng cái đời đã sống, cái đời khô héo, buồn tẻ không một kỷ niệm êm đềm, không một người nào để ý đến một cách hơi thân thiết.

Thốt nhiên, Thanh nghĩ đến Ve, và chàng mỉm cười tự thương thân: “Ngày nay, có mỗi một người lưu ý đến đời mình. Nhưng người ấy lại là cô Ve!” Chàng cho đó là một sự mỉa mai độc địa và chàng tự nhủ thầm: “Ta chỉ đáng được người hèn hạ, xấu xí như Ve săn sóc tới mà thôi!”

Ý tưởng ấy vừa thành hình đã bị xóa nhòa ngay. Chàng như nghe có tiếng

trong thâm tâm trách nhie: «Hèn hạ! Sao lại hèn hạ được? Ở đời chỉ có một sự hèn hạ, sự hèn hạ của tâm hồn. Ngoài ra không có cái gì hèn hạ cả. Vả lại, mình thì cao quý với ai?»

Chàng cảm thấy dần dần rằng chàng tự khinh bỉ, tự thương hại chàng. Rồi chàng cố bình tĩnh ôn lại những cử chỉ cảm động của Ve đối với chàng, đối với một người xa cửa xa nhà giữa lúc ốm đau.

Thanh nhớ một đêm tỉnh giấc mơ, chàng thấy Ve đứng ngay bên giường. Nghe tiếng kêu ú ớ, nàng đã vội chạy vào, rồi thấy chàng nằm yên, nàng lại rón rén bước ra. Một đêm có khi đến ba, bốn lượt nàng vào buông như thế. Và Thanh tuy thức, vẫn vờ ngủ say không biết gì.

Có lần chàng quên băng đi và buột miệng hỏi:

– Cái gì thế, cô Ve?

Ve bẽn lễn, xấu hổ vừa hấp tấp bước ra vừa ấp úng đáp:

– Thưa ông... không

Từ đó, Ve sinh ra sợ hãi, giữ gìn, đến cửa buồng chỉ thò đầu vào nhìn, rồi khi nghe thấy yên lặng lại quay đi.

“Một người tốt như thế, một người mà trong những giấc mộng ta lẫn với nàng tiên xinh đẹp, thì người ấy không thể hèn hạ được».

Chàng băn khoăn nghĩ ngợi. Tiếng gà gáy nửa đêm càng làm cho chàng thêm sốt ruột, thêm khó chịu. Chàng liến ra ngoài màn và chống cái phen cửa sổ lên.

Cùng một luồng gió nhẹ, một luồng ánh trắng vàng lọt vào phòng và chênch chếp in hàng chấn song tre lên chiếu.

Cảnh ấy đã quen mắt Thanh lắm nhưng chàng tưởng được ngắm lần đầu với những cảm giác mới mẻ lạ lùng. Từ dây cây ổi lấp lánh như bạc, cái ao con, mặt nước thỉnh thoảng khẽ rung động giã ra như nhách một nụ cười, cho chí cái mái tranh, cái giậu chuồng gà nửa sáng, nửa tối, vũng nước bùn loang loáng tựa tấm gương tròn, mọi vật đều như nhuộm một thi vị thần tiên.

Thanh sung sướng mắt chớp mau tưởng đứng trước một cảnh mộng. Rồi chẳng kịp suy nghĩ rằng mình mới ốm khỏi phải kiêng gặp lạnh, chàng khoác vội cái áo lương mở cửa đi ra vườn sau.

Bên gốc ổi lả ngọn xuống mặt nước ao, một cái chõng như ân cần mời mọc. Nhưng vừa ghé ngó, Thanh giật mình vội đứng dậy: chỗ ấy ai vừa ngồi vì còn âm ẩm hơi người.

Thanh thì thầm tự nhủ: “Chắc ai vừa ra đây, thấy ta nên bỏ chạy. Ai? Lại còn có thể ai được nữa?”

Như đáp lại câu hỏi thầm kín của chàng, vệt hiện in lên nền lá tre lờ mờ, cái bóng đen, cái bóng yếu điệu thuột tha của một tấm thân mềm mại và đều đặn cân đối, Thanh chỉ kịp thốt một tiếng gọi: “Cô Ve!”, cái bóng đã chạy biến vào trong nhà.

Thanh trở về phòng nằm mơ mộng cho mãi tới khi trời sáng rõ. Một ý tưởng đã chiếm cả lấy tâm hồn chàng. Chàng

lắm bẩm luôn miệng như người mê:
“Nghĩ cho cùng thì Ve chả xấu...”

* * *

Mấy hôm sau, như sợ vợ vẫn điều gì, Thanh dọn đi ở trọ nơi khác. Nhưng cái bóng đen một đêm trắng sẽ không bao giờ rời chàng, và trong tim chàng sẽ in sâu mãi mãi cái kỷ niệm một sự dịu dàng âu yếm, sự dịu dàng âu yếm độc nhất trong đời chàng.

2. MỘT NHÀ HIỀN TRIẾT

NHỮNG bạn hữu, những người quen biết anh Đoàn đều cho rằng anh gàn, hơn nữa, đều liệt anh vào hạng ngốc.

Nhưng ngẫm cho cùng thì anh cũng chẳng gàn, mà cũng chẳng ngốc: anh chỉ là một nhà hiền triết, một nhà hiền triết đặc biệt.

Không Tử có thuyết trung dung, Lão Tử có thuyết tự nhiên, Thích Ca có

thuyết diệt dục. Cái thuyết triết lý cao siêu của anh Đoàn gồm đủ cả ba ý nghĩa trung dung, tự nhiên và diệt dục. Không rõ phải đặt tên cho nó cái tên gì, chỉ biết nó ngụ trong câu nói nghe như giản dị, ngây thơ, nhẹ dạ mà kỳ thực có một tư tưởng sâu rộng. chứa một chí khí phi thường: Chẳng đi đâu mà thiệt!

Anh có một vật quý. Một ông bạn xin khéo mất trong khi anh đi vắng. Về nhà nhận được mấy chữ của bạn để lại anh chép miệng nói:

– Chà! Chẳng đi đâu mà thiệt!

Một ông bạn quý khác giật tạt anh trăm bạc. Có người bảo cho anh biết rằng ông bạn ấy có nết vay tiền không hứng trả, và trăm bạc chẳng bao giờ sẽ trở lại với anh. Anh tươi cười đáp: Chà! chẳng đi đâu mà thiệt!

Mất trộm, mất cắp, buôn bán thua lỗ, hay bị lừa, bị dắt vào cạm bẫy, anh đều đem câu triết lý: chẳng đi đâu mà thiệt ra đối phó để tự an ủi và tha thứ cho người. Vì thế nhiều người đã tặng anh Đoàn cái biệt hiệu: anh chàng chẳng đi đâu mà thiệt.

* * *

Có lần anh Đoàn ứng dụng cái triết lý ấy một cách có vẻ trái ngược nhất, không hợp đạo nhất, là lần anh đem nó ra phụng sự một người đàn bà.

Người đàn bà ấy nhận là vợ anh, mà chính anh cũng tưởng là vợ anh, tuy đó chỉ là một người tình anh gặp một đêm trong tiệm trà.

Nhan sắc nàng kể cũng bình thường

thôi, nhưng nàng rất có duyên, rất khả ái. Cái duyên ấy, cái khả ái ấy ẩn ở đuôi con mắt một mí, ở đôi má lúm đồng tiền, ở cái sẹo nhỏ rất xinh trên trán, ở cái cười dễ dàng và ròn rã, ở những câu pha trò nhảm nhí và tục tằn.

Vì thế Châu – tên người đàn bà rất được anh Đoàn yêu mến. Không phải yêu mến say mê như người ta yêu một cô gái phóng đảng, nhưng yêu bằng một tấm yêu trong trẻo, chân thành, tự nhiên. Điều đó tôi nhận thấy ngay lần đầu đến chơi nhà anh, trong thời anh chung sống với người tình. Biết anh chưa vợ và thấy trong nhà có một thiếu phụ nhanh nhẹn, xinh tươi, tôi liền nói tiếng Pháp thăm bảo anh:

– Con gà mái anh mới kiếm được, phải không? Khá đấy chú!

Anh Đoàn không trả lời, thản nhiên nói lảng.

Còn Châu thì vui vẻ tiếp tôi, đưa nước mời tôi uống, kẹo, mút mời tôi ăn, ân cần hỏi thăm tôi về sức khỏe của tôi, về công việc của tôi. Trong khi ấy Đoàn thỉnh thoảng chêm vào một câu hoặc đề nâng đỡ Châu, hoặc để gián tiếp khen ngợi Châu.

Lúc tiễn tôi ra tới cổng, Đoàn cau có bảo tôi:

– Từ nay tôi xin anh đừng gọi Châu là gà mái nhé. Châu là vợ tôi, anh nhớ cho như thế. Nếu ban nãy nó nghe thấy anh gọi nó là gà mái, thì không những nó giận anh đến chết mà nó còn rầy tôi đến khổ.

Đoàn sung sướng nói tiếp:

– Vì Châu yêu tôi lắm anh ạ.

Thực ra, Châu chẳng yêu Đoàn một tí nào. Hay nói cho đúng hơn, Châu chỉ yêu Đoàn bằng một ái tình đặc biệt của Châu, nghĩa là ái tình san sẻ cho một bọn rất đông mà trong bọn đó, cố nhiên bạn bè của Đoàn chiếm phần đa số, vì một lẽ tầm thường, dung dị này: những ông bạn ấy được tự do đến nhà Đoàn mà tiệc tùng chơi bời với Đoàn.

Trừ Đoàn ra, ai cũng biết Châu có ngoại tình. Có người viết thư báo Đoàn, Đoàn xé thư vút vào sọt giấy vụn. Có người đến mách Đoàn và khuyên nên đuổi Châu đi, Đoàn mỉm cười đem câu triết lý vợ vắn của mình ra trả lời:

– Chà! Chẳng đi đâu mà thiệt.

Người kia hỏi:

– Nghĩa là thế nào?

Đoàn ôn tồn nói:

– Nghĩa là đuôi Châu đi thì mất Châu, không đuổi Châu đi thì còn Châu, đi đâu mà thiệt!

Rồi một hôm, – hôm ấy thế nào chẳng xảy ra? Đoàn bắt gặp Châu âu yếm tự tình với bạn. Tôi biết chuyện, đến hỏi anh:

– Anh sẽ tống cô Châu đi chứ?

Đoàn đĩnh đạc bảo tôi:

– Nếu Châu muốn đi thì tôi cũng không giữ. Còn như thích có nhiều tình nhân thì đó là quyền tự do của Châu, có làm gì cái vật ấy. Đến Châu bỏ tôi đi với người khác còn được, nữa là có tình nhân. Và ở đời, chẳng đi đâu mà thiệt, anh ạ!

Lần này thì tôi xin thú thực, cái triết lý quá nhu nhược ngu ngốc của Đoàn, tôi cho không thể tha thứ được. Lạnh lùng, tôi bắt tay anh ra về.

Hôm sau, Châu bỏ Đoàn đi biệt.

* * *

Sáu bảy năm qua, cái triết lý vô lý đã đưa Đoàn tới đích, một cách vững vàng và chắc chắn: hết tiền, hết tình, bạn cũng hết.

Một hôm đi lang thang ngoài phố, anh ngẫu nhiên gặp Châu vẫn trẻ, vẫn tươi, vẫn có duyên, nhất là trang sức lộng lẫy, rực rỡ như một bà hoàng. Châu chào hỏi Đoàn:

– Anh không được mạnh hay sao mà trông người gầy sòm đi thế?

Đoàn điềm đạm trả lời:

– Lâu ngày không gặp anh, nên Châu tưởng thế đấy thôi.

Nhưng bộ quần áo Đoàn mặc thì hẳn là Châu không cần tưởng cũng thấy nó bạc màu và sờn rách.

– Anh vẫn ở chỗ cũ đấy chứ.

– Không, anh dọn nhà đã lâu.

Dứt lời Đoàn cười sảng sặc đi thẳng, không để cho Châu hỏi thăm tin tức và vờ không nghe thấy câu nói đùa của Châu:

– Dẫu sao cũng chẳng đi đâu mà thiệt, anh Đoàn ạ!

Chiều hôm ấy, Châu đến hỏi tôi chỗ ở của Đoàn. Tôi cười gằn đáp một câu mỉa mai đau đớn:

– Bà về hơi chậm! Vì bây giờ, không những anh Đoàn không bao nuôi bà, mà lại còn khó lòng tránh khỏi tù về tội lừa đảo một nghìn bạc của bà hàn Y... Bà ta giao cho Đoàn món tiền ấy nói là để đóng thóc, nay đến hạn, không có thóc, mà cũng chẳng còn tiền trả lại.

Châu thở dài, nói:

– Chính anh Đoàn bị lừa đảo tôi biết chắc như thế. Anh ấy còn lừa đảo được ai? Cứ tin rằng chẳng đi đâu mà thiệt, thì bao giờ cũng thiệt...

* * *

Đoàn chỉ còn một việc: chờ bà Hàn đưa mình ra tòa để vào nhà pha nằm nghỉ. Nhưng chờ ba bốn tháng, vẫn chẳng thấy gì, đến nỗi anh sinh nghi ngờ, vợ vẫn nghĩ thầm: Có lẽ chẳng đi đâu mà thiệt thực chẳng?

Một hôm Đoàn đi làm về, – anh xin được chân đánh máy chữ ở một nhà buôn. – Gặp bà Hàn đi xe qua. Anh toan lủi thì bà đã bảo xe đỗ lại và cất tiếng gọi:

– Ông Đoàn, sao lâu nay không thấy ông lại chơi?

Đoàn lo lắng: “Thôi chết với nó rồi!”

Chưa kịp tìm cơ khất quanh, thì bà Hàn đã mau miệng nói luôn:

– Khi nào cần tiền tiêu, mời ông cứ lại đằng nhà. À! thưa ông, bà có nhà không, chiều tôi lại chơi?

Đoàn cười gượng, cố lấy lòng bà chủ nợ. Bà ta lại nói:

– Quý hóa quá! bà nhà ngoài ba mươi tuổi mà còn trẻ măng như con gái. Thế mà ông chẳng cho tôi biết để tôi đến chơi. Thực là một người đàn bà đáng kính. Bỏ ra hơn một nghìn bạc giả nợ cho chồng, mà vẻ mặt cứ tươi như đóa hoa.

Đoàn kinh ngạc tưởng ngay đến Châu.

* * *

Sau hỏi ra, Đoàn mới biết Châu ngày nay là vợ góa của một ông quan tư rất giàu ở Cao bằng. Anh cười ngất nói với mọi người:

– Tôi truyền bá cái triết lý rất nhân đạo của tôi trong khoảng hơn mười năm giờ, mãi ngày nay mới được một tin đồ chân chính.

1935

3. BẮT TRỘM

HẾT chuyện ma, họ kể sang chuyện trộm cướp. Một người nói:

– Cướp thì rất tầm thường. Chúng chỉ cạy sổ đồng rầm rộ kéo đi phá phách. Nghe bắn một phát súng chỉ thiên ở tận đằng xa, đã chạy như đàn vịt...

– Phải trộm mới đáng sợ. Một mình lén vào nhà người ta. Làm sao cho chó không sủa, cho đầy tớ không biết, đi trong

buồng tối, sao không cho đụng chạm bàn ghế đồ đạc, nhờ chủ nhà thức giấc, bắt chước sao cho hết tiếng chuột chạy, nằm im ở một xó kín cho người ta không thấy mình, co hai chân hai tay nằm vúi lên găm bàn trong hàng giờ không mỏi. Thực là một nghệ thuật... rất phiền phức.

Mọi người cười ồ:

– Ăn trộm là một nghệ thuật?

– Một nghệ thuật hẳn chứ. Đây tôi nói nghệ thuật, vì nghệ thuật, xin đừng ai đụng chạm tới vấn đề luân lý xã hội.

– Nhưng bắt trộm cũng là một nghệ thuật, nghệ thuật vì nghệ thuật mà vẫn ở trong phạm vi luân lý xã hội.

Câu trả lời nhỏ nhẻ khoan thai khiến ai nấy đều quay lại nhìn. Người vừa nói là một ông già ngoài sáu mươi tuổi,

vẻ mặt răn rỏi, da dẻ hồng hào, tuy mái tóc, chòm râu đã bạc, một ông lão quắc thước. Có người hỏi:

– Thưa cụ, hẳn cụ biết nhiều câu chuyện lý thú về cách bắt trộm.

Ông già mỉm cười, ung dung đáp:

– Không, chuyện lý thú thì tôi không biết. Nhưng tôi có bắt được trộm một lần.

Mọi người reo mừng:

– Bắt được trộm bao giờ, thưa cụ?

– Chắc hồi đó cụ còn trẻ?

– Cụ bắt bằng cách nào thế?

Chờ cho im lặng hẳn, ông cụ thông thả kể:

– Ba năm trước...

Một người kinh ngạc hỏi lại:

– Mới ba năm nay thôi?

– Ba năm trước... Nhưng nếu tôi không tả rõ nếp nhà tôi ở thì các ông khó lòng mà hiểu được. Nhà tôi ở phố hàng Giấy¹, chia ra ba ngăn. Ngăn ngoài, cửa bức bàn, không có gác, là một ngôi hàng bán mật, vì tôi buôn mật. Qua một cái cửa vào ngăn giữa chỗ tôi ở. Ngăn này có hai căn gác nhỏ thấp, từng dưới thông nhau thành một gian dài kể cả cái sân có mái nối liền hai nhà với nhau. Trong cùng là ngăn bếp,

Xưa kia, nghĩa là trước thời xảy ra vụ trộm, vẫn có vợ chồng thẳng cả ở cùng nhà với tôi. Nhưng nó vừa đến hạn phải đi làm giáo học trên thượng du hai năm, Thành thử trong căn nhà rộng ấy,

1 Phố hàng Giấy thời xưa nhà thường thì gian ngoài là cửa hàng giấy, hàng mật, gian trong là nhà hát cô đào.

chỉ có mình tôi, với một đứa cháu gái ngồi coi hàng và một thằng ở trông nom quét dọn gánh nước làm cơm.

Tối đến, thằng Tý – tên thằng ở – thu xếp cửa hàng rồi vào ngủ trong bếp. Đó là một thói quen trong các nhà buôn bán. Vì để nó ngủ ở ngoài hàng, sợ đêm hôm nó mở cửa đưa trộm cướp vào nhà. Ở căn giữa thì gian ngoài có giường ngủ của tôi, — một cái sập gụ, — gian trong, giường ngủ cháu Thu mới mười bốn tuổi. Còn trên gác thì vẫn bỏ không từ ngày vợ chồng con tôi đi xa vắng.

Tôi phải kể dài dòng như thế, tôi phải kể rành mạch chỗ ở ra như thế thì các ông mới hiểu được câu chuyện, như tôi đã nói.

Nửa đêm hôm ấy... tôi bỗng thức giấc... và tôi thấy rờn rợn... hình như tâm

linh vừa bảo cho tôi biết nhà có trộm, tuy đêm khuya im phăng phắc. Lẳng tai nghe... hai con chuột đuổi nhau. Tôi tự thẹn cho cái tính nhút nhát và hay ngờ vực của tôi. Nhưng giữa lúc toan trở mình quay mặt vào phía trong, thì bên ngăn tủ ở một góc nhà, tôi thấy loè một tia sáng rất nhỏ và rất mau. Tôi định thần nhìn kỹ về phía cái tủ ấy mà tôi dùng để chứa tiền nong và các đồ quý giá. Dần dần, dưới ánh ngọn đèn hoa kỳ từ mù hiện ra hình mờ mờ một người lực lưỡng...

Một người nghe chuyện hỏi:

– Cụ hô hoán lên chứ?

– Không. Các ông tính nhà thì vắng, cháu thì nhỏ, mình thì già, mà tên trộm thì khỏe, vả nào nó chẳng có khí giới để phòng thân. Thấy động chẳng biết gì, nó hãy thí cho mình một nhát dao đã... Vì

thế, tôi nằm im, mắt lim dim nhìn qua màn... Tên trộm quay đầu lại, có lẽ nghĩ ngợi điều gì, rồi se sẽ... se sẽ... khép hai, cánh cửa tử lại... Một tiếng chuột rúc... Tên trộm biến mất...

Tôi đã toan dậy, nhưng còn sợ hãi, do dự.

Bỗng tiếng động ở trên mái nhà cầu, tôi ngược mắt nhìn: một mẩu dây thừng lòng thông đang từ từ kéo lên. Thì ra tên trộm rờ mái nhà thả giây leo xuống...

Tôi toan hô hoán kêu trộm. Nhưng chợt nghĩ ra làm thế vô ích. Một kẻ có gan rờ mái ngói thả dây vào một nhà lạ thì lúc nó ra thoát, rồi có tài thánh cũng không đuổi kịp nữa. Vả trong tủ, hiện tôi cũng không có nhiều tiền. May cho tôi, những món tiền họ ban chiều tôi đi thu chưa mấy người chịu đóng.

Vì thế tôi bình tĩnh, yên lặng nằm chờ cho tên trộm lạ lòng đặt lại rui, lợp lại ngói. Tôi nói lạ lòng là vì nếu nó là một tên trộm tầm thường thì không khi nào nó thèm lợp lại mái nhà cho người mất trộm...

Một người cười nói:

– Mà cụ cũng lạ lòng lắm nữa. Mất trộm mà còn tò mò nằm nhìn xem kẻ trộm lợp lại mái nhà ra sao.

Ông lão mỉm cười rất có duyên:

– Phải, tôi cũng có tính hơi tò mò. Mãi một lát sau tôi mới dậy vặn đèn. Tủ vẫn đóng khít và vẫn... khóa. Thì ra, các ông ạ, giữa lúc chuột rúc là lúc chú chích vặn khóa đấy. Tôi mở tủ ra coi; các vật không suy suyển một ly. Tám tờ giấy bạc một đồng và một đồng hào rời vẫn còn

y nguyên. Tôi soát lại nhà một lượt, tỉnh không mất một tí gì.

Tôi tự nhủ: Tên trộm kỳ quặc thực! Khó khăn lắm mới vào lọt được nhà mình, thế mà lại chịu ra không. Hay là...

Tôi chợt nghĩ tới thằng Tý. Tôi vẫn ngờ nó gian và vẫn định bụng đuổi nó đi. Buổi sáng tôi lại bảo nó coi nhà để tôi đi thu tiền họ. Thì ra nó biết mỗi kỳ tiền họ tôi thu về có tới ba nghìn bạc, nên nó đã đi báo với đồng đảng của nó. Tôi đoán chắc điều đó là đúng, vì ban chiều thằng Tý xin phép tôi đi thăm một người cô ốm, mãi gần tối mới về.

Biết vậy, tôi làm lơ như đã không xảy ra một sự gì. Rồi ba hôm sau, tôi lại đi thu tiền họ, đem về bày la liệt trên sập, đếm đi đếm lại. Thằng Tý đi qua vờ nhìn thẳng nhưng tôi cũng nhận thấy nó liếc

tới những tập giấy bạc của tôi.

Chiều hôm ấy, không đợi nó xin phép, tôi sai nó vào Thanh Oai đưa một bức thư cho một người bạn, và dặn nó ngủ lại một đêm, mai về cũng được. Thôi, anh nhỏ sung sướng như mở cờ trong bụng. Đã có dịp đi báo đồng đảng, mà chính đêm chủ mất trộm, mình lại ở xa nhà những mấy chục cây số, còn ai ngờ vực được mình nữa...

Đêm đã khuya, tôi tắt đèn nằm chờ...

– Chờ kẻ trộm à, thưa cụ?

– Chứ còn nhờ ai nữa!... Mãi vào khoảng hai giờ sáng mới có tiếng động ở trên mái nhà cầu. Tôi cười tủm tỉm mừng thầm. Đêm khuya thanh vắng mà lại đã biết trước, nên tôi nghe rõ tiếng đặt từng viên ngói một.

Bỗng rơi bồm một tiếng to. Tôi vờ hỏi:

– Cái gì thế, mày?

Rồi trở mình quay mặt vào tường. Một lát lại có tiếng “phòm phốp” như ai cố sức rút chân trong bùn. Tôi quay ra nói một mình “Quái! để nhà có ma! » Nhưng tôi vẫn không dậy.

Cứ thế trong hơn một giờ, hể chung quanh im lặng thì tôi nằm yên, hể hơi có tiếng động chạm tôi lại cất tiếng nói.

Về sau ý chừng đã hiểu thấu mưu sâu của già, nên chú trộm ta đành chịu hàng:

– Lạy cụ, con cần rơm cần rác con lạy cụ, ra ơn cứu con với, con phục cụ lắm rồi...

Tôi vẫn còn vờ:

– Ô hay! Dễ nhà có trộm!

Tôi liền dậy vặn hết cả ba ngọn đèn điện lên, ba gian trông trống sáng trưng,

Ở gian nhà cầu, trong một cái kiệu cao quá hai thước và miệng rộng bằng cái vại lớn. Một cái đầu trọc với bộ mặt tái đen, hai con mắt thao láo sợ hãi. Hai bàn tay thi cổ vúi lấy miệng kiệu cho người khỏi chìm lỉm.

Tôi lại gần kêu:

– Giời ơi! ai tinh nghịch lại vào đứng trong kiệu mật thế này? Còn gì là mật của tôi nữa!

Tên trộm lạy van:

– Thôi con xin cុ, con phục mưu của cុ rồi. Cុ tha cho con thì không những từ rày con kiếu cុ ra, mà con còn cam

đoan với cụ rằng không bao giờ cụ sẽ bị mất trộm nữa.

Tôi cố nhin cười, nói:

– Lấy sức mà co người lên.

Tên trộm làm theo lời tôi, nhưng không sao lên được. Mật đặc dính quá. Thì ra trong nhà tối như bưng, cu cậu không ngờ có kiện mật ở dưới chân, khi tưởng xuống gần tới đất rồi liền buông giây thừng ra, đến nỗi người rơi mạnh vào kiện mật. May mà mau tay vớ được miệng kiện đấy, không chứ thì đã chết ngạt rồi.

Ai nấy cười vang. Một người hỏi:

– Vậy cụ làm thế nào lôi được anh trộm lên?

– Ấy, nhân thế mua vui với hai ông

láng giếng mà ban tối tôi đã nhờ vãn hộ cái kiệu và cùng tôi chuyển mật vào đó, tôi gọi cửa mời họ sang chơi. Quả họ không thể nhịn cười được. Rồi cả ba chúng tôi phải xúm nhau lại mới lôi được anh trộm ra khỏi kiệu mật. Tôi tự phụ bảo anh ta:

– Đáng lẽ tôi điệu anh lên Cầm. Nhưng đối với tôi, làm như thế tầm thường lắm. Vậy anh hãy ra bể nước kia mà tắm rồi tôi cho quần áo thay mà về. Muốn cho thằng Tý một bài học, tôi vào buồng lấy quần áo của nó đưa cho tên trộm. Còn bộ quần áo đầm mật thì tôi để ngay ở đầu giường thằng đẩy tớ bắt lương ấy. Nó sẽ hiểu...

Những người nghe đều tấm tắc khen:

– Cụ thực là một nhân vật kỳ dị hiếm có.

– Nhưng chưa hết. Để tôi kể nốt đã. Sáng hôm sau tôi đương ngồi ăn bánh cuốn với cháu, một người đi thẳng vào đặt lên bàn năm cái giấy bạc hai chục mà nói rằng:

– Con đến tạ ơn cụ.

Tôi giật mình: “Giời ơi! Tên trộm hôm qua!” Nhưng chưa kịp trả lời thì nó đã lủi mất.

Tôi chợt nghĩ đến số tiền họ, vội mở tủ ra soát lại và thấy thiếu mất một trăm bạc. Thì ra, ngay tối hôm trước, giữa lúc mọi người xúm xít nhau cười nói bông đùa, anh trộm đã có đủ thời giờ mở tủ lấy bốn trăm bạc.

4. HAI CON MẮT

ÔNG cửu Niệm ồm li bì đã gần hai tháng. Ông ta mắc một bệnh mà các thầy lang đều cho là bệnh mê sảng của những người già lẩn, tuy ông của năm nay chưa đầy sáu mươi. Bệnh như không tăng mà cũng không lui. Đêm nào cũng vậy, cứ vào khoảng một hai giờ khuya, ông cửu lại ú ớ kêu la cầu cứu, khiến con cháu ông đều thức dậy, chạy cả đến bên giường. Vừa thở hỗn hển, ông vừa thuật lại giấc mơ dữ dội:

Hai con mắt hiện lên ám ảnh ông, chăm chú nhìn ông, hai con mắt to như mắt hộ pháp, lòng trắng, trắng dã và tròn, lòng đen đen nháy và vuông. Ông rên hừ hừ:

– Ồi giời ơi! Hai con mắt! Hai con mắt vuông!

Rồi cho đến sáng, ông Cửu không sao ngủ được.

Một hôm ông gọi đông đủ con cháu đến bảo:

– Tao chắc đây là một việc báo thù hay là một cuộc đòi của.

Ông Cửu như ngẩn ngại, sợ hãi xấu hổ, nằm im lìm suy nghĩ, gương mặt nhìn thẳng lên đỉnh màn. Trong khi ấy các con cháu ông yên lặng, lo lắng, kính cẩn đứng đợi. Về sau không giữ nổi, ông thở dài kể tiếp:

– Chúng mày hẳn không biết vì sao ngày nay tao có cái cơ nghiệp này, cha mẹ tao có để cho tao một đồng, một chữ nào đâu. Cả người trong làng cũng vậy, thấy tao đang nghèo đói, — đói thực ấy — bỗng trở nên giàu có, làm nhà làm cửa, tậu vườn tậu ruộng, thì họ cũng đoán và họ đồn rằng tao được cửa, thế thôi, chứ sự thực thì tao chưa hé ra với ai một lời nào. Nhưng sự thực thì chính tao được cửa. Ngày xưa, tao nghèo lắm, thường đi gánh thuốc Lào thuê cho người hoặc làm bất cứ công việc gì để kiếm một ngày hai bữa cơm và vài tiền quý, có khi giờ làm đói kém, chỉ được một ngày hai bữa cơm thôi cũng đã là may lắm rồi.

Một hôm tao đào móng nhà cho ông chánh Thà. Lúc ấy về chiều tối, ai nấy đã nghỉ tay, sắp sửa ăn cơm. Nhưng tao còn đào chơi vài nhát thưởng nữa. Có lẽ giờ

xui khiến ra thế, vì có ai bắt mình làm đầu! Mà nào mình có làm việc cho mình cho cam!

Bỗng giữa những tiếng giục giã:

– Ra ăn rồi, anh Niệm!

Tao thấy chối tay và nghe thấy một tiếng cạch: lưỡi thuổng của tao vừa xiên xuống một vật rắn chắc như thành, một cái tiểu sành vậy. Tao cúi xuống bới nhìn thì đó là một cái vại nhỏ đầy nắp, mà nắp lại trát gấn bùn rất cẩn thận. Tao đồ rằng trong đó có vật quý nên vội lấp lại, điềm nhiên đi ăn cơm với mọi người.

Đêm hôm ấy, tao xin ngủ lại chỗ xưởng làm; như thế là một sự rất thường, vì tao vẫn ở làm thuê cho ông chánh có khi trong luôn dăm ba bữa nửa tháng, không về qua nhà. Tao chờ đêm khuya

vắng, đến chỗ móng đào, bới đất moi lên được một cái vại, chỉ bằng cái nén cà nhỏ ấy thôi. Nhưng mà tao bê thấy nặng quá. Nền nhà mới dựng vào một khu vườn rộng: ông chánh Thà giàu lắm, đất ở thênh thang có tới vài mẫu. Tao đem cái vại của tao tới bụi chuối rậm, rồi mở nắp lấy hết những vật ở trong, gói vào giẻ rách giấu đi. Tao cũng không biết đó là những vật gì. Mãi hôm sau đem về mới biết là vàng, toàn những vàng thoi...

Ông Cửu ngừng kể. Các con cháu vẫn im lặng đứng chờ, vì chưa thấy có liên lạc giữa hai con mắt và ông với cái vại vàng chôn. Sau một lúc lâu, ông Cửu lại nói:

– Vậy tao chắc nay... nó đòi của, nó theo tao nó đòi của. Hai con mắt nó hiện ra – kia, nó hiện ra kia, – hai con mắt nó về để báo cho tao biết... để báo cho tao

biết rằng... tao đã đến ngày tận số...

Ông Cửu ghen ngào như bị hai bàn tay vô hình bóp cổ.

Người con cả ông an ủi:

– Thưa thầy, thầy được của là giới cho thầy. Của ấy là của giới. Nếu là của ông cha ông Chánh Thà để lại thì sao ông chánh lại không biết gì, thì sao xưa kia ông ta lại không đả động tới, mà các cụ tiền nhân cũng không báo mộng báo mị gì cho ông ta hay, nhất là tại sao của ấy lại không lọt vào tay ông ta. Lại điều này nữa khiến con tin chắc chắn rằng giới dành của ấy cho thầy: Là tại sao thầy lại tìm thấy cái vại để vàng giữa lúc nghỉ việc? Nếu thầy đào được sớm hơn, vào buổi sáng hay buổi trưa chẳng hạn, thì có phải âm ỹ lên và ông chánh đã nhận mất vàng rồi còn đâu. Không, con dám quả quyết

ràng của ấy là của giời chứ không phải là của tổ tiên ông chánh. Của giời dành cho thầy. Vì thuở xưa hay kiếp trước thầy đã tu nhân tích đức nhiều lắm.

Ông Cửu mỉm cười nhắc lại:

– Thầy đã tu nhân tích đức nhiều lắm!

Ông nghĩ đến những việc ông đã làm; nào cho vay nặng lãi, nào cấm vườn, cấm ruộng, cấm nhà của con nợ, nào trữ thóc gạo lại không bán làm cho giá cao lên trong khi bao nhiêu người chết đói. Và ông lẩm bẩm: “Hay đó là hai con mắt của bọn ấy đến đòi mạng, đến bắt mình phải đem mạng mình ra mà thế mạng?” Nhưng ông nghĩ tiếp ngay vì trong khi ốm, tinh thần ông sáng suốt khác thường: “Nếu là mắt của chúng thì sao hai con mắt ấy lại lạ lùng thế? Sao lòng đen lại

vuông, lại to thế? Không, chắc đây là mắt thần!”

Tự nhiên trong tưởng tượng ông, một vị thần hiện ra, trần truồng ngồi trên bệ gạch, một vị nữ thần miệng gắp nhựa trám và hai con mắt to thao láo lòng trắng tròn, lòng đen vuông. Rồi pho tượng biến dần, biến dần... chỉ còn lại hai con mắt đăm đăm nhìn ông. Ông lại la:

– Giời ơi! Hai con mắt! Hai con mắt vuông!

Và lắc đầu xua tay đuổi cả con cháu ra ngoài phòng.

Mấy người con bàn nhau về căn bệnh cha. Họ đoán có tiền oan nghiệp chướng chi đây. Họ liền mời các vị cao tăng đến lập đàn ba ngày ba đêm ở sân để tụng kinh, giải ách cho tha. Đêm thứ ba, cúng

chúng sinh: một nhà sư tốt giọng hát bài ca chiêu hồn để gọi linh hồn chúng sinh về nghe kinh phật, trong bọn có đủ các hạng khốn nạn, cùng khổ trong loài người.

Nào những kẻ sa cơ, lỡ bước...

Bỗng ông cữu kêu rú lên một tiếng rồi ngất đi.

Và ông mơ thấy đi trên con đường nắng, chân mỏi, bụng đói. Hai bên đường lúa mọc xanh rờn, người làm việc đông đảo. Họ hát những câu ca dao mà ông cũng thuộc và những khi đi gặt hái ông thường hát.

Tới một cái miếu con ẩn trong bóng cây đa um tùm, ông dừng chân ngồi nghỉ. Một tia hy vọng vụt chiếu rọi vào mắt ông: ông vừa trông thấy kê trước

cửa miếu một cái nia đầy những xu và trính... Ông đưa mắt nhìn quanh: không một ai. Mấy nén hương cắm trên một thếp vàng tỏa mùi thơm lạnh lẽo và càng làm tăng phần tĩnh mịch nơi miếu vắng. Ông tự nhủ thầm: “Mình chỉ việc đưa tay ra bốc một nắm bỏ túi là sẽ có cơm ăn, là sẽ không chết đói”. Và ông đưa tay ra thực. Nhưng ông lại rút tay lại, tưởng như có ai ghé mắt đâu đó đứng nhìn. Ông nghĩ đến câu chuyện mừng, chuyện thổ, những chuyện ma xó giữ nhà: mình vào nhà lấy trộm vật gì trong khi chủ đi vắng, con ma sẽ đọc tên vật ấy lên rồi nó theo rồi mình mà bóp cổ cho mình chết. Tự nhiên, ông rùng rợn, dựng tóc gáy, vội vã bỏ đi.

Đi được một quãng, ông lại quay về cái nia tiền. Ông định bụng cứ lấy một ít đi ăn cơm rồi chết thì chết cũng cam

lòng. Chết còn hơn đói. Giữa lúc ấy một người đi đến. Ông sợ hãi nấp vào sau gốc đa. Người kia thân nhiên qua miếu, và ông nghe thấy hấn ném vào nia một đồng trinh. Chờ cho hấn đi khỏi, ông lại nhô ra, đến bên cái nia, dăm dăm nhìn. Nhưng vẫn không sao dám nhặt vài đồng trong nia tiền... của thánh. “Của thánh... lấy, tội chết, thánh quật chết!” Ông cửu Niệm thì thầm. Rồi quả quyết đi thẳng.

Một quãng xa, ông gặp trên con đường rẽ vào cái chợ đương họp, một chị ăn mày ngồi phục bên một cái rổ, một cái gậy, và nguốc mắt trắng đục nhìn trời, miệng kêu than như ca hát: “con người thì có, con mắt thì không...” Trong rổ có hai đồng trinh. Mắt ông Cửu như dán vào đó. Ông cứ đứng im một hồi lâu, tai như lắng nghe câu van lơn của người ăn mày. Nhưng sự thực ông đương nghĩ

thầm: “Nó mù! Nó mù! Nó không trông thấy mình... Quanh đây không một ai...” Và ông cúi xuống, lẳng lặng cúi xuống, rón rén nhặt hai đồng trinh thu vào trong bọc.

Rồi ông hấp tấp chạy, như sợ người mù đuổi theo. Ông vào chợ mua bát cơm đây, ăn ngón ngấu. Ăn xong, ông quay về con đường cũ. Qua đầu đường, ông vẫn thấy người ăn xin ngồi nguyên chỗ, và trong rổ của nó hai đồng trinh vẫn còn. Ông mừng thầm tự nhủ: Thì ra mình mơ thấy mình lấy hai đồng trinh của nó. Kỳ thật mình có lấy đâu?

Tới miếu cũ, ông ngắm lại cái nia. Lạ lùng chưa! Bao nhiêu trinh trong nia đã sắp thành từng đôi một. Và chỉ trong một giây biến thành những cặp mắt. Những cặp mắt ấy to mãi ra, to mãi ra và trùng trùng nhìn thẳng vào mắt ông, những

cặp mắt lòng trắng tròn, lòng đen vuông. Cùng một lúc tiếng ăn mày cất lên từ phía, giọng nghe thê thảm: “Lạy ông lạy bà, ông bà thương con, con người thì có, con mắt thì không”. Rồi bao nhiêu cặp mắt vuông bay tới tấp vây chặt lấy ông Cửu...

Ông kêu thét lên. Rồi ông tỉnh mộng.

Ngoài sân, tiếng nhà sư đọc bài chiêu hồn chúng sinh giọng trầm bổng như kẻ ăn mày kêu đường. Ông Cửu thở hổn hển, rồi lại ngất đi.

– Cha nhiều tội lắm. Cha ở ác với rất nhiều người, nhưng với hai con mắt... với hai con mắt vuông ấy thì cha chết mất. Đó là hai con mắt thịt, hai con mắt trần, chứ không phải mắt thần, mắt thánh nào cả như cha vẫn tưởng nhầm. Ngày ấy... đã lâu lắm... Nhưng mà thôi, đã có các

con chuộc tội cho cha. Ngày hôm nay các con cho rao mõ rằng luôn năm hôm cha phát chẩn cho những người đói khó trong khắp vùng này. Mỗi người các con cho một bát gạo với hai đồng trinh. Hai đồng trinh, các con nhớ chưa? Đó là cha trả nợ, còn bát gạo là cha trả lãi.

Chiều hôm ấy, ông Cửu nghe tiếng mõ rao, vì biết rằng các con ông sẽ làm theo lời ông giới lại. Ông sung sướng mỉm cười trong giấc ngủ cuối cùng: ông chắc chắn sẽ thoát khỏi sức áp bách sức thôi miên của hai con mắt vuông.

Xuân 1940

5. TẾ THÀNH HOÀNG

NGUỒI ta đồn ông thành hoàng làng Tiên thiên lắm. Mỗi lần rước ngài là một lần vất vả khổ sở cho dân ngài: nào ngài bay, nào ngài lúi, nào ngài quay, có khi ngài lại đứng ỳ ra nữa. Các quan viên tha hồ xuýt xoa van lạy, khẩn khứa ngài đủ các câu, ngài vẫn làm ngơ như không nghe thấy gì hết. Những lúc ấy nếu không đốt một tràng pháo thật dài để mừng ngài, thì khó lòng ngài chịu đi cho.

Thế mà năm năm ra giêng vào đám, vẫn hai lượt dân làng Tiên phải rước ngài, một lượt từ miếu ra đình để ngài chứng kiến việc hội họp ăn uống, và một lượt từ đình trở về miếu để an nghỉ. Khó khăn nhất, mệt nhọc nhất cho bọn khiêng kiệu là quãng đường qua đình Tràng. Ngài nô rồn, ngài chạy cuồng, ngài nhảy cẫng như vui thích khoái trá về một điều gì. Người ta nói vì đức thánh đình Tràng là một vị nữ thần mà ngài nghịch ngợm thích trêu ghẹo chơi.

Dân làng Tiên cũng không ai phàn nàn về cái thiêng của ngài. Trái lại, người ta còn lấy làm hãnh diện được thờ một vị thần mà khắp vùng đều kinh sợ. Không phải sợ bóng sợ vía, nhưng sợ những sự tác oai hiển hiện trước mắt. Một lần, một đứa trẻ chần trâu trèo lên cây muỗm trước miếu, đã bị ngài quật ngã chết tươi.

Lại một lần một con bé bế em đi xem rước, giơ tay chỉ trỏ kêu ngài, bị ngài hành cho một trận ồm thập tử nhất sinh.

Người ta đua nhau thuật những phép thiêng của ngài. Câu chuyện mà người ta hay kể nhất, kể với một giọng rụt rè, kinh hãi là câu chuyện ông tiên chỉ đương đứng đại bái tế ngài, bị ngài phạt ngã gục xuống bất tỉnh. Người thì bảo vì ông tiên chỉ vô ý hôm trước đã ăn mấy miếng thịt “cây”. Người thì bảo đồ lễ sắm không được tinh khiết. Có người lại quả quyết rằng vì ông tiên chỉ đã đem rượu ty lên dâng ngài, nên ngài hành phạt cho tỉnh ngộ để từ rày phải dùng rượu ngang vào việc cúng tế.

Nhưng đó toàn là những lời phỏng đoán. Và đều không đúng sự thực. Vì sự thật tôi đã được chính ông tiên chỉ đại bái thuật cho nghe, trong một tiệc rượu.

Cố nhiên ông ta say khướt. Không say dễ ai đã dám bắt kính đối với một ông thần, một ông thần linh thiêng nữa. Vì đây chính là một câu chuyện bắt kính. Với lại cũng tại mấy chị cô đầu quê. Các chị ấy có duyên quá! Và bông đùa và nhí nhảnh nói tục luôn miệng, khiến ông tiên chỉ cũng vui câu chuyện, không kịp nghĩ ngợi suy tính kỹ càng. Trong một bàn tiệc có gái, thì điều gì mà người ta không kể, quý hồ gọi được tiếng cười của cử tọa, nhất là của gái.

Hôm ấy đã khuya, có lẽ quá nửa đêm. Chúng tôi đánh tổ tôm ở nhà ông chánh Bá làng Cầm. Trong số năm chân có ông tiên chỉ làng Tiên.

Bổng chủ nhân cao hứng cho gọi “nhà trò”. Gặp mùa các đình vào đám, làng Cầm có tới ngót chục cô đầu quê. Và lúc ấy hát hầu thánh đã xong, các cô

rồi, tìm hản thế nào cũng đến ngay.

Quả nhiên chỉ mười lăm phút sau, đã dẫn đến hai cô, y phục nửa tỉnh nửa quê, cái áo lụa trắng kiểu mới che gần kín cái quần lĩnh thâm. Một cô lại có cả mái tóc vấn trần làm nổi hản cái mặt tuy hơi khô nhưng rất cân đối dễ thương. Đứng bên hai cô, anh kép, mắt ngái ngủ, hai tay ôm đàn, mồm há hoắc ngáp lấy ngáp để.

Chủ nhân nhờ người cầm bài để xuống nhà giục đồ nhắm và cháo gà. Nhưng một ông khách có nhã ý xin tan cuộc tổ tôm, tiền góp còn bao nhiêu sẽ chi tất cả cho cô đầu. Tôi nhìn đồng hào trong khay và đếm nhắm có lẽ tới được ngoài ba đồng. Đối với cô đầu quê, chỉ như thế cũng đã hậu.

Tiếng trống, tiếng đàn chen tiếng phách. Hết bắc phả sang thét nhạc, hát

nói. Rồi mâm rượu bưng lên.

Đến tỳ bà thì ai nấy đã chuyển choáng men, tiếng nói che lấp tiếng ca. Một người chừng đã hát cô đầu tỉnh, ép chị Tữu hãm nhà báo một câu.

Chuyện bắt đầu nồng nàn, và sỗ sàng, và tục tĩu. Quan viên nói tục, cô đầu nói tục. Họ quanh quẩn vui thú trong những ý tưởng dâm dăng. Hết chuyện người, họ đến chuyện thần, chuyện dâm thần.

Tôi chợt nhớ tới ông thần thiêng làng Tiên. Và tôi hỏi ông tiên chỉ:

– Nghe nói đức thánh xã nhà thiêng lắm, phải không?

Gặp lúc tỉnh, chắc ông Chỉ – tiếng gọi tắt chức tiên chỉ – đã trầm trồ ca tụng “đức thánh”. Nhưng hiện ông ta say, say túy lúy càn khôn, nên chẳng kịp giữ gìn

nữa, buột miệng đáp liền:

– Vâng, ngài thiêng lắm. Nhưng bảo ngài thiêng mà quật tôi ngã giữa lúc tôi đứng đại bái thì...

Ông Chỉ chưa nói dứt câu đã cười thét lên, vừa cười vừa đập tay đôm đốp xuống đùi chị Tữu ngồi kế bên. Tữu nhích lùi ra nói:

– Dễ thường thánh ộp vào ông hay sao mà ông hành em thế?

Ông Chỉ cười càng to:

– Ủ, thần nhập vào ta rồi đây.

Tôi tò mò nhìn ông ta, và thấy ông ta đổi khác hẳn. Mọi khi ông ta hiền lành, lù đù nữa, thế mà lúc này mắt ông ta long lanh sáng, miệng ông ta cười rất có duyên. Ông ta bứt cái khăn xếp vút

lên giường, vì chúng tôi ngồi uống rượu ở sán gác, để lộ cái trán cao và bóng, cái trán có vẻ thông minh lắm.

Và tôi đoán chừng có nhiều điều hay hay trong câu chuyện tế thần. Cố giữ nghiêm trang tôi hỏi:

– Vậy ra không phải thánh ngài phạt ông?

Ông Chỉ vẫn cười:

– Khô... ông!

Tửu lấu lĩnh tiếp luôn:

– Lại còn không. Hôm ấy em cũng có đấy, em trông thấy cả, em còn lạ gì. Đây này...

Ông Chỉ cãi:

– Không phải... thực ra...

Nhưng một người gạt phắt:

– Thì hãy để chị Tữu nói đã nào. Chị trông thấy những gì, chị Tữu?

Tữu kể:

– Lúc ấy dẫn rượu. Em với chị Miện bắt bài. Em thấy ông Chỉ đứng đại bái bồng khom khom cong người lại, rồi đến lúc xướng “tựu vị” thì ông Chỉ ngã vật ra bất tỉnh nhân sự. Thế mà còn bảo không phải ngài phạt.

Mọi người cười om. Ông Chỉ ung dung đáp:

– Thế mà không phải ngài phạt, mới chết chứ. Vì tại sao ngài lại phạt tôi? Ủ, tôi hãy hỏi chị, tại sao ngài lại phạt tôi? Hay trước khi vào tế tôi có nghịch ngợm chị nên... uế tạp...

Tửu cũng chẳng vừa, nhí nhảnh:

– Chính thế!

Tiếng cười càng vui. Tôi nóng nãy muốn biết ngay câu chuyện, liền chêm:

– Nếu không phải đức thánh phật, thì xin ông cho biết sự thực.

– Vâng, và tôi xin kể có đầu có đuôi cho câu chuyện thêm... hứng thú.

Nói chuyện có đầu có đuôi vẫn là một đức tính của các ông kỳ lý. Tôi biết có ông kể đến đoạn hay còn ngừng lại, thông thả châm đóm hút thuốc để người nghe phải đợi một lúc lâu. Và tôi hấp tấp hỏi đón trước để chóng được biết kết cục:

– Chừng ông ngộ cảm ngất đi chứ gì?

– Không, nếu ngộ cảm ngắt đi đã chẳng có chuyện. Đàng này không ngộ cảm ngộ kiếc gì cả cơ chứ!

Rồi ông Chỉ kể luôn:

– Năm ấy tôi đại báỉ. Tôi còn nhớ ông hương Bích với ông khán Nhuệ đứng bồi tế...

Tôi sốt ruột nghi thầm: “Không biết những ông bồi tế ấy, có liên can gì đến câu chuyện thánh phật” mà phải dềnh dàng liệt tên. Không khéo ông ta sẽ lôi ra một tràng quan viên cho mà xem”. Quả nhiên, ông Chỉ kê khai đủ cả nào ông đọc chúc, các ông thông xướng, các ông chức tửu. Rồi tiếp:

– Tới tuần rượu thứ hai, tôi thấy... thế nào ấy ở ngang thắt lưng, như tự nhiên

bụng thóp lại, dẹp lại, làm cho cặp quần rộng ra không sát liền với da bụng nữa. Tôi kinh hoàng đứng im, không nhúc nhích, và tôi mang máng sợ...

Ông Chỉ dừng lại để cười. Tẩu tò mò hỏi:

- Ông mang máng sợ cái gì?
- Sợ tụt nút buộc cặp quần.

Tiếng cười lại âm ỹ, và ai nấy nhao nhao lên hỏi:

- Thế có tụt thật không?
- Lại chả thật!

Rồi chờ cho im lặng trở lại, ông ta kể tiếp:

– Tôi vẫn hy vọng rằng tôi tưởng nhầm. Nhưng mắt tôi cũng rời cái hốt để nhìn qua xuống hia. Thì... chết chửa! hai ống quần đã lủng thùng cộn lại ở phía dưới. Tôi lo lắng, sợ hãi run lên, và giời tuy rét mà mồ hôi toát ra ướt cả áo lót. Tôi nghĩ ngợi tìm mưu kế. Chẳng nhẽ cho hai tay vào trong áo xốc quần lên để buộc lại cạp! Làm như thế còn gì là thể thống? Mà nếu bị làng bắt lỗi thì còn gì là thể diện ông tiên chỉ đại bá. Tôi càng luống cuống khi thấy ông Nghê, ông Khôi dẫn rượu vào hậu cung đã trở ra, và ông Thuận sắp xướng: “tựu vị” để mình đi vòng mép chiếu về đứng chỗ cũ. Làm thế nào, bây giờ? Mình chỉ biết kẹp hai đùi, hai gối khếp chặt lại nhau cho cái quần khỏi tụt hẳn. Nhưng lúc đi thì còn khếp làm sao? Chẳng nhẽ nhảy hai chân mà đi...

Cử tọa lắng tai chú ý nghe, đến đây như không giữ được nữa, ai nấy vỗ tay, vỗ đùi cười ngất. Nhưng ông Chỉ vẫn thản nhiên kể tiếp:

– Đầu tôi nóng bừng. Mồ hôi trán chảy từng giọt xuống chiếu. Vài giây nữa, chỉ vài giây nữa nếu không quả quyết, nếu không nghĩ ra mưu gì thì thực... mất hết danh giá. Hai tay tôi mấy lần định thò vào trong bọc rồi lại ngáp ngừng thôi, như có người giữ ghì lại không cho làm cái việc bất kính

Tiếng cười lại nổi. Một người nói:

– Ngài giữ tay ông đấy.

– Thế về sau ông làm thế nào? Đành buộc lại cặp quần chứ?

– Khô... ông. Nếu buộc lại thì đã không có chuyện... Lúc bấy giờ óc tôi

rối loạn. Như trăm nghìn tiếng xúi dục bên tai... Bỗng tôi mê man tưởng thoáng nghe thấy câu thì thầm: “giả tảng ngất đi!” Thế là tôi ngồi ngay xuống rồi ngã vật ra, mồm ú ớ kêu... tôi cũng chả nhớ là đã kêu những gì...

Cái gác hẹp của ông chánh Bá vang lên những tiếng cười thét và những tiếng dậm chân vỗ tay.

Xuân 1939.

6. SANH CÀ BUNG

T'ới đỉnh dốc hàng Bún bên nhà
máy nước. Văn bảo người kéo
xe:

– Thôi!

Nhưng chàng nói nhỏ và nhanh quá,
anh xe không nghe rõ, vẫn nghiêm nhiên
rẽ sang tay trái, theo đường lên Yên phụ.
Văn liền dẫm mạnh lên sàn xe và thét:

– Đổ lại! Đổ lại đây!

Bước xuống đất, chàng chưa hả cơn tức, còn mắng thêm một câu:

– Điếc à?... Chỉ cầm đầu chạy tràn!

Dồn luôn cái tức nữa, làm cho Văn có vẻ mặt đăm đăm: Lục soát các túi áo, chàng không tìm thấy một hào, một xu nào để trả tiền xe.

– Có đủ tiền trả lại đồng bạc không?

Người phu xe hơi nghễnh ngãng, hỏi lại:

– Thưa cậu có. Hào một hay hào đôi đấy ạ?

Văn càng cáu:

– Trời ơi! Điếc thế, sao không chọn nghề khác mà làm, lại đi kéo xe? Có đủ tiền đổi đồng bạc không?

Câu sau cùng Văn gào to quá, khiến một người đi xe đạp qua quay đầu lại nhìn, mỉm cười. Anh xe vẫn bình tĩnh như không để ý đến giọng quát tháo của khách đi xe:

– Thưa cậu, thế thì không đủ.

Rồi anh yên lặng đứng chờ, trong khi Văn làu nhàu:

– Cậu? Cậu là cái gì!

Chàng nhăn nhó nhìn các phía, xem gần đó có tiệm tạp hóa, một hàng bán nước giải khát nào để đến mua gói thuốc lá mà đổi lấy tiền lẻ. Bỗng rút tay ở túi quần ra, chàng vui cười nói một mình: «Đây rồi!» và đưa cho anh xe đồng năm xu.

Nhưng cái vui ấy chỉ thoáng qua, như cái chớp nhoáng trên cặp môi chàng.

Mặt chàng sa sầm xuống ngay, hai bàn tay chàng nắm chặt lại như sắp đánh ai, hai bàn tay mà chàng bắt đầu thấy nóng và rức.

Vì ban nãy ở nhà, chàng đã đập thình thành xuống bàn để biểu lộ sự tức giận cực điểm đối với vợ. Mà duyên do chỉ tại một bữa cơm, một bữa cơm không ưng ý.

Trưa hôm ấy ở sở về, bụng đói như cào, Văn hy vọng được ăn ngon miệng. Nhưng ngồi vào bàn chàng chỉ thấy lỏng chỏng một đĩa đậu phụ rán, một đĩa rau muống luộc, một đĩa thịt bò xào khoai nguội lạnh, và hai bát canh cà chua nước đỏ lơ lờ.

– Còn gì nữa không?

Nghe câu hỏi sổng của Văn, và thấy mắt chàng đắm đắm nhìn thẳng vào mắt mình, người vợ cố tươi cười đáp:

– Em xin lỗi anh nhé. Hôm nay chị huyện đến chơi ngồi suốt từ tám giờ cho tới mười một giờ mới về, nên em không xuống bếp làm món ăn được. Anh xơi tạm bữa nay.

Văn chau mày nhìn mấy miếng cà chua nổi lênh bênh trong nước canh:

– Chị ấy đến có việc gì thế?

– Chị ấy đến chơi chứ còn có việc gì nữa?

Văn mĩa mai:

– Chơi! Đàn bà mình vô công rồi nghề quá, đi chơi suốt ngày suốt buổi, không cờ bạc thì ngồi tán chuyện gẫu với

nhau. Cơm nước thì phó mặc cho đầy tớ, nó muốn cho ăn thế nào thì cho.

Biết Văn ám chỉ mình, người vợ cười mát, đáp lại:

– Đàn bà mình thì thế, còn đàn ông mình thì được cái dã man, coi vợ như nô lệ, chỉ có một việc cơm nước hầu hạ chồng. Ăn không vừa miệng thì các ông cáu có gắt gỏng đến hay.

Văn đập mạnh tay xuống bàn làm cho các đĩa món ăn nảy lên, và nước canh sóng sánh bắn ra khăn bàn:

– Chú không à, mợ tính cơm nước thế này thì ai nuốt trôi được?

Vợ Văn cũng cáu, gắt lại:

– Không nuốt trôi được thì nhịn tạm một bữa, đã sao!

Văn đứng phắt dậy, vừa dậm vừa xô bàn, miệng gào la:

– Thực thế phải không? Thực thế phải không?

Rồi chẳng kịp đội mũ, chàng sầm sầm mở cửa ra đường.

Chàng tức giận quên cả đói, lớn tiếng gọi: “Cao su!” Hai cái xe từ hai phía chạy vội lại để tranh khách. Văn bước lên cái đến sau; trong lúc cẩu, người ta chỉ làm ngược với lẽ phải, làm phật lòng hết thấy ai ai. Giá lúc bấy giờ anh xe tới trước nói một câu gì để phản kháng, thì có lẽ Văn đã thét ầm lên hay xông vào hành hung cũng chưa biết chừng. Nhưng anh kia chỉ yên lặng đứng nhìn theo, hai con mắt âm thầm oán trách, vì thấy Văn mặt trắng tái, môi xám ngắt, dáng bộ hung hăng, anh ta lo sợ nhớ ngay đến những

trận đòn bất ngờ của những ông khách bất nhã.

* * *

Trả xong tiền xe, Văn đứng lại mấy giây, do dự: « Đi đâu? » Chàng nhớ lại những buổi gây sự với vợ vì một bữa ăn không ngon. Và chàng nghĩ thầm: « Không biết mấy lần rồi! »

Lần đầu là buổi cơm chiều. Hôm ấy, – cách đây ba năm, – chàng còn gắt hơn hôm nay nhiều, vì chàng thấy trên bàn ăn có món lòng lợn mà chàng rất ghét, và đã khấn khoản dặn vợ đừng mua, nhưng nàng chưa kịp bảo cho người bếp mới biết. Một câu trả lời của vợ làm cho chàng cáu tiết đến nỗi cầm đĩa lòng ném ra hiên, rồi gạt luôn hết các món ăn khác

xuống sàn nhà và thét:

– Mợ cho tôi ăn như cho chó ăn thì nuốt làm sao được?

Hai giờ sau, chàng ở Đông hưng viên về, cơn giận nguôi hẳn, vì chàng vừa ăn món phi tản rất bùi, món cánh gà rán chín tới ròn tan, bát canh “thượng thang” ngọt và nóng, nhất vì chàng vừa uống mấy chén mai quế lộ, men thơm còn nhẹ nhàng bốc lên đầu cùng với một cảm giác khoan khoái dễ chịu. Lúc ấy, vợ chàng bỏ cơm, đương nằm khóc ở trong phòng ngủ. Chàng vào âu yếm vuốt ve xin lỗi, khiến nàng cảm động tha thứ ngay.

Lần thứ hai, cách lần đó có hai tuần lễ. Và cơn giận của chàng cũng kết liễu bằng một bữa ăn ngon lành béo ngậy ở cao lầu.

Lần thứ ba thì Văn đã lập tâm bỏ cơm ngay khi chưa bước chân về tới nhà. Ở sở chàng vừa được nghe anh em tán tụng món bồ câu non ở một hiệu phố hàng Bông. Chàng cũng định về bảo qua vợ rằng có người mời chàng ăn cơm, nhưng tự nhiên một câu chuyện không đâu xảy ra khiến chàng phải to tiếng, rồi chàng viện ngay có cơm nước chẳng ra sao để đi.

Từ đó có khi liên tiếp hai ba bữa, chàng bỏ cơm nhà.

Hình như chàng đã nhiễm cái thói quen hờn dỗi, và nghiện cái thú ăn cao lâu.

Nhưng hôm nay, chàng không tưởng tới cao lâu. Nhân dịp bỏ cơm, chàng muốn nhịn thử một bữa chơi. Buổi sáng, ngồi nói chuyện với mấy người bạn,

chàng được biết một điều mới lạ trong Y khoa mà chàng định sẽ thí nghiệm: là muốn được khỏe mạnh, không gì bằng mỗi tuần lễ nhịn một bữa, hay tốt hơn, ăn toàn hoa quả và uống toàn nước lọc.

Thấy đói, chàng mỉm cười chế nhạo cái kẻ trường sinh kia của bạn, và nhìn quanh để tìm gọi xe đi hàng Buồm.

Nhưng chàng lại thôi ngay vì vợ vẫn nghĩ thầm: “Mình chưa đói bao giờ. Thì thử nhịn một bữa xem sao. Đã chết đâu mà sợ ... Chả biết có được trường sinh không, nhưng chắc chắn bữa chiều nay ăn ngon miệng”.

Sự thực, thì hiện giờ chàng đương đói, nhưng không thấy khó chịu lắm. Trái lại, chàng có một cảm giác lạ lùng khoan khoái nữa. Nhìn rặng xoan in lên nền núi Tam Đảo xanh lam, chàng thấy

đẹp. Đã lâu lắm, chàng không ngắm cảnh thiên nhiên.

Trời râm. Gió mát hây hây thổi từ sông vào. Văn thấy nhẹ nhàng và quên hẳn những chuyện tức bực vừa xảy ra. Chàng tò mò đứng ngắm mấy cái chòi nhỏ đứng sừng trên bốn chân, và cái nhà ngói mới trong bọn nhà lá tồi tàn. màu nâu xám, giống như cái nhà táng sặc sỡ trong một đám ma ở nhà quê, có toàn những người nghèo đói đi đưa.

Ít khi chàng đứng bờ đê ngắm bãi Phúc xá mà chàng chưa ra thăm bao giờ: “Chả biết dưới đây họ ăn ở ra sao? Hình như có nhiều sự thay đổi thì phải!... Mình thử xuống xem...”

Và chàng xuống dốc. Mùi hôi thối và những vật dơ dáy xưa chàng quay về, nhưng thấy một thiếu nữ dáng bộ óng

ả và phục gọn gàng, đương lững thững đi phía trước, chàng rảo bước để vượt qua người ấy mà nhìn xem cái mặt có xứng đáng với vẻ yếu điệu, thướt tha kia không, Đến khu vườn ngô cao, chàng theo kịp thiếu nữ và thấy cô có một thứ nhan sắc không đẹp nhưng rất có duyên. Cô ta đi vào một căn nhà lá nền cao và tường quét vôi vàng khi sạch sẽ: chung quanh toàn những túp nhà lụp xụp tối tăm.

* * *

Đối diện căn nhà ấy, người ta đang dựng một nếp nhà tre năm gian. Mái đã lợp xong, nhưng vách đương đan giở.

Lúc bấy giờ thợ thuyền nghỉ tay để sửa soạn bữa ăn trưa. Bên cạnh cái bể xi

măng nhỏ, đựng được độ hai gánh nước, một thằng bé con rách rưới ngồi đun bếp. Bếp, nghĩa là hai cái hố đào xuống đất, trên có nồi cơm đương ghế, và một cái sanh lớn đầy cà bát thái to miếng. Thằng bé, một tay mở vung, một tay cầm đôi đũa cả quấy gạo đỏ, những bong bóng nổi lên mặt nước và nổ lép lép. Văn nghe vui tai quá. Và chàng hỏi:

– Cơm đỏ ăn có ngon không, em?

Thằng bé ngửng lên, mỉm cười đáp:

– Thưa thầy, ngon lắm chứ!

Văn nghĩ thầm: “Có lẽ trong đời nó, nó chưa được ăn cơm trắng một bữa nào”. Và chàng nhớ lại xem chàng đã nếm qua cơm đỏ bao giờ chưa. Có, một lần về quê, chàng đã ngồi ăn với thợ cấy, nhưng không phải vì chàng thích cơm hầm, mà

chỉ vì trong bọn thợ có một cô rất xinh.

– Kìa! Dào!

Thằng bé vội đẩy vung nồi cơm lại, để quay sang sanh cà bát. Nó cầm que tre đập cho lửa bé đi, rồi đứng dậy nhanh nhẹn dựng lá cốt dựa vào cái cộc đóng sẵn. Văn nói:

– Cho gió khỏi thổi bốc ngọn lửa phải không?

– Vâng.

Nhìn sanh cà, Văn hỏi tiếp:

– Sao cho nhiều nước thế?

Thằng bé cười:

– Để được nhiều, vì những tám người ăn.

– Có món gì nữa không?

– Không ạ, chỉ có thế này. Nhưng chiều nay thì có cá.

– Chỉ nấu với nước thôi à?

– Có muối nữa chứ. Với lại mắm tôm.

Vừa nói, thằng bé vừa mở ra một mảnh lá khoai đựng một ít mắm tôm đen, và gạt lên miếng sanh. Toan vứt cái lá đi, nó lại ngần ngừ tiếc rẻ dúng vào nước canh đương sôi cho rửa hết mắm còn dính lại. Đoạn nó xé thêm cà chua bỏ vào sanh. Văn khen:

– Món cà bung ngon nhỉ!

Không phải Văn nói chế diễu. Chàng thành thật cảm thấy ngon vì món ăn độc nhất của bọn tám người thợ có vẻ ngon thực: những miếng cà trắng xanh chàng trông đẹp mắt quá, nước canh sôi lộn hạt

cà chua vàng, chàng thấy béo bổ quá. Lại thêm chàng đói, mà khi người đói thì đứng trước món ăn gì có khối bốc lên. người ta cũng cho là ngon. Chàng nuốt nước miếng, nói:

– Giá có mấy nhánh tỏi?

Thằng bé nhìn chàng bằng con mắt thành thực:

– Còn phải nói! Nhưng sào lẩn hành mỡ đã rồi mới cho cà vào.

– Hành cũng như tỏi?

Thằng bé cười:

– Không như được. Không có tỏi thì dùng tạm hành đẩy thôi... Cũng chẳng sao, kém ngon một tí cũng chẳng sao.

– Còn tíá tô, sao không cho vào?

– Tía tô đây, nhưng khi bắc ra thái vào thì mới dậy mùi.

Ngồi trên nền nhà, một bác phó hỏi:

– Được cơm chưa Tý?

– Được rồi đây.

Tý đứng đây nhặt hai miếng lá chuối, lót tay và nặng nề bưng nồi cơm đặt mạnh lên rế.

Văn khen:

– Em khỏe nhỉ!

Tý quay đầu, mỉm cười tự đắc.

– Còn đợi sanh cà bung? Chắc phải đợi cho rừ đã?

– Được rồi đấy, thầy ạ. Thế nào ăn xong thôi, đói lắm rồi còn đợi gì nữa.

Vừa nói, nó vừa ngã lá cốt ra, so đĩa và bày bát ra chung quanh, rồi bưng đặt sanh cà vào giữa, trên bốn hòn gạch nhỏ. Tức thì mọi người chạy ủa lại ngồi quây quần lấy sanh cà, xới cơm và ngốn ngấu, cầm thìa múc nước canh húp xì xụp.

– Ngon quá nhỉ!

Nghe câu bình phẩm của Văn, ai nấy ngừng đầu lên nhìn.

Một người nói:

– Có gì mà thầy bảo ngon!

Người khác tiếp luôn:

– Bây giờ đói kém, thợ thuyền ăn kham khổ lắm, thầy ạ.

Văn cười:

– Các bác, cho tôi đánh đụng với, nhé?

– Mời thầy.

Nhưng một người chau mày liếc nhìn Văn, tỏ vẻ khó chịu vì cho rằng cái ông giàu có sang trọng ấy chế nhạo bọn mình. Nhận thấy thế, Văn chào:

– Thôi mời các bác xơi cơm. Rồi lẳng đi.

Chàng nghi thầm: “Ấy là có công việc mới có cà bung mà ăn đấy!” Thủng thỉnh bước một, chàng nghĩ tiếp: “Chắc họ thì được nhịn đói luôn, chả cần phải có y khoa dạy cũng biết nhịn đói”.

* * *

Sau khi xem qua một lượt những nhà xiêu vẹo bắn thủ, sau khi ngắm thấy những con người rách rưới, xanh xao sống chui rúc trong những túp lều dựng

tạm bợ để che mưa rằng, Văn lên đê về nhà.

Ở bàn, các món ăn lạnh ngắt vẫn bày trên cái khăn trắng hoen nước canh.

Thân mật Văn gọi:

– Mợ! Mợ đâu nhỉ?

Đứa ở gái sợ hãi đáp khẽ:

– Bẩm ông, bà con ở trong phòng.

Văn vào phòng. Chàng thiết tha xin lỗi vợ, và khẩn khoản mời cho bằng được ra ăn cơm với mình.

Chả bữa cơm nào chàng ăn ngon bằng! Vợ chàng cũng phải lấy làm lạ. Và nàng âu yếm bảo chồng:

– Cậu ít ăn chứ. Để chốc nữa em làm bánh xèo cậu xơi.

Văn vui vẻ đáp:

– Ăn thế nào xong thôi, mợ ạ... À, mợ nhớ bữa cơm chiều làm cà bung nhé.

Vợ ngơ ngác nhìn chồng, khó hiểu vì chưa bao giờ thấy Văn ngỏ ý thích món cà bung.

– Mợ nhớ nhé. Thế nào cũng có món cà bung đấy. Cà bung ngon lắm.

Từ đó, trên bàn ăn của Văn thường thường có món cà bung. Và mỗi lần nhai miếng cà nóng, chàng lại nhớ đến những người nghèo đói.

Xuân 1938.

7. NGƯỜI VỢ MÙ

Tôi được biết vợ chồng người ấy cũng là nhờ có một sự ngẫu nhiên: họ dùng cửa nhà tôi làm nơi hội họp.

Thời đó tôi ở Ninh giang, một phủ lỵ khá lớn, một bến tàu thủy khá sầm uất trên con sông Tranh. Cách tiêu khiển của tôi là chiều tối ra bờ sông xem tàu tới, tàu đi, giữa một cảnh náo nhiệt với những tiếng ồn ào gào thét của bọn bán bánh giò và bọn mời khách trọ, với

những lời đe dọa hách dịch của mấy chú lính tuần cảnh, lính thương chính đến hỏi thẻ và khám soát hành lý.

Nhưng từ ngày tôi để ý đến vợ chồng người mù, thì ở Ninh Giang, đối với tôi, không còn sự tiêu khiển nào thú hơn là được ngắm đôi uyên ương ấy chuyện trò với nhau: một cảnh tượng cảm động, thân mật và rất nên thơ.

Tôi không rõ cửa nhà tôi được họ chọn làm nơi hò hẹn từ bao giờ, và vì sao họ lại chọn cửa nhà tôi. Nhưng một buổi sáng mùa đông dậy sớm, ra hiên gác tỳ tay lên lan can nhìn xuống, tôi thấy hai cái bóng đen đen đứng trên hè đường, dưới làn mưa phùn giá rét. Một lát sau, người đàn ông bảo người đàn bà:

– Mười hai giờ bà chờ tôi ở đây nhé!

Lời nói đồng dục trang nghiêm như giọng hạng người sống trong những xã hội cao quý. Rồi mỗi người đi một ngã. Văng vẳng tôi nghe rao câu rất quen tai:

– Ai muối mua?

Và tôi nhớ ngay ra ông lão bán muối mà tôi vẫn thường gặp lang thang trong các phố.

Mười ba giờ trưa khi chuyển ô tô hàng chạy Hải Dương bắt đầu mở máy, quả nhiên một người đàn bà già và mù, áo sống gọn gàng và sạch sẽ, tay cầm cái rá, rờ lần các cửa xe, rời rạc xin tiền.

Tôi nghĩ thầm: “Không phải ăn mày lành nghề.”

Xe đi khỏi thì người bán muối buổi sáng cũng vừa đến nơi. Và tôi hiểu vì sao họ chọn giờ ấy làm giờ họp mặt: giờ ô-tô.

Luôn một tuần lễ như thế hôm nào cũng đúng sáu giờ sáng và mười hai giờ trưa là hai vợ chồng người mù tới cửa nhà tôi nói chuyện. Họ không hề sai hẹn. Và tôi tò mò lưu ý đến họ, để tai nghe những câu chuyện của họ, vì họ nói rất to, như chẳng cần gì ai, hơn nữa như coi nơi hè đường là chốn phòng riêng của họ.

Họ có nhà riêng hay không, và nếu có, thì nhà riêng họ ở đâu, tôi không rõ. Nhưng nghe chuyện họ, tôi biết rằng gia đình họ chỉ có hai vợ chồng: chồng làm nghề bán muối, vợ theo nghề ăn xin.

Gặp nhau, họ vui vẻ mỉm cười hỏi thăm tin tức nhau, như hai người bạn thân xa vắng lâu ngày, và mong nhớ nhau từng phút từng giây. Lần nào người chồng cũng bắt đầu:

– Bà đấy à? Thế nào, bà làm ăn có khá không?

Người vợ trả lời chẳng qua mấy câu này:

– Cũng khá ông ạ. hay – Hôm nay làm ăn chẳng ra gì.

Rồi bà lão thuật cho ông chồng nghe hết những việc đã xảy ra trong mấy giờ đồng hồ đi “làm ăn”. Bà ta kể chuyện rất vui vẻ, thỉnh thoảng lại chêm một câu bình phẩm, một câu khôi hài, khiến người chồng khúc khích cười, chừng cốt để làm đẹp lòng vợ.

– Ông ạ, con mẹ Phúc Hòa Đường nó lại nhieć tôi sao không kiếm việc mà làm, đi ăn mày thế này không biết nhục à?

– Con mẹ Phúc Hòa Đường ở phố Ninh Lãng có phải không bà?

– Phải đấy ông ạ. Nó thử mù như tôi xem.

– Thế nó có cho bà đồng nào không?

– Nó cho mà nó nhieć thì đã cam.

– Nó giàu nhất phố đấy, bà ạ.

– Giàu thế thì giàu làm gì? Giàu mà không biết thương kẻ đói khó, mù lòa. Cũng chả bền được đâu, ông nhỉ?

– Phải, bền thế nào được.

– Giá giới cho vợ chồng mình giàu như họ thì mình ăn ở rõ ra người giàu, có phải không ông?

– Phải, mình để của làm gì? Để của cho con nó phá nhé? Bà có biết không,

thằng con nhà ấy nó phá chẳng mấy nổi mà hết cơ nghiệp. Thôi thì đủ, bà ạ, cờ bạc, bợm dĩ, hút sách.

– Thế à ông?

Câu chuyện cứ thế kéo dài, âu yếm như chuyện hai vợ chồng trẻ, đứng đắn như chuyện hai người có giáo dục, một điều ông ạ, hai điều bà nhỉ, và có tính cách thông tin tức như một tờ báo hằng ngày.

– Ông ạ, tôi nghe người nhà bà thông Đoan nói chuyện xe Ninh Thái bị bắt thuốc phiện, đâu những bốn, năm cân dũa. Chắc bị phạt khá tiền đấy nhỉ? Hay đi đêm, thế nào chả có ngày gặp ma, ông nhỉ?

Tiếp chuyện bắt thuốc phiện, bà lão kể đến chuyện gia đình nhà ông đội Nhất: Vợ chồng ông đội chẳng ngày nào

là không cãi nhau. Bà lão nhắc lại từng câu mắng nhiếc chửi rửa tục tằn của hai người, rồi bình phẩm:

– Cú nghèo như vợ chồng mình lại êm thắm. nhỉ ông nhỉ?

Ông lão bán muối cười rất có duyên, và có vẻ tự phụ nữa.

Hôm nào người vợ phàn nàn không xin được một trịnh nhỏ, thì người chồng tìm hết lời an ủi:

– Thôi bà ạ, cần gì. Hôm nay tôi làm ăn nhờ giời khá lắm. Chúng mình chỉ mong kiếm đủ ăn, chứ có cần để dành tiền như họ đâu. Vậy bà về nhà mà nghỉ nhá. Tôi đã đóng một hào gạo, mua một xu rau muống, một xu tương rồi đấy. Bà về thổi cơm, tôi bán hết chỗ này cũng về ngay đây.

Họ từ biệt nhau, cho tới sáu giờ sáng hôm sau lại vui mừng cùng nhau nói chuyện.

Nửa năm ròng, tôi tò mò đi sâu mãi vào cái đời đường hoàng và thân mật của cặp vợ chồng khốn khó. Có hôm tôi đã cố theo họ xem họ trú ngụ nơi đâu, nhưng họ như đôi chuồn chuồn sống nhớn nhoe không tổ trên mặt nước ao tù.

* * *

Một dạo tôi thấy vắng bóng đối uyên ương già ở trước cửa nhà tôi. Tôi đoán chừng họ đã chọn một phố khác yên tĩnh hơn làm nơi gặp chuyện hàng ngày. Nhưng một buổi chiều đi chơi mát, tôi rẽ vào xem đền Tranh thì gặp ông lão lòa đương lom khom quét lá khô ở sân. Tôi vui mừng hỏi:

– Kìa ông bán muối. Hàng họ có khá không. Sao độ rầy tôi không gặp ông?

Người kia đứng thẳng lên, hấp háy cổ nhìn tôi bằng cặp mắt gần tàn ánh sáng như ngọn đèn cạn dầu bập bùng chực tắt. Tôi hỏi luôn:

– Còn bà lão, vợ ông, lâu nay đi đâu?

Hai hàng lệ chảy ràn rụa trên đôi gò má răn reo. Tôi hiểu ngay rằng ông lão già khốn nạn đương mang nặng trong lòng một nỗi thống khổ lớn lao.

Và tôi nghi ngay đến sự từ biệt...

– Ông buồn lắm phải không?

– Vâng, tôi không thiết sống nữa, thầy ạ. Bà lão nhà tôi, bà ấy bỏ tôi bà ấy đi rồi...

Tôi kinh ngạc.

– Bà ấy bỏ ông?

– Vâng, bà ấy chết rồi còn đâu!

Người ấy cúi xuống quét sân, nói tiếp:

– Hơn bốn mươi năm giờ ăn ở với nhau, chả có điều tiếng gì... bây giờ bà ấy bỏ bà ấy đi một mình.

Lúc từ biệt tôi dãi ông lão khổ sở một hào nhưng ông ta lắc đầu xua tay:

– Tôi lấy tiền làm gì nữa. Ngày có vợ có chồng, tôi mới phải vất vả làm ăn. Chứ bây giờ còn một thân một mình, thì tôi chỉ nhờ cửa thánh ngày hai bữa cơm thừa canh cặn đủ no... để chờ ngày được gặp mặt bà lão tôi ở nơi tuổi vàng.

Dù cảm động đến đâu tôi cũng không thể giấu nổi cái mỉm cười: tôi nhận thấy

ngôn ngữ ông lão bán muối vẫn còn đúng đắn và kiểu cách như xưa, khi ngồi trò chuyện với người vợ mù ở trước cửa nhà tôi.

8. SỰ TUỆ

CHÙA Hàm bỗng đứng nổi tiếng, Không phải nổi tiếng vì là một nơi danh lam thắng cảnh. Đó chỉ là một ngôi chùa mới dựng, tầm thường trong một làng hẻo lánh ở vùng biển. Chẳng có gì đặc sắc khiến người ta chú ý, hoặc về mặt kiến trúc hoặc về mặt mỹ thuật.

Nhưng chùa Hàm nổi tiếng vì sư Tuệ. Nhà tu hành ấy là một chàng thiếu niên ngoài ba mươi tuổi, thân hình vạm vỡ, vẻ mặt khôi ngô. Thoáng trông cũng

đoán ngay rằng nhà sư không thuộc hạng khổ hạnh suốt đời ăn cơm hầm với muối dưa. Hai vai ngang và rộng, bộ ngực nở nang dưới làn áo nâu mỏng, đôi má phình phính, nước da hồng hào, cặp môi đỏ như thoa son, hai con mắt sáng trong và nhanh nhẹn, đó là tất cả những dấu hiệu của một đời sống đầy đủ và nhàn hạ, sung sướng nữa.

Nhưng cái hình thể bề ngoài không làm nhạt được, không làm giảm được cái đời chân tu của nhà sư. Đại danh của nhà sư đi xa lắm, lan khắp mấy tỉnh miền Trung và đã bay ra tận miền Bắc.

Nhiều người đi Huế, giữa đường rẽ vào vãn cảnh chùa Hàm để được gặp mặt ông mà những người ấy nghe đồn rất đặc đạo. Rồi khi ra Bắc sẽ trầm trồ khen ngợi bậc tu hành về đường khổ hạnh cũng như về đường học vấn.

Khổ hạnh vì những nhà du lịch vào chùa giữa lúc sư Tuệ đương nhổ cỏ ở vườn, một cái vườn cảnh nho nhỏ xinh xinh mà chính óc nhà sư đã nghĩ kiểu và chính tay nhà sư đã cuốc xới, đã chọn trong các thứ hoa. Khi sư ông mới được phái đến trụ trì chùa Hàm thì đó là một cái vườn rau, mùa nào trồng thức ấy. Chùng sư ông cho rằng trước cửa Phật không nên trồng những cây ăn được mà người ta cần phải bón bằng các thứ ế tạp. Vì thế sư ông đã đổi ra vườn hoa. Ngày ngày ai đi qua tam quan cũng phải dừng lại ngắm nghía những bờ tóc tiên xanh tốt vậy các miếng đất hình tròn, hình vuông, hình bán nguyệt, hình sao năm hay sáu cánh, trong đó mọc cân đối những hồng quế, hồng bạch, những cây vạn thọ, bách nhật, những khóm da hổ, da báo, huyết dụ, bồ tát. Vườn hoa ấy là một sự mới lạ của làng Hàm... và một

hãnh diện của chùa Hàm, mùa rét hay mùa nóng ngày nào người ta cũng gặp sư ông ở ngoài vườn, hoặc vun xới, hoặc tưới cây bằng cái thùng tưới sắt trắng mà nhà sư đã thân hành đi mua tận ngoài tỉnh. Và người ta phải cảm động khi thấy nhà sư ngồi phơi dưới nắng rất thảng năm tháng sáu, chân đi đất, đầu đội cái nón ba tầm, hay đứng hàng giờ trong mưa lạnh tháng chạp, tháng giêng để cuốc đất chung quanh những gốc hồng đầy hoa.

Còn học vấn của sư Tuệ thì đó chính là cái nguồn tiếng tăm rầm rộ của chùa Hàm. Học vấn ấy uyên thâm đến đâu, nào ai hay! Người ta chỉ biết ngoài các kinh Phật chữ nho ra, nhà sư còn đọc cả nhiều pho sách khảo cứu đạo Phật viết bằng chữ Pháp và chữ Anh nữa. Cái thư viện của sư Tuệ, có thể nói là nơi trồn lộn

những tư tưởng đông, tây. Người ta thấy ở các ngăn tủ kính những tên Oldenberg, Davids đứng sát cạnh những tên các danh nhân trong Phật học Á đông. Biết bao người đã vào thăm thư viện ấy trong một nếp nhà tranh sáng sủa, bốn phía toàn những cửa kính chớp, và đã được đàm đạo với sư ông ở cái bàn gỗ mộc trên bày từng chồng sách và báo chí, chặn dưới những vỏ ốc lớn nhỏ và đủ các màu. Nhưng ít khi nhà sư nói chuyện về đạo Phật với ta, vì có lẽ cho ta chưa biết gì và chưa đáng được nhà sư thuyết lý với. Tuy thế mặc lòng, nhà sư rất vui lòng trả lời ta một cách kính cẩn và khiêm tốn. Nhà sư nói rất trơn tru, rất có mạch lạc, tựa hồ như thuyết pháp và như đọc một trang giấy đã viết sẵn. Nhưng nếu ta hỏi xen một câu, hay bắt bẻ một ý tưởng thì nhà sư im ngay, lắng tai chăm chú nhìn ta như để cố nghe những lời

vàng ngọc và đợi cho ta nói hết. Không bao giờ nhà sư ngắt lời ta, hay mỉm cười để lạng lẽ trả lời một ý tưởng sai lầm của ta. Lúc nào nhà sư cũng trang nghiêm, dù nhà sư cười để lộ hai hàm răng trắng bóng, đó cũng là cái cười trang nghiêm, thẳng thắn.

Thường thường thì nhà sư giữ vẻ mặt bình thản, không phải bình thản kiêu căng của hạng người tự đắc, nhưng bình thản tự nhiên của một tâm hồn nhũn nhặn.

Còn phải thêm vào hai đức tính khổ hạnh và bác học, một đức tính thứ ba của nhà sư là yêu chuộng thể thao. Nhà sư rất chăm vận động thân thể và tứ chi. Có lẽ nhờ đó mà sự ông tráng kiện và đẹp trai. Sáng chiều người ta thường gặp ông điểu xe đạp vài vòng trên con đường lát gạch. Chiếc xe đạp ấy buổi đầu bị người

quanh vùng kịch liệt chế diễu. Nhưng sau người ta cũng quen mắt. Vả từ ngày cái tiếng thơm của sư ông bay lan khắp bốn phương, thì mọi cử chỉ, hành vi của sư ông trong đó có cả sự cưỡi xe đạp – đều được người ta tán tụng, tôn quý. Rồi cái xe đạp ấy nghiêm nhiên được kê vào các thứ lạ lùng của nhà tu hành lạ lùng, được xếp ngang hàng với những pho sách tôn giáo chữ Anh, chữ Pháp.

Mà thực vậy, cái danh hiệu “nhà sư xe đạp” người ta còn hay nói đến, người ta còn dễ nhận hơn là cái danh hiệu “nhà sư tây” hay “nhà sư tân thời”. Trong mấy hạt miền Bắc Trung kỳ chỉ nói “nhà sư xe đạp” ai ai cũng biết ngay là sư ông chùa Hàm.

Tôi có cần giới thiệu với độc giả của tôi rằng sư Tuệ là một nhà tây học không? Cố nhiên sư Tuệ không có thể

xuất thân làm tiểu ngay từ thời còn để chỏm, như phần đông các bậc chân tu trong tầng giới. Cái đạo cao siêu huyền bí, sư Tuệ chỉ mới làm quen trong vòng có sáu năm nay. Nhưng không phải vì thế mà sư ông không thấu hiểu nó bằng các bạn đồng đạo. Trái lại, nhờ về học rộng, nhờ về thông minh, nhất là nhờ về tín ngưỡng, sư Tuệ có thể tự phụ rằng trong tầng giới Việt Nam ít ai đã tới trình độ tu hành của mình. Tín ngưỡng đó là điều sở đắc quan trọng nhất và khó khăn nhất của một kẻ tu hành, khó khăn gấp trăm gấp nghìn lần những nền học vấn uyên thâm. Không tín ngưỡng, người ta không thể hiểu được tôn giáo. Vì thế mà sư Tuệ không muốn biện luận về đạo phật với những người tò mò đến thăm mình, dù những người ấy đã xem rộng các sách phật giáo. “Người ta hiểu một tôn giáo bằng tâm chứ không phải bằng

não”, lời sư Tuệ. Và sư tiếp: “Những tư tưởng cao siêu nhất của nhân loại đều phát ra ở những lòng tha thiết yêu nhân loại hơn là những khối óc chứa đầy học vấn mênh mang.”

Kể thì sư Tuệ cũng là một khối óc chứa một học vấn tuy không mênh mang như cũng khá sâu, rộng. Sau khi đậu tú tài văn chương và bổ đi tham tá một tỉnh Trung Kỳ, Khánh – tên trần tục của sư Tuệ – vẫn theo đuổi học nữa, học rất chăm chỉ và công phu. Ngay từ thời còn nhỏ, chàng đã biết chút đỉnh chữ nho. Nay chàng mua các sách hán văn để xem, đón một cụ cử về nhà để học tập. Chỉ hai, ba năm sau, nhờ về trí thông minh miễn tiệp chàng đã hiểu thấu được các văn thơ cổ kim của người Trung hoa. Còn các sách Anh, sách Pháp, chàng đọc không chán. Chàng thích nhất những sách khảo

cứu, hoặc về văn chương, xã hội, hoặc về triết lý, tôn giáo. Chàng chưa có vợ nên dễ ăn tiêu cần kiệm, để có thể dành tiền mua sách. Đó là một kỳ thú, một thị hiếu trong quãng đời ký vãng ấy của chàng. Vì nó, chàng đã hầu thành một người hà tiện, biến lận, keo bần. Chàng đã dám từ chối không cho một người bạn ồm vay tiền, chỉ vì sợ làm hao hụt cái quỹ mua sách. Và sách của chàng đó là những tình nhân sủng ái mà chàng không muốn để lọt vào tay ai. Trong những mưu mẹo rất khôn ngoan và tỷ mỉ nữa. Là không rọc những tập đầu cuốn sách và chịu phanh hai tờ giấy ra để đọc một cách khó khăn trong vài chục trang. Bạn hỏi mượn, chàng sẽ trả lời rằng chưa xem, và bạn sẽ tưởng chàng thành thực khi nhìn thấy những tập đầu chưa rọc.

Có một thị hiếu mãnh liệt như thế,

thì cực đoan tin tưởng một tôn giáo khi đã yêu, đã hiểu tôn giáo ấy, người ta không lấy làm lạ nữa, nhất khi người ta lại nhận thấy rằng Khánh rất thích xem các sách triết học và thần học.

Nhưng hai thời kỳ học và tu của Khánh không đi liền nhau như người ta tưởng. Giữa hai thời kỳ ấy còn xen vào thời kỳ trung gian, thời kỳ sửa soạn cho đời tu hành của Khánh. Đó là thời kỳ tình ái. Khánh yêu, và yêu mê man như đã đọc mê man, nhưng than ôi! Yêu trong tình hầu tuyệt vọng. Vì người Khánh yêu là vợ bạn thân mà chàng không muốn lừa dối.

Người đàn bà ấy có đáp lại tình yêu của Khánh không, Khánh không một lần tự hỏi. Nhưng đối với chàng, người ấy có những ngôn ngữ cử chỉ thân mật, âu yếm quá, khiến chàng không dám

ngờ vực tâm tình một chút nào. Chàng coi như đôi bên không cần phải thú thực tình yêu với nhau: cái nhìn nồng nàn, cái cười kín đáo, lời nói đầy ý nghĩa cũng đủ kể lể biết bao ân ái.

Như thế gần hai năm ròng. Khánh sống trong yêu đương, và yêu đương đã chiếm lấy tâm hồn chàng. Thôi, không còn đâu lòng ham đọc sách! Cái tủ kính đóng im ỉm hàng tháng. Khánh có mở ra cũng chỉ để cho một người bạn mượn một quyển sách, vì bây giờ Khánh không giữ sách, không quý sách như trước nữa.

Và nếu cứ như thế mãi, thì Khánh sẽ mãi mãi sống yên ổn trong yêu đương, yêu đương thâm kín, và lý tưởng. Nhưng một hôm Khánh điên cuồng ngộ tình với người yêu, và khổ sở cho Khánh, người ấy cũng ở trong một cảnh ngộ đau đớn như chàng, nghĩa là bấy lâu vẫn nồng

nàn yêu thâm bạn chồng như Khánh nồng nàn yêu thâm vợ bạn. Nếu đó chỉ là một tình yêu bông bột sôi nổi thì chắc họ đã phạm tội. Nhưng bao tính tình cao thượng đã đủ thì giờ, đã hơn một năm nung nấu trong trí não hai người thông minh và cả nghĩ. Vì thế khi họ đã thấu lòng nhau thì một tính tình mới vụt nảy nở rất mãnh liệt trong hai tâm hồn. Đó là lòng hy sinh. họ cùng cố gắng quên nhau.

Và đó là nguyên nhân đời tu hành của Khánh. Chàng muốn lánh xa người yêu, lánh xa trong một thế giới khác. Thế giới ấy, nếu không là thế giới của người chết, thì chỉ có thể là thế giới của những người thể phát quy y.

Trong buổi đầu thời kỳ thụ pháp, Khánh đã tưởng cái thị hiếu thứ ba của đời chàng còn mạnh hơn hai thị hiếu

trước, vì chàng thấy chàng yêu đạo Phật như yêu sách, như yêu tình nhân. Nhưng chàng chưa hiểu rằng tôn giáo độc đoán hơn hết các thị hiếu của người ta. Nó không cho mình đem các lẽ phải nọ kia ra mà giảng nghĩa để tìm hiểu. Nó bắt mình phải hoàn toàn vâng lệnh nó. Khốn thay Khánh vốn thông minh lại bị triết học rèn luyện khối óc thành một khối óc luân lý và khoa học. Nhiều lần theo gương sử cụ, chàng thiền định để tìm chân lý, tìm bình tĩnh cho tâm hồn, chàng vẫn không sao bình tĩnh được: chàng đã suy tâm trong thông minh hơn là trong tín ngưỡng.

Chàng cũng hiểu ngay rằng chàng còn chưa có tín ngưỡng. Và chàng đã hết sức luyện tập cho bằng có. Chàng nhớ ý nghĩa một câu tư tưởng của Pascal: “Mình phải luôn luôn mãi mãi có những

cử chỉ tôn giáo thì rồi lâu dần mình sẽ tín ngưỡng.” Và hàng ngày chàng chăm chỉ, thành kính và cố thành thực làm những việc nhà chùa như các sư khác: ăn uống kham khổ, đọc kinh, niệm phật, cúng bái đàn chay, làm đủ hết các công việc mà trước kia chàng cho là không hợp với một tôn giáo cao siêu như Phật giáo. Chàng không muốn luận lý nữa, chàng chỉ muốn nhắm mắt tin theo.

Và sau hai năm, quả nhiên tin ngưỡng đến với chàng. Chàng cảm thấy bình tĩnh lặng lẽ, mát mẻ, dần dần thấm vào tâm hồn....

Nay thì chàng đã nghiệm nhiên thành một bậc chân tu rồi. Đã ba năm, sư tổ cho chàng đến trụ trì riêng một nơi. Sư tổ hy vọng chàng sẽ cảm hóa được phái mới, phái tân học mà người ví với những cây không rễ. “Người không

tôn giáo cũng giống như cái cây không rễ, rồi một ngày, linh hồn sẽ khô héo như cây kia.” Sư tổ muốn cứu vớt linh hồn họ, đưa linh hồn họ tới Nát bàn, tới nơi giải thoát. Mà công cuộc ấy, phi các nhà sư có học mới mà học rộng như sư Tuệ, không ai đương nổi.

Còn Khánh thì chàng theo một lý tưởng cao hơn, xa hơn. Là cải cách Phật giáo. Chàng sẽ cùng một bọn tu hành trẻ tuổi, hăng hái nâng cao nền tôn giáo huyền bí mà phần đông các sư dốt nát đã hạ thấp mãi xuống, đã đem trộn lộn vào mớ tà thuật bậy bạ, quàng xiên. Chàng tin rằng chóng chày chàng sẽ thành công, nếu không, sau khi chàng tịch Nát bàn, bọn hậu sinh sẽ kế tiếp theo đuổi công cuộc mà chàng đã khởi xướng lên. Lòng tin ngưỡng của chàng không bao giờ mạnh mẽ bằng, không bao giờ vững

chãi bằng, mạnh mẽ và vững chãi đến nỗi chàng không sợ luận lý nữa. Không một lẽ phải gì có thể đánh đổ được lòng tín ngưỡng của chàng.

Nay thì không còn là tín ngưỡng mông muội, nhưng là tín ngưỡng minh lãng. Trí Khánh lúc nào cũng sáng suốt, và có trật tự. Khánh nghĩ ra một chương trình tu hành để cứ thế mà theo cho tới khi đến đích. Chương trình ấy chia hẳn ra ba phần. Một là: Làm các việc bằng chân tay và luyện tập thân thể. Vì chàng cho rằng những tư tưởng cao sâu, chàng cho rằng chân lý phải ở trong một thân hình tráng kiện và một khối óc lạnh mạnh. Đức Thích Ca chỉ tìm thấy chân lý sau khi đã bỏ lối tu hành quá khắc khổ, Hai là: Nghiên cứu đạo Phật trong các sách cổ, kim, đông, tây, để được biết rộng thêm, để càng yêu thêm cái tôn giáo mà

mình đã dốc lòng tin theo. Ba là: Tụng niệm để tâm trí được bình tĩnh và linh hồn được rút bỏ hẳn nơi trần tục ồn ào và phức tạp.

Chương trình ấy, sư Tuệ đã thi hành ngay từ khi mới về trụ trì chùa Hàm, và nguyện sẽ thi hành mãi mãi cho tới ngày thành chánh quả...

Nhưng một đêm giữa lúc đương tụng kinh, sư Tuệ ngược mắt nhìn lên bàn thờ và bỗng chú ý đến khuôn mặt pho tượng Ngọc Nữ. Cả một thời dĩ vãng lơ mờ vụt hiện ra trong ký ức kẻ tu hành. Sư Tuệ sợ hãi cúi vội xuống quyển kinh và cất cao giọng, gõ mạnh tiếng mõ như cố xóa lấp cái hình ảnh quá khứ. Nhưng vẻ mặt tươi cười, đôi mắt sắc sảo, cặp môi đỏ thắm của pho tượng mà sư ông nhớ từng nét vẫn như vẽ ra trên trang giấy chữ lớn. Sư ông nhắm mắt lại và tụng thuộc

lòng luôn mấy trang kinh, cái khuôn mặt xinh tươi càng rõ rệt hơn, và sau cùng, sáng lóe một cái tên chữ quốc ngữ, tên người đàn bà xưa...

Không phải người ở thế giới chết hiện về với người ở thế giới sống, mà chính người ở thế giới sống hiện về với người ở thế giới chết, thế giới tu hành!

Hôm sau sư Tuệ thiên định, tâm tâm, niệm niệm nghĩ đến Thích Ca. Nhưng nhà sư vẫn chỉ nghĩ đến người đàn bà, với lời ăn tiếng nói dịu dàng, thân mật của nàng.

Nhà sư bỏ ra vườn hoa, cuốc, xới nhỏ cỏ làm việc không ngớt tay trong suốt một ngày, cho thân thể mỗi một để óc không còn đủ sức mà suy nghĩ nữa. Nhưng đêm hôm ấy nhà sư ngủ thiếp đi và lại chiêm bao gặp người đàn bà xưa.

Người ấy như thành yêu quái, ngày
đêm hiện về ám ảnh sư ông...

Luôn một tháng sống trong tình
cảnh ấy, sống trong cái ngục vô hình ấy.

Rồi một hôm bỗng sư Tuệ bỏ chùa
trốn đi.

Thu 1939.

9. LÒNG TỐT

NHÂN rời xe ô-tô nhà, cặp cặp da đi rẽ xuống bờ ruộng rồi theo con đường hẻm giữa hai lũy tre thừa gốc, và xơ xác lá vàng. Thỉnh thoảng chàng lại quay hỏi anh người nhà theo sau:

– Đã sắp đến nơi chưa?

– Thưa cậu sắp đến nơi.

Nhân là một cựu sinh viên Cao đẳng. Trước chàng đã theo học trường Thuốc. Nhưng hai lần thi đều không vượt nổi

lớp vật học bác học. Bực mình, chàng bỏ trường Thuộc vào trường Luật, và uống công hai năm học tập nữa. Nói uống công học tập thì cũng hơi ngoa, vì thực ra chàng có học tập gì đâu. Chẳng qua gần đến ngày thi, mới mở các sách luật ra xem qua, rồi cũng dự thi lấy lệ cho cha mẹ khỏi kêu rằng dựa tiếng học cao đẳng để ở Hà thành chơi bởi lâu lóng.

Cha chàng, ông ký Phan, nhờ về việc bán rượu ty trong gần hai mươi năm, đã trở nên giàu có nhất vùng: khắp các phủ, huyện gần tỉnh lỵ chẳng mấy nơi là không rải rác có ruộng của ông ta. Những người vay nợ cầm cố kể có hàng trăm, hàng nghìn, ngày ngày đến chực ở nhà ông ta như chực ở công đường phủ, huyện.

Ông Ký Phan đã chịu bỏ tiền ra cho

con đi học; sau tám năm lưu trú trong trường trung học Albert Sarraut, Nhân giật được cái bằng tú tài. Ông ký sung sướng đưa con đi khắp các nơi để khoe khoang. Rồi đặt tiệc linh đình ăn mừng ở tỉnh, mổ trâu mổ bò ăn khao ở làng. Ông ta hy vọng vào con nhiều lắm, chắc chắn thế nào sau này cũng lo được cho con ra làm quan.

Nhưng Nhân từ bé đã nhận được nền giáo dục, học văn Âu tây, đã gần bọn thiếu niên tân tiến, nên tư tưởng trở nên khoáng đạt và bình dị, trái hẳn với tư tưởng tưởng giả, hẹp hòi, thấp kém của cha mẹ. Xin được phép cha mẹ vào học trường thuốc, sau hai tháng nằn nì kêu van, chàng sung sướng hơn hôm thi đậu tú tài. Không phải chàng có ưa gì trường thuốc, hay coi nghề chữa bệnh sang hơn mọi nghề khác; chàng chỉ cốt làm trái

ý muốn của người cha mà chàng cho là câu nệ, tòng cổ.

Lúc Nhân bỏ trường Thuộc vào học trường Luật, lại đến lượt người cha mừng rỡ. Ông ký cho rằng đó là lòng trời xui khiến để sau này con ông xuất chính làm vẻ vang cho họ hàng làng mạc.

Nhưng sau mấy năm bắt con theo đuổi cái chí nguyện to tát và tiêu tốn vào đấy tới gần vạn bạc vẫn chưa thấy nẩy ra một tia hy vọng cón con, ông ký vừa tiếc của, vừa tin rằng nhà mình không có mà làm quan. Còn Nhân, chàng cũng sinh ra chán nản cả học lẫn chơi.

Chàng liền về ở tỉnh nhà với cha mẹ.

Rồi dần dần chàng nhiễm những thói quen của những người sống chung quanh mình. Sau hai năm, nền giáo dục,

học văn Âu tây đã nhận được, không còn gì nữa. Những tư tưởng khoáng đạt, bình dị, đặt vào trong cái khuôn sáo cũ, một lạc, biến đổi cho đến khi mất hẳn.

Ngày nay chàng không băn khoăn nghĩ ngợi tìm chân lý nữa. Và ngắm những hành vi, cử chỉ trái nhân đạo của cha mẹ, chàng chẳng còn chú ý mắt và cảm thấy tâm hồn rạo rực uất ức như xưa.

Hai năm trước, chàng mới về giữ sổ sách và trông coi công việc giúp cha mẹ, chẳng ngày nào trong gia đình chàng chẳng có việc lôi thôi, cãi cọ ầm ĩ. Thấy cha cho vay lấy nặng lãi và bóp chẹt những kẻ nghèo đói đến cầm bán, chàng hết lời khuyên can, rồi khuyên can không được, chàng sinh ra to tiếng.

Thế mà mới hai năm qua, chàng trở nên một người khác hẳn, khác từ tính tình cho chí cách ăn ở, sinh hoạt. Vợ chàng một gái chơi bời ở Hà Nội, chàng ham sắc đẹp mà lấy, nay đã bị hoàn cảnh gọt rũa thành một người đàn bà căn cơ và nhem nhuốc, sỗ sề, luộm thuộm với tấm dung nhan tàn tạ, với bộ y phục nửa tỉnh nửa quê. Nhưng chàng cũng không để ý đến sự biến cải của vợ, và chàng quên hẳn rằng năm năm trước, người ấy đã làm cho chàng phải say mê đắm đuối. Nay thì hình như chàng chẳng còn say mê đắm đuối một thứ gì, lãnh đạm với hết thảy mọi sự xảy ra, lãnh đạm đến nỗi chàng không thêm phân biệt điều thiện, điều ác nữa, đến nỗi nhiều khi hồn nhiên chàng làm những việc mà trước kia chàng đã cực lực ngăn cản cha chàng.

Thấy con sửa đổi tính nết, ông ký Phan vui mừng bảo vợ:

– Bà tính chữ nghĩa khó thế nó còn học thành tài được, nữa là buôn bán làm ăn dễ dàng như bỡn!

Từ đó, ông Ký tin cậy con lắm. Những việc khó khăn, bọn người nhà làm không nổi, ông đều nhờ đến « Cậu tú ». Và nhận được cha mẹ khen ngợi, phỉnh phờ, càng đi sâu mãi vào con đường mà cha chàng đã cấm cũi theo đuổi trong hơn hai mươi năm. Một đôi khi những tư tưởng khoáng đạt, tự do, bình dị thuở xưa cũng có thoáng hiện trong tâm trí, nhưng chỉ thoáng hiện ra như làn chớp nhoáng, trong cái hiện tại thiết thực với những công việc làm ăn bọn bề.

Hôm nay, ông Ký cho Nhân đến thu tiền rượu ở một tiểu bài. Ông đã giao

việc ấy cho tên người nhà, nhưng hai lần đi đều không ăn thua gì cả. Ông liền bảo Nhân:

– Lại phải nhờ đến cậu mới xong. Cậu đòi bằng được số nợ hai trăm bạc cho thầy. Nếu nó không sẵn tiền thì cậu bắt nó viết văn tự bán rẻ ruộng cho nhà. Thôi điều đó thầy chả cần phải dặn, cậu sẽ tùy cơ ứng biến.

Nhân vâng lời cha ra đi. Đến ty rượu ở huyện lỵ, và được tin người chủ ty đi vắng, chàng bảo ngay tài xế đánh thẳng xe về làng người ấy.

* * *

Ba con chó vện xô ra sủa. Chạy theo ngay ra một người đàn ông khoảng ngoài bốn mươi: Gương mặt hốc hác, nước da

xanh tái, cặp mắt sâu hoắm đủ tả hết nỗi khốn khổ của một con nợ đến hạn không xoay được tiền trả.

Thốt gặp Nhân, mặt người kia càng tái thêm: Ở khắp vùng, ai không biết tiếng ác của con ông ký Phan? Nhưng người ấy cũng gượng tươi cười mời Nhân vào trong nhà.

Nhân không gắt gỏng, chỉ thông thả nói vắn tắt:

– Tôi đến thu tiền rượu.

Người mắc nợ mếu máo, kể lể tình cảnh khốn đốn nào con nhỏ ốm đau, nào vừa mất mẻ trộm hơn trăm hạc. Người vợ cũng ở buồng bên bước ra khóc lóc, kêu van thảm thiết.

Trong khi ấy, Nhân lơ đãng, lạnh lùng đưa mắt ngắm cái giường tre với

cái màn nâu cũ và đầy những miếng vải tây loang lổ, cái bàn khập khiễng xiêu vẹo và hai cái trường kỷ tre, lát nan đã bị một đục mất từng quãng. Mùi hôi hám ở cái màn, mùi ẩm mốc ở nền đất ướt, mùi khói ở bếp xông lên, không làm cho Nhân chau mày ghê tởm. Giá gặp cảnh ấy hai mươi năm trước, chàng đã bịt mũi lánh xa, chàng đã phải bán khoản tha thiết nghĩ đến cái nghèo khô và cách ăn ở luộm thuộm của dân quê.

Ngày nay nhìn mãi chàng đã quen mắt lắm rồi. Chờ cho vợ chồng người nhà quê ngừng lời, chàng ôn tồn nhắc lại câu đã nói:

– Tôi đến thu tiền rượu...

Rồi tiếp luôn:

– Tiền nợ năm trăm, trừ đi ba trăm ký quỹ, còn hai trăm.

Hai vợ chồng người khổ sở lại kên van, lại kể lể một hồi nữa, Nhân vẫn không cảm động, hơn nữa, vẫn như không nghe thấy gì, đôi mắt lãnh đạm và cặp môi hơi rung động như mỉm cười chế nhạo:

– Không có tiền thì viết văn tự bán ruộng. Giấy tiền chỉ đây, viết đi rồi tôi đưa đến lý trưởng xin triện cho. Văn tự làm xong ngày mai thế nào cũng có rượu bán.

Biết không thể làm chuyển được gan dạ sắt đá của Nhân, hai vợ chồng mắt nhìn nhau, rồi cùng chan hòa ứa hai dòng lệ: nước mắt thành thực, tự nhiên, chứ không phải cố nặn ra để ăn mày lòng trắc ẩn của con chủ nợ. Bỗng ở trong màn

nâu đưa ra tiếng khóc thét của một đứa trẻ kinh hoàng chột thức giấc. Người mẹ chạy vội lại bế con nói nựng:

– Nao ôi! Tôi biết con đói, con tối ốm rồi!

Nhân hất hàm hỏi:

– Thế nào? Hử? Tôi mà đi về tay không chuyến này thì đừng trách đấy... Chỉ vài hôm nữa thì tôi đưa chủ rượu về tịch biên nhà cửa, ruộng vườn.

Người chồng nhăn nhó:

– Lạy cậu, cậu thương,..

Nhân ngắt lời:

– Thương gì? Chẳng thương gì cả.

Rồi chàng đứng dậy, hăm hăm bước ra sân. Người chồng và người vợ, tay ẩm

con, lẻo đẽo theo sau van lạy.

Giữa lúc ấy, ở cổng đi vào một người con gái vẻ mặt hồng hào, xinh tươi dưới cái khăn vuông the, thân thể nở nang đều đặn trong tấm áo tú thân nhuộm nâu non.

Nhân ngậy người đứng nhìn. Cái đẹp. cái trẻ của cô gái quê đánh thức những cảm giác, những tính tình xưa, và Nhân vụt thấy hết cả cái xấu, cái bẩn, cái khốn nạn, nhỏ nhen của hoàn cảnh chàng đương sống.

Người con gái bẽn lễn cúi mặt, hai má ửng đỏ.

– Thế nào, con?

– Thế nào, Năm?

Nắm, tay nọ cầm giải yếm quần mãi vào tay kia, và trả lời se sẽ:

– Bà ấy bảo không sẵn.

Nhân đưa mắt nhìn ba người rồi hỏi người mẹ:

– Con gái bà?

Người đàn bà đáp:

– Vâng, cháu nhớn, năm nay đã mười tám...

Rồi lặng lẽ nhìn chồng. Người đàn ông, vẻ mặt suy nghĩ. Bỗng bảo vợ:

– Bu cái Nắm ra ngoài này tôi nhờ tý việc.

Hai người kéo nhau ra khỏi cổng, để lại trong sân một mình con gái với con trai chủ nợ.

Nhân ngấm ngấm Năm không kịp để ý đến họ. Thấy Năm toan bỏ chạy, chàng gọi:

– Này tôi bảo.

Rồi chàng mỉm cười đứng im, khiến Năm xấu hổ quay mặt.

– Cô Năm đi đâu về đấy?

Có lẽ Năm chợt nghĩ cách cứu vớt cha mẹ, vì nàng ngừng lên tươi cười và bạo dạn trả lời:

– Thưa cậu, con đi giặt tiền cho thầy bu con, nhưng không được.

Nhân chợt nhớ tới món nợ, và người mắc nợ nhón nhác nhìn quanh, bảo Năm:

– Thầy bu cô đâu rồi?

– Thừa cậu, thầy bu con ra cổng.

Nhân giật mình nghĩ đến cái kế mỹ nhân. Và trong một giây, chàng nhận thấy rằng cái tàn ác khốn nạn của người có nợ lẫn cái đê hèn khốn nạn của người mắc nợ,

Lạnh lùng chàng mở cặp lục đưa cho Năm tờ trái đơn mua rượu và bản biên lai nhận rượu của nhà chàng. Rồi chàng rảo bước đi ra ô-tô.

10. LINH HỒN

TRONG hiệu Mỹ Kinh. Giữa những tiếng tàu, tiếng ta, tiếng bốn cột ồn ào, bật lên một tiếng gọi gắt gỏng: « Hầu sáng! » ở ô bàn đối diện với ô bàn tôi ngồi. Tôi quay nhìn: một người đàn ông khoảng ngoài ba mươi, nước da bánh mật, nét mặt răn rỏi, đều đặn, trẻ trung với đôi lông mày dài, với đôi con mắt sắc, to, cái trán nở nang, sáng sủa, cái miệng rộng với cặp môi dày và đỏ rất tươi. Theo thói quen của tôi, khi gặp một

ai mà tôi rất lưu ý, tôi đặt ngay người ấy vào một hạng nhất định trên cái bản mục lục tưởng tượng của tôi: Và tôi nhận thấy người ấy có trí thông minh có tính quả quyết, nhưng lại có lòng dễ cảm động, dễ phục tùng. Tôi còn mãi dăm dăm suy nghĩ, tìm tòi, nhận xét thì người trẻ tuổi như cảm thấy tính tò mò của tôi, quay phắt lại rồi cũng ngậy ra nhìn tôi.

Bỗng người ấy đứng dậy đi sang bàn tôi, mỉm cười rất có duyên và chìa tay ra, nói:

– Ông vẫn được mạnh?

Tôi ngờ ngạc tưởng người trẻ tuổi trông lắm, thì người ấy đã nói tiếp luôn:

– Lâu nay ông có xuất bản thêm quyển sách nào không? Các cháu ham đọc truyện của ông lắm.

Rồi ý chừng là mình lỡ lời, người ấy chữa:

– Còn tôi thì xin thú thực: Bạn quá, chẳng có thời giờ rồi mà xem tiểu thuyết. Nhưng các cháu nó khen truyện ông viết hay lắm.

Các cháu hẳn là con ông ta, và lớn lắm, độ mười ba, mười bốn tuổi là cùng. Tôi mỉm cười ngượng ngịu. Các nhà văn, ai chẳng tự phụ ít nhiều. Nhưng lòng tự phụ của tôi bị tính tò mò lấn át ngay: tôi muốn biết người thiếu niên vạm vỡ đẹp trai kia, tôi đã gặp một lần ở đâu, vì tôi mang máng nhớ ra rằng hình như người ấy làm chủ động trong một câu chuyện mà tôi đã có dịp ghi chép vào cuốn sổ tay, rồi bỏ quên băng đi mất.

Nhân người ấy phàn nàn về sự tiếp khách chậm trễ của bọn hầu sáng, tôi liền mời:

– Hay ông sang ngồi cùng bàn với tôi cho vui. Ông đã gọi lấy gì chưa?

– Chưa...

– Vậy mời ông hãy uống chén nước trà khai vị đã.

Giữa lúc ấy, người phụ bếp bưng ra một cái quả gỗ khổi bay nghi ngút và đi qua bàn tôi. Tôi níu lại, thò tay vào quả nhặt lấy sáu đĩa đặt xuống bàn, và mỉm cười bảo người thiếu niên:

– Ở đây, phải làm thế mới được. Chờ họ hầu, thì họa may chín giờ mới có thức ăn... Thưa ông, ta cùng ăn xiu mại nhé?

– Vâng

Rồi vừa ăn, người thiếu niên vừa hỏi tôi:

– À, ông Ninh bây giờ đâu nhỉ?

Tôi chưa kịp trả lời thì người ấy đã hỏi tiếp luôn:

– Ông Ninh cùng đi với ông đến chơi nhà tôi đánh tổ tôm hồi năm kia, khi tôi còn ở Hà Đông ấy mà!

– À!

Tiếng “à » của tôi là một tiếng kêu vui mừng thốt ra để tỏ rằng tôi biết người ngồi trước mặt tôi là ai rồi. Nhưng người ấy tưởng tôi đã nhãng quên bạn bè, và phải nhờ có chàng nhắc đến mới nhớ ra, nên mỉm cười bảo tôi:

– Các nhà văn đến hay lơ đãng! Chỉ làm bạn với quyển sách, và cái bút.

Bắt đầu từ đây, tôi sinh ra lơ đãng thực. Tuy cũng uống, cũng ăn, cũng thỉnh thoảng trả lời người thiếu niên, nhưng tâm trí tôi để cả ở một gian phòng khách trong một nếp nhà gác tại tỉnh lỵ Hà Đông. Và trong ký ức tôi, những nhân vật buổi tối hôm ấy dần dần hiện rõ ra: Trinh, ông tham Trinh, người đương ngồi đối diện tôi, hai người bạn cùng bàn giấy với Trinh, và vợ Trinh, một người đàn bà vào trạc tuổi Trinh nhưng gầy hơn, già hơn và hình như từng trải cuộc đời hơn nhiều. Da mặt đầy những nét răn và những mốc tàn tương mà lượt phần khá dày không lấp kín, cặp mắt cân đối và có lẽ khi xưa sắc sảo lắm, nay đã mờ sạm như không còn tinh thần, tuy hai cái lông mi vẽ vòng bán nguyệt và hai cái quầng mắt đánh chỉ đen có làm cho nổi bật lên, cặp môi dài và mỏng lúc nào cũng như cắn khít lấy nhau và cái hình

trái tim vẽ đề lên bằng son đỏ không che hết màu xám nhạt còn hờ ở hai bên mép. Đó đều là những tang chứng hơn mười năm hoan lạc giang hồ. Thực ra, trước khi Ninh đưa tôi đến chơi nhà Trinh, anh đã bảo cho tôi biết rằng vợ Trinh là một cô vợ tây hươu trí, giàu có hàng vạn. Tôi cũng biết vậy thôi, chứ không hỏi cặn kẽ thêm.

Chủ nhân rót mời chúng tôi chén trà mạn nguội, tuy vẫn gọi đầy tớ bảo pha nước. Và khi nghe Ninh giới thiệu tôi là một văn sĩ, tác giả mấy cuốn tiểu thuyết thì theo phép xử thế, chàng cũng khen tôi lấy lệ bằng những câu bình phẩm sáo mà có lẽ chàng biết sẽ hợp với hết các tác phẩm của bất kỳ nhà soạn tiểu thuyết nào:

– Văn ông viết gọn gàng và dễ hiểu lắm.

Rồi chàng tiếp câu tiếng Pháp:

– Giản dị và thanh thú!

Nhưng không để cho ông chồng dài lời, có lẽ vì bà có thói quen hay lẩn át, bà vợ lớn tiếng gọi người nhà bảo chia bài. Tức thì một người bưng khay bài ra đặt lên cái sập gỗ mít đánh xi trôn bóng.

– Mời các ông lấy chỗ.

Vừa nói bà chủ bước lên sập, vắt vẻo ngồi xếp bằng chễm chệ. Rồi trở một cái ghế bảo chồng:

– Cậu ngồi đây, chẳng ngồi liền cánh với tôi không tiện... Các ông ấy ngờ là thông lưng thì khốn.

Rút lời, nàng cất tiếng cười vang, tự cho câu nói pha trò của mình là có duyên lắm. Chiều ý vợ, Trinh cũng cố gượng cười theo, và ngoan ngoãn ngồi xuống

cái ghế vợ trở.

Hết sáu ván, người vợ yên lặng mở ví da lấy ra một tờ giấy bạc năm đồng và một đồng bạc hào vút mạnh xuống sập. Có vẻ cau có, vì cả hai vợ chồng cùng chưa ù.

Sang ván thứ bảy, nàng mở một cây bài chùng ăn tốt. Trinh chẳng kịp nghĩ ngợi phỗng đánh đét một cái. Nàng hậm hực ném cây bài văng xuống đất. Trinh vừa cúi nhặt vừa nói một mình, nhưng cốt để phân trần với vợ, vì biết nàng giận lắm:

– Hừ sướng quá! Phỗng chờ.

Mặt người vợ có vẻ dữ tợn, cặp mắt mĩa mai nhìn chồng. Tôi nghĩ thầm: « Ván này mà anh chàng không ù thì thực khổ sở với chị vợ! »

Quả thực cây bài Trinh đánh ra, đúng vào hố xuyên tư của người ngồi cánh trên.

Người vợ chẳng thèm nhìn bài hạ ù, cúi rạp xuống sập giựt phắt lấy phần bài của chồng. Rồi nàng vừa vỗ đùi vừa phàn nàn:

– Giời ơi! Thế này thì có khổ tôi không? Tam văn tôi ăn thập thành. Mà phỗng đã chờ đợi gì đâu cho cam! Đilen thế là hết nước!

Trinh cười xòa chữa thẹn:

– Có phỗng thì phải phỗng cho sướng tay chứ!

Câu ấy ý chừng người vợ cho là một câu nói khai chiến. Vì từ đó, nàng tặng chồng đủ mọi điều tàn tệ, mỗi khi Trinh phỗng quạt hay xoay bài hơi chậm, hay

phàn nàn mất ừ. Nào: “Đánh thấp như vịt mà còn làm bộ làm tịch!” Nào: “Ngu đại trần đời!” Nào: “Rõ con khỉ già, con nộm nâu!” Anh chồng chỉ cúi đầu ngồi nghe vợ mắng, nếu không yên lặng nhếch mép cười trừ.

Liếc mắt ngắm qua cái dáng điệu phục tòng của Trinh, tôi cảm tức chàng thậm tệ. Sự gì cũng phải có giới hạn, cho dầu là sự kiên nhẫn đối với một người đàn bà lắm điều. Nhưng kiên nhẫn đến nỗi để họ lăng loàn ở trước mặt khách khứa thì còn gì thể diện nam nhi. Hai người bạn đồng nghiệp kia, thì có thể bảo người ta đã quen cái tính suồng sã ấy rồi, nhưng còn tôi, một người khách lạ?

Đến lúc ông chồng gọi đầy tứ pha nước, mà bà vợ gặt phất một câu: “Nó còn giờ chia bài!” thì tôi cho sự cau có

giận dữ của người đàn bà vô giáo dục đã trở nên khinh mạn. Và tôi toan đứng dậy ra về ngay. Bỗng tôi bật lên cười to. Người đàn bà nhìn tôi ngượng nghịu, vì có lẽ lúc đó tôi mới kịp nhận ra rằng tôi là một ông khách lạ, nhưng tôi chắc không ai hiểu ý nghĩ thầm kín của cái cười lên tiếng ấy: Tôi vừa ngẫu nhiên chép được biết bao tài liệu cho một câu chuyện sắp viết nay mai, vậy tôi còn muốn gì hơn nữa? Từ đó, người đàn bà lỗ mãng ngồi bên cạnh tôi, tôi chỉ coi như một nhân vật trong tiểu thuyết, như một kiểu mẫu đối với nhà hội họa.

Và tôi chăm chú, nhận xét từng cử chỉ, từng dáng điệu, từng tiếng cười, câu nói...

– Thu!

Đáp lại câu gọi gay gắt của người đàn bà, một tiếng « dạ » se sẽ.

– Cầm hộp giấu ra đây cho mẹ.

– Vâng ạ.

Một cô gái nhỏ chừng mười hai tuổi bùng ra một cái hộp bạc, vừa đi vừa lăm lét nhìn, có vẻ rụt rè kinh hãi. Bỗng cô bé vấp phải đôi dép, ngã nằm xoài để văng cái hộp bạc xuống gầm sập. Người đàn bà thét:

– Mất để đâu, con chết đâm! Vỡ cả hộp của tao rồi còn gì.

Tức thì, kinh ngạc xiết bao! Trình đứng phắt dậy cự vợ:

– Sao mợ cứ mắng nó thế? Làm cho nó sợ...

Ông chồng nhu nhược ban này đã trở nên một người hùng dũng, quả quyết, với đôi mắt long sòng sọc và cặp môi mím lại, trông rất dữ tợn.

– Tôi đã bảo vợ bao nhiêu lần rằng không được bắt chúng nó làm việc gì hết. Đây tớ kia thiếu gì mà không sai?

Tôi càng kinh ngạc khi thấy người vợ ngồi im, cúi gằm mặt xuống, có vẻ phục tòng. Rồi nàng ôn tồn bảo cô bé đương lê la nhặt những miếng trầu miếng cau với tung tóe ra đất:

– Thôi em vào trong nhà đi ngủ nhé, để đẩy chúng nó nhặt cho. Chóng ngoan, chóng mẹ yêu đi.

Một lát sau, đầu vẫn hoàn đầy. Vì một cây bài bị chồng phỗng, người vợ lại hung hăng mắng nhiếc tàn tệ, người

chồng lại nhịn nhục ngồi im, không cãi nữa lời.

Tôi bần khoản tìm hiểu. Và tôi tự nhủ thầm: “Chắc hẳn trong gia đình này có ẩn mọi sự gì bí mật”.

Đánh xong ba hội, đêm đã khuya. Tan cuộc. Tôi mệt quá, thuê xe ra thẳng Hà Nội.

Thế rồi tôi quên bằng Trinh với người vợ tây của chàng. Còn lại họa chăng mấy câu văn tắt tả phác qua cái chân dung người đàn bà ngỗ ngược, và người đàn ông nhút nhát. Tình cờ nay lại gặp Trinh ở đây, tôi thậm mong có dịp được dò hỏi thăm để biết.

Bỗng Trinh dăm dăm nhìn tôi, và nghiêm trang hỏi bằng một giọng rất lạ lùng:

– Thưa ông, hần ông không tin rằng có linh hồn?

Tôi mỉm cười:

– Vâng, quả thế. Tôi tin chắc chắn rằng nếu có linh hồn thì linh hồn tất phải cùng xác thịt cùng chết. Chết là hết!

Trình cười, ngừng vục:

– Vị tất đã chắc. Xin ông hãy nghe câu chuyện sau đây... Kỳ dị lắm... Vợ tôi chết...

Tôi vội ngắt lời:

– Trời ơi! Bà tham... thưa ông...

Trình hiểu ngay tôi định nói gì:

– Không phải người ông đã gặp. Vợ trước tôi kia. Xin nói ngay để ông biết rằng vợ chồng chúng tôi không yêu nhau

lắm! Lần ấy, nhà tôi bị tiểu sản. Tôi cũng mời đốc tờ đến chữa, thế thôi. Vả tôi cho là làm hết bốn phận rồi, không băn khoăn nghĩ đến vợ nữa.

Ba hôm sau, vào khoảng hơn mười một giờ đêm, tôi đương nằm xem tiểu thuyết, lòng bình tĩnh đến nỗi không nhớ rằng nhà có người ốm nặng. Bỗng, nghe có tiếng kệt mở cửa phòng. Tôi ngừng nhìn, cháu Thu bước vào, mếu máo bảo tôi:

– Mợ làm sao ấy cậu ạ?

Tôi gất.

– Mợ bảo con gọi cậu.

Tôi vút quyền sách xuống giường và theo cháu Thu sang bên buồng nhà tôi. Thấy nhà tôi nằm im, tôi cầm tay hỏi:

– Mợ sao thế?

Nghe câu hỏi, nhà tôi chỉ hơi lắc đầu, mắt dăm dăm nhìn thẳng vào mắt tôi. Mấy phút sau, nhà tôi tắt thở, tôi thương nhà tôi thì ít nhưng tôi hối hận thì nhiều, vì tôi đoán chừng nhà tôi muốn đổi đăng lại điều gì mà không kịp.

Sờ tay nhà tôi lạnh toát, bắt mạch không còn, tôi biết rằng không sao cứu được nữa. Bất giác tôi nức lên khóc như một đứa trẻ. Tôi không rõ lúc đó nhà tôi có còn nghe thấy tiếng khóc tỏ tình thương nhớ của tôi nữa không, để tự an ủi một đời thiếu tình ái, sống bên một người chồng lãnh đạm thờ ơ. Nhưng đối với tôi thì hình như khóc được thế sự buồn thảm, sự hối hận cũng theo dòng nước mắt mà trôi đi vài phần.

Tôi kéo chăn đắp cho người chết,

buông màn xuống và giắt cẩn thận vào thành giường, rồi tôi bắc ghế ngồi bên. Cháu Thu và cháu Lan thì tôi đã cho sang ngủ bên buồng tôi rồi. Trong phòng lạnh lẽo chỉ có một người chết với tôi.

Sau không biết bao nhiêu lâu, tiếng gà đã im gáy nửa đêm. Xa xa tiếng cú kêu giống một. Tôi hơi rờn rợn đưa mắt nhìn quanh. Bỗng nghe trong giường có tiếng động. Tôi định thần vén màn nhìn vào. Thì thấy mắt người chết từ từ mở ra. Tôi cố giữ một tiếng kêu kinh hãi, nhưng vẫn không dám ghé gần, tay vịn trấu của màn xuống. Đầu người chết se sẽ gật. Tôi đánh bạo cúi xuống hỏi:

– Mình đã tỉnh dậy?

Nhà tôi lại hơi se sẽ gật. Tôi nhớ đến lời giới giảng liền ghé tai sát vào miệng nhà tôi. Tức thì như từ thế giới bên kia

đưa lại, mấy tiếng thì thầm nghe mơ hồ, ghê sợ: «Em Thu... em Lan... cậu trông nom... cho tôi...» Rồi ngừng bật. Trong lúc sốt sắng sửa lỗi đối với người sắp từ trần, tôi viện hết mọi lễ thiêng liêng tôi thể với nhà tôi rằng hai đứa con sẽ được sung sướng hơn ngày mẹ chúng nó còn ở trên trần. Nhà tôi mỉm cười tắt nghỉ.

Chờ một lúc không thấy Trinh kể tiếp, tôi hỏi:

– Vậy ông cho rằng không phải người chết sống lại, mà chỉ là linh hồn người chết hiện lên để giới giảng ông một lần cuối cùng?

– Không phải. Nhưng mỗi lần không giữ lời hứa, thì tôi lại thấy nhà tôi hiện lên.

– Hiện lên?

– Vâng, hiện lên. Chính hôm đánh tổ tôm, hẳn ông còn nhớ, lúc cháu Thu ngã và bị mẹ kể cháu mắng nhiếc, tôi cũng thấy hai con mắt nhà tôi hiện lên rõ rệt.

Tôi mỉm cười. Trinh vội nói:

– Ông không tin? Tôi vẫn biết ông không tin: Nhưng tối thì tôi tin lắm.

Thực ra tôi mỉm cười không phải không tin mà chỉ vì tôi vụt hiểu cái cử chỉ can đảm trong chốc lát của người chồng nhu nhược đêm hôm đánh tổ tôm hai năm về trước. Thì ra linh hồn người vợ chết đã hiện về để bênh vực chồng và con.

– Thưa thế bây giờ bà Tham?

Trinh ngắt lời:

– Tôi xin ly dị rồi... Ông vẫn chưa biết? Tôi xin ly dị vì người ấy sinh ra ác nghiệt, đánh đập các cháu, khổ sở quá.

Tôi nghĩ thầm: “Có lẽ tại linh hồn người chết xui giục người chồng ly dị?”

11. TRĂNG THU

THUYỀN rời cầu Đờ đi xuôi ngược một quãng. Chúng tôi đứng trông về thành phố Hà Đông: Ánh đèn điện đã ẩn trong áng sương mù vàng nhạt lấp lánh như những ngôi sao buổi bình minh.

Rồi càng xa xa, tôi càng có cái cảm tưởng tiến sâu mãi vào cảnh lạ lùng chưa từng bao giờ tới thăm, tuy vùng sông Nhuệ là nơi tôi đã sống cả một thời niên thiếu.

Là vì cái cảnh tầm thường và quen biết kia, ánh trăng thu như có phép huyền bí, màu nhiệm làm cho vệt trở nên một cảnh khác hẳn, một cảnh dịu dàng, đầy thơ và đầy mộng.

Tôi một mình lên ngòi trên mui. Cây đàn nguyệt trong khoang đã ngừng tiếng gảy. Giọng cười đùa cũng đã im lìm. Hình như ai nấy cũng cảm động để trí bình tĩnh mơ màng theo con thuyền êm lặng lướt trên mặt nước sông bằng phẳng, lơ mờ phản chiếu bóng cây đa xù xì, cây gạo cao vút, cây xoan mảnh khảnh, những khóm tre rậm rạp hay xơ xác ngả nghiêng, và những lò gạch hoặc vắt ngang một làn khói trắng đặc, hoặc đổ nát, bỏ hoang bên những túp lều tre tường xiêu, mái sụp.

Tôi như nín thở, để mặc linh hồn sống trong cảnh hư vô. Và tôi thoáng cảm

thấy trong giây phút, rằng nếu mặt trời là của sự hùng tráng, của sự rực rỡ, của các màu sáng lạn, huy hoàng, của trăm tiếng chim hót, của trăm thức hoa đua nở khoe tươi, của trăm sự hành động, cạnh tranh, chiến đấu rộn ràng, thì trái lại, mặt trăng chỉ riêng của một sự yên lặng.

Bỗng từ trong bóng tối, dưới rặng tre đèn đưa ra một câu hát trống quân, giọng lạnh lạnh, điệu khoan thai. Chúng tôi tấm tắc ngợi khen, thì người vừa hát cất tiếng cười khanh khách đáp lại, rồi bốn cọt hỏi:

– Hát không?

Chúng tôi cũng phá lên cười cùng một dịp:

– Hay!... Ai đấy?

– Lão Nhiễu đây!

Chúng tôi còn biết lão Nhiều là ai, nhưng cũng có người trả lời liều:

– À, ông lão Nhiều! Ông lão Nhiều đấy à? Vậy ông xuống thuyền đi chơi giăng với chúng tôi nhé?

– Đi chơi giăng thì còn gì nói nữa! Nhưng có nước trắng đấy chứ?

Chúng tôi hỏi nhau và đoán chừng nước trắng là rượu ty.

Khi thuyền ghé lại sát gấn, người khách lạ chào chúng tôi bằng một câu ngâm sa mạc giọng rướn cao như giọng con gái:

Ấy là ai đi đấy hỏi ai?

Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm?

Thấp thoáng dưới bóng cây khế cành lá lòa xòa rũ xuống mặt nước, người vừa

hát ngồi trong một chiếc tam bản nhỏ, giăng lòng. Chúng tôi chưa ai nhìn rõ người ấy còn trẻ hay đã già, nhưng đoán chừng tuổi đã khá cao, vì chẳng thể lại dám tự xưng mình là «lão Nhiều».

Mãi lúc người ấy chống hèo lão đảo đứng dậy vịn vào mạn thuyền, chúng tôi mới biết đó là một người đàn ông khoảng năm mươi tuổi, mặt mày nhẵn nhụi, thân thể vạm vỡ, nở nang trong bộ quần áo trắng dài. Cái đầu tóc húi ngắn lờm chờm dựng đứng, một con mắt – vì người ấy chợt – thao láo nhìn chúng tôi không chớp trông rất dữ dội. Thấy người ấy chỉ chực ngã chúi xuống, chúng tôi phải xua lại kéo lên thuyền.

Giọng sắc mùi rượu nhưng vẫn trong trẻo, người ấy hát bài ca trống quân xưng danh để tự giới thiệu.

Sa-la lão Nhiều là tôi

Cơm ngày hai bữa, rượu thời vài ve,

Rượu xong lão Nhiều say nhè

*Nghêu ngao là nghêu ngao miệng hát vài
vè khi một khi.*

Rút lời, Nhiều cười giọng tuồng:

– Ha ha ho ho hi hi!... he he!

Chúng tôi đều phải bật cười theo. Từ đó khoan thuyền đầy những tiếng huyền náo, ồn ào bốn cột. Ai nãy ra sức hỏi đùa, trêu ghẹo người say rượu.

– Ông Nhiều hát nữa đi cho vui!

– Hát à? Nhưng các ông ăn uống gì đấy?

– Bánh dẻo với nước chè mạn, mời ông xơi.

Nhiều lại giở giọng cười tuông ra:

– Ha ha! hơ hơ! hi hi! Ai lại nhắm nước chè trông giăng như đàn bà thế? Phải có khoản kia mới thú chứ! Khoản nước... nước trắng ấy mà.

Rồi ông ta hát tiếp luôn:

Nam nhi vô tữu ai ơi,

Như cờ không gió bay thời được sao?

Một người trong bọn chúng tôi khen phỉnh một câu:

– Giọng ông ấy tốt quá, nghe sang sảng như tiếng chuông vàng.

Nhiều cười tự đắc:

– Chuyện! khắp vùng này còn ai lạ gì tiếng tăm lão Nhiều. Đi đến nơi nào là phá giải trống quân nơi ấy.

Lúc đó thuyền đi sát một làng ở ven hữu ngạn. Nhiều giờ tay thì thăm bảo chúng tôi:

– Im nhé! Im cả nhé!

Chúng tôi còn chưa hiểu cử chỉ của Nhiều mà chúng tôi cho là cử chỉ một người say rượu, thì vắng vắng từ trong lũy tre um tùm đã bay ra câu văn giọng the thé non nớt, giọng người còn ít tuổi và mới tập hát:

Này tri âm ơi,

Thuyền tình sao vội xuôi dòng.

Cho ruột em héo, cho lòng em đau.

Nhiều lấy tay bịt mũi hát đáp lại liền:

Cá nhơn bỏ cả đi đâu?

Để đàn rô nhép cắn câu dõ môi.

Thuyền đi khỏi một quãng, Nhiều mới phá lên cười bảo chúng tôi:

– Chỉ cho một câu là tịt. Chúng nó địch thế nào được với lão Nhiều?

Thích chí, ông ta chống hèo đứng dậy mần tuồng, đóng hết vai Tào Tháo, Quan Công trong bản Hoa dung tiểu lệ, đến vai Đồng Trác, Lã Bố trong vở Phụng nghi đình. Rồi bỏ giọng tuồng, ông ta hát các giọng chèo, mà giọng nào cũng hay, cũng đúng dịp, điệu bộ lại rõ ra điệu bộ một tay nhà nghề thành thạo. Sau cùng ông ta ngồi xuống phàn nàn:

– Chỉ tiếc rằng thiếu mất cái nhị. Giá có nhị, thì vừa kéo vừa hát còn hay nữa. Nhưng mà..

Bỗng ông ta giơ tay ra hiệu bảo chúng tôi im, rồi lại bịt mũi hát một câu

trêu ghẹo, khiêu khích. Tôi nhìn lên bờ: Ven con đường hẻm, bên lũy tre sắp bóng trắng, lơ mờ hiện ra cái cổng và cái tường gạch quét vôi trắng. Và tôi hiểu ngay rằng những làng có gái danh ca ở hai bên vệ sông. Nhiều đều thuộc cả. Mà có lẽ ông ta biết cả tên tuổi những người có thể đối đáp được với ống ta nữa.

– Ông theo nghề hát trống quân từ bao giờ?

Nghe câu hỏi, Nhiều trợn trừng con mắt đục long nhìn một cách mỉa mai:

– Làm gì có nghề hát trống quân? Trai gái vùng tôi ai cũng biết hát, nhưng chẳng ai là nhà nghề cả. Năm nào trong mấy ngày tết Trung Thu, nam nữ cũng họp nhau lại hát cho vui, thế thôi.

Ngừng một lát, ông ta lại nói tiếp:

Tôi nổi tiếng từ năm mười bảy tuổi. Từ thuở ấy đến nay đã ba mươi tư năm, vì năm nay tôi năm mươi một, chẳng năm nào tôi không đi hát. Giá các ông tối mai xuống chơi Tổ được, thì các ông sẽ nghe tôi hát giật giải, trừ ra tôi lại say như hôm nay mà dúi lưỡi không hát được.

Chừng ông ta tự cho câu pha trò của ông ta là có duyên lắm, vì ông ta vỗ tay cười the thé. Một người trong bọn chúng tôi khen ông ta cười ròn như bóng cô. Tức thì ông ta hát ngay một câu châu văn. Đoạn, ông ta nhột giọng nũng nịu nhại các bà đồng:

– Nà nà! Cô xướng cho đệ tử nhá.

* * *

Thuyền đến chợ Tó. Bên một dịp cầu gỗ, hàng chục con thuyền yên lặng nằm ngủ dưới ánh trăng. Trên bờ thấp thoáng có bóng người đi lại màu áo trắng xen lẫn màu áo thẫm. Ông Nhiều bịt mũi cất tiếng hỏi:

– Có ở đâu còn hát không?

Tiếng người đáp lại:

– Tan đám đã lâu rồi.

Thực vậy, bấy giờ đêm đã khuya lắm. Trăng lên cao tới đỉnh đầu soi thẳng bóng xuống mặt nước.

Thuyền chùng tôi liền quay mũi. Đi được một quãng, tôi hỏi đùa ông Nhiều:

– Chùng ông sợ bọn con gái phải lòng. nên ban nãy ông mới bịt mũi lại mà hát, phải không?

Ông ta lại cười một dịp cười tuông tự đắc:

– Tôi làm thế cho họ không nhận được tiếng tôi, vì nếu họ nhận được tiếng tôi thì họ không dám hát. Ở vùng này họ sợ tôi như sợ cọp, hễ tôi cất giọng lên là họ im thin thít.

Rồi ông ta thích chỉ kể cho chúng tôi nghe những kỳ công trong cái đời hát trống quân của ông ta, mà tôi xin thuật lại sau đây một đoạn lý thú nhất. Cố nhiên là tôi cố sửa sang chút ít lời văn cho ra câu chuyện. Và những chỗ Nhiều ngượng ngùng không muốn kể rành mạch thì tôi phải hiểu ngầm cho ông ấy mà thêm thắt vào.

* * *

Năm mười tám tuổi, Nhiều nhờ tài hát trống quân mà lấy được vợ vừa xinh vừa giàu, tuy chàng chả có đủ cả hai con mắt phượng như bọn trai trẻ tốt mã trong làng. Cố nhiên vợ Nhiều, cô Tâm, cũng là một danh ca. Hai năm liền, nàng cùng Nhiều hát chọi, và cùng Nhiều giặt nhiều giải trống quân. Thế là cặp tài tử trở nên bạn sắt cầm. Cha mẹ Tâm rất không ưng có anh chàng rể độc long, hiềm nỗi con mình đã trót mang nặng khối tình cùng người tri kỷ mất rồi, còn biết “ăn làm sao, nói làm sao bây giờ”.

Kể thì cái nhân duyên ấy thực là một nhân duyên lý tưởng. Dưới ánh trăng thu, anh khen chị là thực nữ, chị khen anh là quân tử. Anh tán tụng cái nhan sắc nhạt sa cá lặn, mai cốt cách tuyết tinh thần của một tiểu thơ khuê các, chị tán tụng cái hào hoa phong nhã, cái nền

nếp trâm anh của một bậc dòng dõi nho gia. Những lúc tâm bốc lẫn nhau trong câu hát sáo, hai người đều mê man, say sưa tin tưởng rằng mình thành thực cả. Thực ra, chị chỉ là con ông lý, anh chỉ là con ông xã, chị quanh năm làm việc ngoài đồng, anh tháng ngày theo nghề nung gạch. Nhưng ở đời, chẳng có một địa vị, một tình cảnh, một nghề nghiệp hèn mọn nào lại trái ngược với cái tài nghệ làm thơ, làm vè,

Lấy nhau được một năm, thì ái tình của Tâm không còn nữa. Tâm yêu là yêu người hát hay, chứ nàng có yêu gì anh Nhiều. Thế mà nay Nhiều chỉ hoàn toàn còn là Nhiều mà thôi, vì chẳng lẽ hai vợ chồng lại ngồi hát đối chọi, trêu ghẹo, tán tụng lẫn nhau? Không những Tâm hết yêu chồng, mà còn thù oán chồng là chẳng khác. Vì năm nay tiết Trung Thu

đến, nàng không được tự do đi hát trống quân với bọn trai tân như xưa nữa. Cùng đi với Nhiều thì còn thú vị gì? Chẳng lẽ trước mặt chồng, mà nàng buông những câu nguyệt hoa lời lả, những câu tự tình âu yếm? Chồng nàng lại là người căm ghen. Mà khi ghen thì chàng chẳng còn nói văn hoa như khi chàng hát. Bao lời thô鄙 tục tằn chàng đem trút cả lên đầu người mà trước kia chàng nâng niu,âng bốc, phỉnh phờ. Thành thử, mấy năm sau, đến tiết Trung Thu sáng tỏ, Tâm để mặc chồng đi hát cùng bọn gái tơ, một mình ở nhà bỗng con ra sân, ca vọng lên trời để gửi chị Hằng Nga hết thấy nỗi hận nung nấu trong lòng.

Nhưng một năm vào dịp Trung Thu, Nhiều đi vắng, Chàng ra thăm người cô buôn bán ở Hải Phòng. Tối hôm rằm, Tâm mừng quýnh thấy chị em đến rủ.

Nàng thuê bà lão hàng xóm sang trông hộ con, rồi trang điểm, ra đi với chúng bạn. Nàng cười nói:

– Các chị ạ, đã hai năm nay, tôi chưa được hát “thả cửa” một tối nào. Nhớ chết đi mất thôi.

Chị em nói khích:

– Ai cấm chị hát?

– Còn ai nữa? “Thằng Chột” nó cứ hăm hăm cái mặt, đi hát còn thú gì?

Thực ra các cô kia cũng đều xiêu lòng cả với “thằng Chột”. Vì trong khi hát đối với Nhiễu, các cô được chàng nâng đỡ nên hát rất dễ. Tuy thế nào cũng thua, cũng bị “lật”, nhưng các cô lấy làm sung sướng khi rời đám ra về. Những lúc ấy chắc Nhiễu chẳng còn là “thằng Chột” nữa, mà chỉ là một anh chàng rất

có duyên. Chị em thuê thuyền đi Tó. Và trong luôn hai giờ, các cô ca hát thỏa thích, tuy bên nam chẳng phải là những đối thủ xứng đáng của các cô.

Giữa lúc bên địch đương lúng túng thiếu vận, giữa lúc Tâm được thính giả hò reo khen ngợi, thì bỗng nàng đứng dậy kéo chị em ra về, ai nài xin thế nào nàng cũng nhất định không hát nữa. Nàng như nghe có tâm linh báo cho biết thằng chồng nàng sắp tới đám.

Xuống thuyền, chị em xoắn xuýt hỏi vì có gì hội đường vui, bỗng dừng lại thôi như thế, thì nàng có vẻ sợ hãi, đáp vắn tắt:

– Thằng Chột!

– Nhưng anh ấy đi vắng kia mà.

– Nó bảo nó đi độ mười hôm, mà đến hôm nay vừa đúng tám ngày.

– Thì còn hai ngày nữa.

– Không. Thế nào đêm nay nó cũng mò về. Chết nó cũng mò về. Nó bỏ qua sao được đêm rằm Trung thu?

Thuyền ngược khỏi làng Tó được một quãng, Tâm ngược mặt nhìn vầng trăng bạc lơ lửng trên trời xanh trong, mà đoái tiếc cái đời gái tơ tự do đùa nghịch. Và nàng cảm động thốt ra lời than vãn:

*Ôi chị Hằng ơi, thân em như tấm lụa
đào.*

Phất phơ nay đã lọt vào tay ai.

Tức thì ở chiếc thuyền sau, từ trong mũi đưa ra một câu ca họa lại nguyên điệu, nguyên vãn.

*Ơi tri âm ơi, tấm lụa đào dù lọt tay
người.*

Phất phơ em cứ em thời em bay.

Mấy cô sung sướng phá lên reo cười.
Rồi Tâm lại ngâm một câu để chế cái
giọng ngạt mũi của anh chàng nào đó.
Anh kia cũng ngâm trả lời ngay rằng
chàng cảm vì tình nên giọng hát hóa
khàn, hóa kém, xin nàng lượng xét cho.

Thế là cuộc hát trống quân giữa
sông bắt đầu nhóm. Những lời tình tứ,
những câu văn hoa, những điệu lẳng lơ,
hai bên moi hết ra để chọi nhau, những
lời, những câu, những điệu mà trắng thu
trong vắt trên dòng nước thu êm lặng bao
phủ một làn ánh sáng dịu dàng huyền
diệu, hai bên cùng cảm thấy mình sống
trong một thế giới lạ lùng, một thế giới
khác hẳn với cái thế giới bùn lầy nước

động, làm ăn vất vả mọi ngày thường.

Hai con thuyền đi song song và cách nhau chỉ chừng mười thước, êm đềm thong thả tiến trong khối sương,

Đến Sa-la nàng hát một câu từ biệt chàng. Chàng còn cố khấn khoản giữ lại, nhưng nàng xin chàng tha thứ cho. Rồi chàng ra về, nàng phải gạt lệ, và lòng nàng bị tan nát héo khô vì tình. Nhưng cái thằng chồng nàng nó chẳng ra gì, nếu về nhà nó biết đi chơi với bạn tri âm thì nó chẳng khỏi thượng cẳng chân hạ cẳng tay.

Nàng đã lên bờ, chàng còn hát một câu giữ lại tình tự. Cảm lòng chàng, nàng đứng vịn gốc khế đáp lại mấy lời gán bó...

Bỗng một dịp cười ở trong mui thuyền tung ra. Tâm giật mình kinh

hoảng cảm đầu chạy. Nàng vừa nghe rõ tiếng cười của chồng. “Giời ơi! Thảo nào mà nó hát giỏi thế!”

Quả thực người “tri âm” của Tâm trên quãng sông từ Tó đến Sa-la là Nhiều. Trong gần hai giờ, Nhiều đã lấy tay bịt mũi hát đối đáp với Tâm, để Tâm không nhận được tiếng mình.

Khi Nhiều về nhà, Tâm giả vờ ngủ say, Nhiều dậy bảo:

– Tri âm ơi! Đêm rằm trăng trong, gió mát mà mình nỡ bỏ hoài ư? Dậy đi hát trống quân với tôi cho vui nào!

Tâm còn vờ, gắt:

– Hát xướng gì! Rồi ra một bước con nó khóc nhoe nhoe ấy, còn hát với xướng gì!

Nhiều hiểu thấu lòng ham mê thi hát trống quân của trai gái nên bắt đầu từ đó, chàng để mặc vợ được tự do kén chọn tri âm trong mấy ngày hội Trung thu, không hề ghen bóng ghen gió như trước nữa.

12. BIỂN

Từ hôm tôi vào Sầm Sơn, sáng nào trời cũng mưa rả rích. Buổi trưa tạnh ráo thì mây lại u ám, và về chiều gió đông nam nổi lên thổi mạnh, làm thời tiết trở lạnh như vào khoảng cuối thu. Tôi buồn rầu nghĩ đến cảnh nghỉ hè trên Chapa. Vào đây mục đích là để tắm biển, để phơi nắng thể mà đã năm sáu hôm nay tôi chỉ khoác áo dài ra ngoài pull'over đứng vờ tựa hiên nhìn đường vắng. Chán nản quá đến nỗi sách cũng không

đọc được. Rồi sinh ra cái kính, gắt gỏng ngấm ngấm trong lòng. Tiếng học chữ hán và quốc ngữ của lũ trẻ ở phía sau nhà càng làm tôi thêm khó chịu, bực tức!

Nhưng sáng nay, lòng tôi vui thích. Nhớ lại tính nết tôi mấy hôm trước, tôi thấy tôi vô lý. Tiếng học chữ hán vẫn bay sang, lạnh lạnh như tiếng tụng kinh của một chú tiểu tốt giọng, đều đều như tiếng niệm phật của các tín nữ lên chùa và quen quen, thân mật như tự ngàn xưa sống lại. Cả một thời kỳ vắng của tôi cũng sống lại, cái thời thơ ấu học chữ nho. Tôi tưởng như chính tôi đương ê a đọc đi đọc lại mãi một câu: “I a phận tử tử hiếu i a... i a phận tử hiếu i a...” Giọng đường trong khiến tôi nhớ tới một bậc đàn anh người xứ Thanh. Ngày xưa không gì thú cho tôi bằng nghe anh đọc thơ và bình văn tuy tôi chẳng hiểu chi hết. Bất giác

bắt chước giọng anh, tôi ngâm nga đọc hai câu thơ của anh mà cái trí nhớ thời tám chín tuổi vẫn còn giữ vẹn toàn, tươi mát như rau nguồn vừa mới hái:

Thuấn hà nhân dã ngã tư tề,

Lạc thiện tâm tùy báo hiệu kê...

Các bạn có hiểu tại sao tôi vui thế không, tại sao hôm nay tôi sung sướng thế không? Mặt trời cuối xuân đã mọc trên từng không xanh ngắt và trong lòng tôi sáng tươi.

Tôi ra bãi biển. mặc sơ sài có một cái áo sát. một cái quần đùi ngắn. Ở đó cố nhiên tôi chỉ gặp toàn những dân chài lưới, người nghỉ mát độc nhất là tôi. Nhưng không vì vắng người tắm biển mà bãi biển kém vẻ hoạt động, dù đây không còn là cái hoạt động thanh lịch,

xinh xẻo, cái hoạt động phô bày, giàn xếp từ các nơi thành thị đem về như người ta phô bày, giàn xếp một cảnh hoạt động giả dối ở trên sân khấu nhà hát. Đây là cái hoạt động thiên nhiên, mộc mạc và hùng vĩ.

Ven làn nước có phần êm lặng so với những buổi chiều huyền ảo mấy hôm trước, từng hàng người lực lưỡng kéo lưới. Những tấm thân cường tráng, nổi từng bắp thịt rắn chắc và rậm tía cùng vốn ra, ngả về phía sau. Những bộ đùi mập mạp cứng như thép cùng ruỗi thẳng để nhịp nhàng giẫm chân xuống cát và từ từ lùi lại, từ từ quá đến nỗi ta sẽ tưởng vẫn đứng y nguyên một chỗ, nếu thỉnh thoảng người cuối hàng không tháo dây móc ra để lộn lên đầu hàng, rồi lại lạnh lùng, không suy nghĩ, ưỡn mình ngả về phía sau giẫm chân từ từ kéo. Ánh nắng

vàng dịu, trong, mát, mong manh, mịn màng như lọc qua mấy đợt mây xanh, vẽ dài những hình rung động lên cát ướt.

Một cái lưới kéo vào bờ. Yên lặng đứt quãng, yên lặng mà tiếng sóng biển âm ỉ, đều đều, càng làm tăng lên. Một cái mảng từ đâu chở đến, vừa vụt hiện ra đề húng lấy từng sải lưới. Đàn trẻ mót cá tua tủa chạy lại, xôn xao cười nói, mỗi đứa tay cầm một cái vọt nhỏ. Một người đánh cá cởi trần, quần nâu bện lên tới háng, giơ ra một cái que nửa và dữ tợn dọa nạt:

– Chúng mày mà lại gần thì chết đòn bây giờ!

Bọn kia như không thèm nghe, lội cả xuống nước, quây quần lấy cái mảng, đứng sát vào hai bên thành lưới đã kéo gần tới đáy. Tiếng que nửa mỏng vun vút

trong không, hay đen đét lên đầu, lên mình lũ trẻ nhốn nháo. Những con cá lớn, trắng, sáng loáng như bạc, từ dưới nước tự ném mình lên trên không để lại rơi xuống khoảng lưới vẫn đang kéo vào. Những con cá nhỏ, đầu nhọn thân dài và đẹp mắc trong mắt lưới bị người ta giựt mạnh vút vào cái lỗ đặt trên mảng, nếu không bị một thằng bé con nhanh nhẹn, nhẹ nhàng hái vào trong vọt của nó,

Chỉ dăm phút, cá đã bỏ hết vào lỗ đây tới hai phần ba. Trộn lộn, lúc nhúc, nào cả thu phơn phớt màu xanh, nào cá chim lấp lánh màu bạc và biết bao nhiêu các thứ cá nhỏ giống nhau mà chỉ dân vùng biển mới có thể phân biệt và thuộc tên. Lẫn vào đó những con mực râu dài, những con cua với đôi khuyên tròn như cặp mắt vẽ trên mai, những con tôm vàng

đầu to, uốn mình nhảy tanh tách.

Năm sáu chị buôn cá xúm lại, vây chặt lấy cái lỗ đã khiêng lên bãi. Câu nói thách, câu mặc cả, lời cãi nhau, mắng nhau. Một người đàn bà lôi lấy lỗ, một người đàn ông kéo giật lại. Nhưng rồi mua bán cũng xong ngay, và mấy người đàn bà vội vàng cùng nhau chia phần đồ vào thúng, thoăn thoắt gánh đi.

Yên lặng lại trở về trong bầu không khí vẫn sáng dịu. Và những cái bóng yên lặng của những người kéo lưới vẫn nằm dài trên làn cát ướt. Lũ trẻ đã biến đâu tất cả. Ngoài bọn dân chài chỉ còn lại ở dưới bóng rợp cái mảng kê trên nạng, hai đứa bé mà tôi trông thấy ngay từ lúc mới ra bãi biển. Một thằng ngồi bó gối, một thằng nằm sấp, cả hai cùng chăm chú cùng nhìn vào một khoảng đất ở trước mặt, và cùng có vẻ suy nghĩ, tìm tòi.

Tôi lại gần thì đó là hai vị tiểu tiên đương ham mãi một ván cờ “hoa thi”; những quân cờ là những mẫu que nửa cắm xuống cát. Tôi đứng nhìn qua một lượt, xem xét thế trận của hai bên quân que để nguyên và quân que bẻ gãy, rồi tôi mỉm cười tuyên bố: “hòa thôi!”. Cả hai đứa trẻ cùng ngừng lên. Một đứa đắm đắm nhìn tôi và chào.

– Thầy! Năm nay thầy ra nghỉ mát sớm!

Tôi nghĩ thầm: “Nghĩa là năm ngoái nó đã gặp mình.” Tôi hỏi:

– Thế nào? Hòa thôi chứ, em? Hai bên là quân mà tướng lại cùng bị vây...

Thằng kia cười đáp:

– Vâng, hòa. Hòa thôi, Tuấn ạ. Đánh ván khác nhé?

Tuấn lạnh lùng:

– Thôi, chả đánh nữa! Đánh với mày buồn chết, ván nào cũng hòa.

Rồi nó đứng dậy đi bên cạnh tôi.

– Thưa thầy, thầy ở Hà Nội?

– Ủ, sao em biết?

Tôi mỉm cười đáp. Tuấn rất tự nhiên trả lời:

– Thưa thầy, con tưởng những người Bắc vào đây toàn là người Hà Nội cả.

– Vậy em đã biết Hà Nội chưa?

Tôi tưởng hỏi đùa, và tôi ngạc nhiên khi nghe Tuấn đáp lại:

– Thưa thầy đã.

Nó ngược nhìn tôi, nhìn rất lâu như

để tìm cái hình ảnh Hà Nội in trong đôi người của một người Hà Nội mới đem vào. Lần đầu tiên tôi nhận thấy cặp mắt sáng và trong, cặp mắt hơi xếch lên thái dương nhưng không vì đó mà dữ tợn, không vì thế mà mất vẻ thơ ngây dịu dàng, nhân hậu. Cặp mắt của anh đồ Thanh, của anh “đồ Râu” (vì anh có bộ râu rất đen và đẹp), tác giả hai câu thơ trên kia. Cặp mắt của một người chở phà mà tôi đã gặp năm kia ở một bên đò bên sông Mã trên một con đường hẻo lánh đi làng Hồ. Hôm ấy ngắm người trai trẻ vạm vỡ, tuấn tú và trang nghiêm, không hiểu sao tôi nghĩ ngay tới chú đình trưởng Lưu Bang, nhưng hôm nay nhìn thẳng bé xinh xẻo với cũng cặp mắt trong sáng và hơi xếch ấy, tôi lại tưởng tới vua Lê Lợi. thời còn hàn vi, ẩn nấu ở một bên đò nào đó bên dòng sông Mã nước chảy phẳng phẳng ra biển khơi.

Sau một phút im lặng đi cạnh tôi,
Tuấn hỏi:

– Thầy có biết phố nhà Thương không?

Tôi hỏi lại:

– Có phải phố Phủ Doãn không?

Tuấn nhìn tôi, ngẫm nghĩ:

– Dạ, có lẽ phải đó, con không sao nhớ được cái tên ấy, con chỉ gọi là phố nhà Thương, ở ngay sau nhà thương, rẽ ra phố Tràng Tiền, thẳng lên phố Bôn-be có hiệu Gô-Đa. Con đã vào hiệu Gô-Đa rồi, to lắm, đẹp lắm..

Tôi mỉm cười ngắt lời nó;

– Vậy ra em đã ở Hà Nội?

– Dạ.

Rồi Tuấn kể cho tôi nghe tất cả câu chuyện đời nó.

Mẹ Tuấn chết rồi. Cả cậu Tuấn nữa. Tôi không rõ tại sao cậu Tuấn lại có một địa vị quan trọng trong đời Tuấn và trong câu chuyện của Tuấn. Tôi cũng không hỏi kỹ để biết duyên cớ. Trước tôi vẫn tưởng “cậu” là người sinh ra thằng bé, tuy tôi cũng hơi lạ một điều về cách xưng hô của nó: mẹ với cậu. Nhưng không, không phải là cha Tuấn, cậu chính là em mẹ Tuấn. Tuấn nói thêm cho tôi biết thế: “Còn cha Tuấn?” Câu hỏi ấy chỉ chực thốt ra nhưng vẫn bị giữ lại. Tôi như sợ làm buồn hoặc phật lòng thằng bé, vì một thiên tiểu thuyết gia đình vừa phác ra trong trí tưởng tượng của tôi. Tôi thấy thằng bé mồ côi mẹ, rồi cha nó lấy vợ kế, một người vợ đảm đang và cay nghiệt, và nhiều lời như một số đàn bà tôi

thường gặp ở Sầm Sơn. Nhưng trong mấy năm sau khi mất mẹ, thằng bé còn được cậu bênh vực, che chở, chống cự lại người mẹ kế dữ tợn. Rồi người cậu cũng mất. Từ đó thằng bé bỗng thấy mình trở trọi trong cái gia đình không yêu mến. Tôi cúi nhìn Tuấn như để đọc thiên tiểu thuyết của tôi in trong gương mắt ngây thơ, nhưng thằng bé vẫn vui vẻ kể tiếp câu chuyện của nó.

Nó đến ở với bà An Lợi. Bà ta yêu nó lắm, Còn ai không yêu được một thằng bé con kháu khỉnh như nó? Trừ có là dì ghẻ nó. Thế rồi gần hết hè bà ta hỏi nó có muốn theo ra Hà Nội không.

Ra Hà Nội? Tuấn chưa từng bao giờ nghĩ tới. Nhưng bắt đầu từ hôm ấy nó nghĩ tới. Nó không thể tưởng tượng được Hà Nội như thế nào, song nó chắc ở đó có nhiều, rất nhiều nhà gạch vừa to

vừa cao, và rất nhiều ô-tô vừa đẹp vừa nhanh. Còn người ở Hà Nội thì chắc như tất cả những « thầy », những « cô » vào Sầm Sơn nghỉ mát. Hình ảnh cái thành phố lớn lao, đẹp đẽ, ngày đêm hiện ra trong khối óc mười lăm tuổi, hiện ra lơ mờ, xa xăm như hình ảnh thiên đường và địa ngục hiện ra trong óc một người đàn bà tin đạo. Thực ra nó yêu Hà Nội như người ta yêu thiên đường, nhưng nó cũng sợ Hà Nội như người ta sợ địa ngục.

Một hôm nó bảo bà An Lợi:

– Thưa bà, chắc Hà nội đông người lắm?

Bà kia mỉm cười:

– Đông lắm, đông như một tổ kiến vậy.

– Thưa bà, nhà cao dễ đến chục tầng?

– Không, chỉ hai, ba tầng thôi, nhưng mà to và nhiều lắm.

– Còn xe ô-tô?

– Ô! Xe ô-tô ư! Đường đi như mắc cửi.

Thằng bé nghĩ ngợi, lo lắng. Về Hà Nội, nó làm thế nào để tránh được ô-tô, để khỏi bị đè chết?

Nhưng hôm bà An Lợi sửa soạn ra về nó bỗng quả quyết bằng lòng đi theo hầu. Giọng thằng bé cất cao lên:

– Thưa thầy quả thực Hà Nội đẹp. Mà có nhiều cái đẹp quá. Hôm mới ra mỗi lần bà chủ sai con đi đâu có việc gì, lúc về thế nào con cũng bị cốp, vì con đi lâu quá, gặp cái gì con cũng đứng lại

xem. Gặp người nào đẹp, ăn mặc hay hay, con cũng đứng lại ngắm nghía. Có người thấy con nhìn cũng nhìn lại con, rồi bật lên cười to, làm con xấu hổ cắm đầu chạy. Một hôm bà chủ sai con mua một lạng cà phê ở hiệu Gô-Đa, con đi mất hết cả buổi sáng. Về, bà con tát cho hai cái nên thân, nhưng mà con cũng hả. Trời ơi, đẹp quá thầy ạ...

Thế rồi con cũng quen dần đi. Về sau, con không lạ nữa, bà chủ sai con đi đâu con đi một mạch, chẳng nhìn trước, nhìn sau, bên phải, bên trái nữa.

Thấy Tuấn ngừng lại, tôi hỏi:

– Nhưng nay sao em không ở với bà An Lợi?

Thằng bé buồn rầu kể cho tôi nghe đoạn cuối câu chuyện.

Bà An Lợi yêu nó lắm, vì nó ngoan ngoãn nết na. Nhưng không hiểu sao một hôm nó chợt thấy nhớ nhà, nhớ núi Sầm Sơn, nhớ biển Sầm Sơn, nhớ bãi cát Sầm Sơn, nhớ lũ trẻ nô đùa và nhớ cả thầy đồ dạy chữ hán. Có lẽ lòng háo hức thích Hà Nội đã nhạt. Cái thành phố tráng lệ không còn sức hấp dẫn đối với khối óc ham muốn, không còn đủ mãnh lực để đè át cái tình nhớ quê hương vẫn âm thầm, ẩn náu trong lòng thẳng bé con vùng biển.

– Thừa thầy. Tuần kể, suốt một tháng, đêm nào con cũng tưởng đương ở nhà, đương chạy nhảy hay đánh cờ ở ngoài bãi với bạn bè. Bên tai con, tiếng sóng biển réo âm âm. Nhưng giật mình tỉnh dậy, con vẫn thấy con nằm ở trên gác nhà bà chủ con. Ở dưới đường, đèn điện sáng như ban ngày mà xe ô-tô thì chạy rầm

rập qua trước cổng nhà thương. Con bưng mặt ngồi khóc, khóc mãi cho tới lúc mệt quá lại ngủ thiếp đi. Mấy hôm đầu, con còn khóc to, nhưng bà chủ con mắng và đánh nữa, nên về sau con chỉ khóc thầm nhét vạt áo vào miệng cho bà chủ khỏi nghe thấy tiếng. Mà người con mỗi ngày một gầy đi. Con gầy quá cơ, thầy ạ. Thấy tính hằng hai, ba ngày liền ăn mỗi bữa một miếng cơm, có khi nhịn đói và chỉ uống nước lã thì làm gì mà không gầy không sút đi. Bà chủ con thương con lắm, cứ hỏi con tại sao con hay buồn hay khóc. Trước con còn giấu quanh, về sau con liền thú thực với bà chủ con rằng con nhớ nhà. Bà chủ con dỗ con: “Rồi lâu quên đi”. Nhưng con không quên, thầy ạ. Bà chủ con lại mắng con: “Đã lớn rồi mà còn nhớ nhà.”

Đến đây, tôi ngắt lời Tuấn và hỏi:

– Nhưng em nhớ ai? Em đã bảo mẹ em chết rồi, và cả cậu em cũng chết rồi kia mà.

– Thưa thầy, con nhớ nhà. Nhớ biển, nhớ núi, nhớ... hết cả mọi thứ, Với tại chính vì má con với cậu con nữa. Má con cứ luôn luôn bảo con: “Tuấn ơi! Về đi thôi, về đi thôi. Ở đây làm gì, đây không phải nhà mày!” Cả cậu con nữa, cậu con cứ đuôi con “ôi ôi”.

– Mẹ em? Cậu em? Tưởng mẹ em và cậu em đều mất rồi kia mà?

– Dạ, má con và cậu con chết rồi. Con nói con nằm chiêm bao đấy chứ. Một tuần lễ trước hôm được về nhà, đêm nào con cũng nằm chiêm bao thấy má con và cậu con hiện lên đuổi con về. Hôm sau cùng, má con gắt và mắng con: “Sao tao dạy bảo mày không nghe lời tao, hử

Tuấn?” Con lên kêu van với bà chủ con. Bà chủ con thấy con gầy rạc, mặt mũi hốc hác, xanh xao thì sợ con chết nên bằng lòng cho phép con về, Nhưng bảo con hãy chờ vài hôm để bà tìm người đưa con vào Sầm Sơn. Con nói liêu: “Thưa bà con nhớ đường, bà cứ để con vào một mình”. Thế là bà chủ trả tiền công con, lại cho con hai đồng tiền tàu. Chiều hôm ấy con về tới Thanh Hóa, rồi đi bộ vào Sầm Sơn liền. Mãi khuya con mới về tới nhà. Nhân đêm hôm ấy có trăng, con đi thẳng ra bãi biển, và con ngồi xuống cát con khóc, khóc mãi...

Tuấn ngừng hẳn, yên lặng đi bên cạnh tôi. Bỗng một lát sau nó vờ vẫn nhìn lên đường hỏi:

– Thưa thầy, nghe nói tiền tàu tăng giá. Năm ngoái con lấy vé mất có một đồng mười ba xu,

Tôi lơ đãng trả lời thẳng bẻ:

– Bây giờ vẫn thế.

Và tôi nghĩ thầm: “Hay nó còn nhớ tiếc Hà Nội và nghĩ đến món tiền mua vé xe lửa đấy chăng?”

13. SỰ BÍ MẬT CỦA ANH CHẾ

VIÊN kể chuyện:

Anh Chế là anh họ tôi. Thời ấy anh ở nhà tôi, và cùng tôi theo học lớp nhất trường Hà Đông. Chúng tôi đều lớn tuổi. Chế mười tám và tôi mười sáu. Không phải vì chúng tôi học chậm, kém hay dốt, trái lại thế, bao giờ và ở lớp nào chúng tôi cũng ngồi đầu. Chúng tôi sợ dĩ lớn tuổi là chỉ vì năm mười sáu và mười bốn Chế

và tôi mới chịu quả quyết bỏ chữ Hán để bắt đầu a, b, c. Như thế, sau có hai năm chúng tôi nhảy lên đến lớp nhất tưởng cũng là mau lắm rồi.

Nhưng chúng tôi chỉ gần nhau về tuổi và về sức học còn về tinh thần, về tiến hóa, nhất là về sự thay đổi giữa một hoàn cảnh mới, khác hẳn xưa, thì chúng tôi xa nhau lắm. Từ một anh đồ nho chậm chạp, giữ gìn, tôi trở nên ngay một cậu học trò tây nhanh nhẹn, tinh nghịch. Còn anh Chế thì vẻ mặt vẫn nghiêm nghị, dáng điệu vẫn ung dung, y phục vẫn chững chạc. ngôn ngữ vẫn lễ phép, hình thức hoàn toàn của một thầy khóa con nhà quý phái ngày xưa.

Vẻ mặt ấy, dáng điệu ấy, ngôn ngữ ấy trước còn vừa phải thôi, chưa rõ rệt quá. Tôi chỉ mới nhận thấy rằng anh nết na, đứng đắn và yên lặng cần cù làm việc.

Và tôi để mặc anh ngày đêm loay hoay với quyển sách quyển vở của anh. Hai thế giới cách biệt nên anh và tôi cũng ít khi gặp nhau, tuy ở cùng chung một nhà: Thế giới của anh là nơi phòng kín, thế giới của tôi là ngoài sân rộng, ngoài bãi cỏ thênh thang với những hòn bi, quả cầu, quả bóng. Nhưng sang năm cuối cùng thì anh quá quắt lắm, sự thận trọng của anh trở nên tỉ mỉ đến nỗi tôi phải lưu ý và lấy làm khó chịu.

Sáng sáng anh dậy sớm, rửa mặt xong, lấy khăn lượt ra chít, quần thong thả từng vòng, hể mỗi khăn ra phía mặt quá một tí hay chữ nhân hơi lệch một ly là anh tháo ra chít lại, có khi mất hơn nửa giờ mới xong. Rồi anh ngắm vuốt cái áo cổ cứng, cái quần ống sớ, cái áo lương thâm mà cách vài hôm anh lại là. Đôi giày Gia Định của anh thì lúc nào

cũng bóng như láng một lần mỡ, và, một sự làm đom quá tưởng tượng, ít buổi anh quên đóng tắt trắng tuy thời tiết về cuối xuân đã trở nóng. Hôm nào anh thắng giấy tây, — đôi giấy tây đen có cổ mà trước kia mỗi khi ra Hà Nội anh mới diện, — là đoán biết hôm ấy tắt anh không được trắng sạch.

Buổi đầu tôi không ngờ vực điều gì. Tôi đã quen với cái cách phục sức trang điểm như đàn bà của anh, có lưu ý tới anh thì tôi cũng chỉ phê bình bằng một cái mỉm cười lặng lẽ mà thôi.

Nhưng về sau, tôi không khỏi sinh nghi, vì tôi nhận thấy rằng, chiều nào ăn cơm xong, anh Chế cũng y phục chỉnh tề, chải chuốt hơn cả buổi sáng, rồi lúi thủi một mình ra đi. Một hôm tôi bảo Linh, em tôi:

– Không biết anh Chế đi đâu mà ăn mặc lịch sự thế nhỉ? Lại bơi cả nước hoa nữa.

Câu hỏi đã gợi tính tò mò của Linh, mới mười hai tuổi. Nó có vẻ suy nghĩ và có lẽ cũng bắt đầu tự hỏi như tôi: “chiều chiều anh Chế đi đâu?”

Chẳng bảo nhau mà hôm sau chúng tôi cũng có ý tưởng muốn dò biết cuộc ngoạn du đều đều và đúng giờ của Chế. Thấy anh sửa soạn ra đi tôi liền hỏi:

– Anh đi đâu đấy?

Anh lãnh đạm trả lời:

– Đi chơi mát!

Em tôi hỏi luôn:

– Anh cho chúng tôi đi với nhé.

Anh không giận cũng không vui,
thản nhiên đáp:

- Đi thì đi. Vậy mặc quần áo vào.
- Mặc thế này không được ư?

Anh Chế cau mày gắt:

- Ồ ra phố phải ăn mặc cho tử tế,
không người ta cười.

Sợ anh tìm cơ cật lên đi trước. chúng
tôi vội vàng thay quần áo.

Rồi mấy phút sau, chúng tôi lững
thững đi về phía đầu cầu. Đến cầu chúng
tôi đứng lại tựa lưng vào bao lơn. Linh
và tôi nói chuyện về nghỉ hè sắp tới, lập
cách sẽ làm thế nào để nhà khỏi bắt học
tử. Còn Chế thì chẳng bàn góp một câu,
cũng chẳng thèm bắt bẻ chúng tôi khi
chúng tôi có ý nói những lời vô lý và
ngang ngạch.

Yên lặng và lơ đãng anh chỉ vịn bao lơn cúi nhìn, thỉnh thoảng lại nhổ bọt xuống dòng nước lò đờ chảy. Trời tối hẳn, chúng tôi mới quay về... Thế rồi thôi, chúng tôi không để ý tới những cuộc đi chơi của anh Chế nữa. Nhưng một buổi chiều, ngẫu nhiên tôi gặp anh một mình đương thung thăng trên quảng đường từ phố chính tới trường học. Con đường ấy ngày nay không còn đẹp như xưa. Xưa thì đó là một nơi rất ưa thích rất thân mật của bọn chúng tôi, nhất về mùa hè, khi hoa phượng màu đỏ tươi nở đầy những cành uốn cong xuống và xò ra như cánh con chim trả bay là trên nước. Buổi sáng, buổi chiều ánh mặt trời chiếu xiên qua và giải dài lên đường những bóng thân cây ẻo lả. Và buổi trưa lúc mười một giờ chúng tôi về nhà cũng như lúc hai giờ chúng tôi đến lớp, lá phượng hoạt động đan nắng lên mũ lên nón chúng tôi...

Tôi chợt hiểu thì ra anh chàng yêu!

Vì tôi biết con đường cây phượng qua cổng bên nhà bà Ký Lan và trong nhà đó có hai cô con gái đương thì.

Bà Ký Lan ở cái nhà ấy là người thế nào, tôi không rõ. Tôi cũng không rõ bà còn chồng hay đã giá. Tôi chỉ biết một điều là nhà ấy có hai cô con gái xinh xinh vào trạc mười sáu mười bảy, cô Nga và cô Phụng. Hai cô suốt ngày cấm cung trong cái nhà kín cổng cao tường mãi cho tới buổi chiều khi học trò tản mạn trên con đường dưới bóng cành lá phượng. Tới giờ ấy, như có một nhà đạo sĩ đọc câu thần chú khiến cánh cổng sau từ từ hé mở để lọt ra ngoài một thiếu nữ, cô Nga hay cô Phụng ra sông Nhuệ kín nước theo con đường đưa tới trường, rồi rẽ sang tay trái để xuống bờ sông.

Tôi vẫn không hiểu tại sao hai cô lại đi gánh nước. Chẳng lẽ hai cô làm cái công việc nặng nhọc ấy để kén chồng trong đám học trò lớn cạnh nhà? Cho rằng vì bà Ký Lan nghèo, hai cô phải ra sức làm giúp mẹ càng vô lý hơn. Tiếng khá giả của bà Ký cả đến bọn học trò chúng tôi cũng biết, vì cái nhà bà ở đã rộng rãi lại bề thế. Đồ đạc bày ở trong lại nhiều và quý giá, thỉnh thoảng khi một cái cửa chớp phía trước lơ đãng để hé mở, chúng tôi đã ghé mắt nhòm qua và thấy nhan nhản những tủ trắc, sập gụ chậu sứ, đôn sứ và câu đối, đại tự vàng son sáng bóng. Một nhà sang trọng như thế mà hai cô con gái đẹp phải đi gánh nước ư? Nhất là trong nhà lại có một người đầy tớ lực lưỡng đẩy những bắp thịt nổi mà chúng tôi đã nhiều lần trông thấy mở cổng lúc cô con gái chủ gánh nước về. Vậy chỉ một cách giảng nghĩa ổn thỏa tuy hơi quá giản dị,

là thời ấy ở các tỉnh nhỏ, các cô con gái lấy công việc đi gánh nước làm đẹp, làm “nền”. Có thể không xa sự thực lắm, vì tại sao cô Nga hay cô Phụng lại cứ chiều mát mới đi kín dăm ba gánh nước?

Cố nhiên cô sẽ gặp bọn học trò và mấy anh lớn tuổi sẽ lả lơi chòng ghẹo, hay khúc khích cười thì thầm nói với nhau những câu tục tĩu. Nhưng cô thản nhiên như đi trên con đường không người. Chiều nào cũng vậy, chúng tôi không gặp cô nọ, tất gặp cô kia, mà cô nào cũng xinh đẹp cũng có duyên, cũng óng ả. Y phục cũng lại giống nhau, một cái áo trắng “phin”, một cái quần lĩnh tía cạp điều, một cái giầy lưng màu hồng giải tha thướt bay, khi cô gánh đôi thùng nước nặng, yếu điệu chạy trên đường về. Tuy thế, không bao giờ người ta lẫn cô chị với cô em vì một cô hơi đầy đặn, một

cô hơi thon thon. Chỉ thoáng nhìn cái hình đen cắt lên nền trời tây ráng đỏ ở phía bên sông cũng biết ngay rằng đó là cô chị hay là cô em. Biết để mà biết thôi, chú thực ra không ai mong mỗi được gặp cô nào, Vì dù các anh trò lớn có yêu nữa cũng là yêu cái xinh xắn, cái duyên tươi ở cả hai cô chứ không hẳn ở cô nào.

Tôi chắc rằng anh Chế là một trong bọn thương trộm nhớ thầm hai cô và tôi đứng đồn lại bên dậu găng vây quanh trường học để chờ xem anh thi thố tài năng. Nhưng lạ quá! Anh đã đi đi lại lại gần chục lần từ trường học tới chỗ rẽ ra sông và gặp cô Phụng đến ba lần trên quãng đường thực vắng mà anh tịnh không nói với cô một lời, không mỉm cười với cô một cái, không tỏ một cử chỉ gì khiến tôi có thể ngờ rằng anh yêu cô, hay có cảm tình với cô, hay ít ra hơi cảm

động vì cô. Anh khoan thai bước bước một, trang nghiêm và đỉnh đạc, vẻ mặt tự lự như nghĩ tới một bài luận đương làm giờ.

Chiều hôm sau tôi lại rủ Chế đi chơi mát. Và đến chỗ ngã ba, tôi làm như vô tình rẽ sang phía nhà bà ký Lan. Anh Chế cũng lảng lạng rẽ theo, nhưng khi đến trường anh nghiêm nhiên đi thẳng không quay trở lại nữa.

Vậy anh Chế có yêu một trong hai thiếu nữ không?

Có yêu thì chắc cũng chỉ yêu như mọi anh khác, nghĩa là nói đùa bốn một vài câu khi trong đám đông anh em gặp cô gánh nước trên đường về. Còn lúc đi một mình trước mặt cô thì yên lặng bước qua không thốt nửa lời, có lẽ vì sợ cô cự

tuyệt, cũng có lẽ vì tính nhút nhát rụt rè, không dám.

Từ đó, chiều chiều anh Chế vẫn một mình dạo mát, và đoán biết anh dạo mát ở nơi nào.

Rồi nghỉ hè tới. Sau khi thi đậu bằng tiểu học, anh Chế về thẳng nhà quê không tỏ chút lưu luyến khiến tôi không khỏi ngỡ vực tình yêu của anh.

Hai tháng sau anh lại tới Hà Đông để cùng tôi sửa soạn ra Hà Nội theo học trường Bưởi. Tôi nhận thấy anh có sút đi đôi chút. Hỏi thì anh nói anh vừa ốm dậy. Tôi khơi chuyện hai Cô Nga, Phụng và bảo cho anh biết hai cô vẫn đi gánh nước như thường, Anh lặng thinh không đáp.

Tối hôm ấy tôi rủ Chế đi chơi mát. Chúng tôi như cùng không có chủ định đi đâu. Tối chỗ ngã ba quen thuộc, bỗng không bảo nhau, chúng tôi đều dừng bước. Và tôi cười lên một tiếng. Anh Chế cười đáp lại một tiếng. Đó là cách biểu đồng tình một cách thâm kín của chúng tôi, vì chúng tôi cùng rẽ vào con đường cây phượng để đi qua nhà bà ký Lan.

Ra tới bờ sông thì trăng vừa mọc. Bấy giờ tôi mới nhớ ra rằng đêm ấy là một đêm trăng. Sông Nhuệ với hai bên bờ cao mấp mô và nham nhở, con sông rất tầm thường dưới ánh sáng ban ngày, vụt trở nên một cảnh đẹp mơ màng, một cảnh đẹp đầy thơ và tình ái. Chúng tôi đứng lặng ngắm dòng nước cuốn quanh và khi ra xa như biến vào nơi sương tỏa mịn mù. Trong giờ lâu chúng tôi im lìm vì cảm động... Tôi thoáng nghe thấy tiếng

ngâm thơ se sẽ thì thầm: Anh Chế vẫn thích ngâm thơ Đường mà anh thuộc rất nhiều.

Một lát, anh ngừng lên bảo tôi:

– Về thôi, Viên ạ.

– Về thì về.

Chúng tôi lại rẽ qua con đường cây phượng để ngắm ánh trăng in bóng lá thưa xuống đường. Và chúng tôi không im lặng nữa. Chúng tôi nói luôn miệng, nói huyền thiên, nhất là anh Chế, anh, một người mọi khi trầm trọng như một ông đồ già.

Đêm có lẽ đã khuya, chúng tôi vẫn còn chí chát nện gót giày trên quăng đường vắng. Và chúng tôi không nhớ đã bao nhiêu lượt qua công bên nhà bà ký Lan...

Bỗng, tôi tưởng mê... cánh cổng từ từ hé mở, hé mở. Nhưng thấy anh Chế đi chậm rồi dừng lại, tôi tỉnh ngay và tôi hiểu... Vì thế tôi rảo bước, để anh Chế một mình ở lại...

Một tiếng sập cửa. Theo liền một tiếng kêu ối. Tôi quay nhìn: anh Chế đã biến mất, cánh cửa bên nhà bà ký Lan đã im ỉm đóng kín như trước. Và yên lặng hoàn toàn đã trở lại bao bọc lấy cả một vùng bí mật. Tôi nhón nhác trong vài phút, rồi kinh hãi chạy một mạch về nhà, hốt hoảng đánh thức anh tôi dậy để thuật những sự lạ lùng vừa xảy ra. Anh tôi mỉm cười bảo tôi:

– Mê gái cho chết!

Rồi đưa tôi đi trình Cẩm.

Tới sở Cẩm, chúng tôi may mắn gặp

người đội cảnh sát An Nam quen biết mà ngày ấy người ta kêu tôn lên là Phó Cẩm. Nghe lời trình, ông ta cười ngất. Và ông ta hứa sẽ giải vây giúp.

Chúng tôi liền cùng đến nhà bà ký Lan. Và ông đội cảnh sát gọi cổng, cái cổng sau, mà ban nãy hai cánh nham hiểm hé ra như cái cạm bẫy hé ra rình bắt chuột!... Có tiếng ở trong hỏi:

– Ai?

Ông đội hách dịch đáp:

– Tôi, ông Phó Cẩm đây, mở ngay, có việc rất cần.

Cánh cửa mở, lần này mở rộng, để mời chúng tôi vào. Chúng tôi đường hoàng tiến lên nhà trên và thấy trong ánh đèn dầu, anh Chế đương ngồi trên trường kỷ, đầu không khăn, chân không

giấy vẽ mặt ngơ ngác. Anh bẽn lễn đứng dậy, ngượng nghịu mỉm cười với chúng tôi.

Ông Phó Cẩm sòng sọc bước vào nói với bà Ký, giọng rất tự nhiên và dong dạc:

– Ba cậu này đi chơi mát với tôi. Lúc qua đây quay lại thấy mất một cậu. Tôi đoán chừng vào chơi trong bà. Y như rằng.

Rồi trong khi bà Ký chưa kịp đáp nửa lời, ông ta kéo tuột anh Chế ra ngoài đường.

Tiếng cười đắc thắng của chúng tôi vang lên trong đêm khuya. Nhưng chúng tôi không khỏi buồn ngủi khi quay lại ngắm anh Chế quần áo xốc xếch, đầu tóc bơ phờ. Ông Phó Cẩm hỏi anh:

– Thế nào? Nó đã già cho gây nào chưa?

Anh Chế, giọng phân trần:

– Không! Bà ta mời tôi vào chơi nói chuyện đấy chứ!

Có lẽ cả ba chúng tôi cùng có một ý tưởng thương hại, vì không một ai nở cười.

Cách đây nửa tháng, anh họ tôi ốm nặng, rồi chết. Anh chết về bệnh thương hàn, chứ không phải vì ái tình? Trong cơn mê sảng, anh lảm nhảm nói một mình: “Quả thực bà ta mời tôi vào chơi.. Tôi nói dối nữa!... Quả thực bà ta mời tôi vào chơi...”

Rồi anh mang theo sự bí mật của anh sang thế giới bên kia.

Vì đó là một sự bí mật. Tôi vẫn không biết anh Chế có yêu một trong hai thiếu nữ không? Và tôi cũng không hiểu anh ta tự ý vào chơi nhà bà ký Lan hay bị bà ta bắt con gái hé cánh cửa âu yếm gọi lại gần để tên đầy tớ lực lưỡng đứng nấp một bên cổng xô ra tóm lấy.

— HẾT —

